

VAXLAP PHONPREXT

TÊU THUYẾT  
TINH BẢO THỂ THAO

# CÁI CHẾT

Trên Chấm Phật Đền

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Tác phẩm: **Cái chết trên chẩm phạt đền**

Tác giả: **Vaxilap Phonprext**

Dịch giả: **Bằng Việt**

Khổ sách: **13cmX19cm**

Số trang: **174**

Thể loại: **tình báo thể thao, công nghiệp**

Nhà xuất bản **Thể dục thể thao - 1987**

Đánh máy: **vqsvietnam, n1dminhd, totochan, Lynk\_xu, tctk, connguyen, picicrazy và lemontree123.**

Soát lỗi và làm ebook: **Nhóm Tây Phong Linh.**

\*\*\*\*\* TVE-4U\*\*\*\*\*

Sơ lược nội dung:

Phơrăng Píchle - một trong những cầu thủ xuất sắc nhất của câu lạc bộ Côlônơ bị giết trong khi đang thi đấu. Người ta tìm ra nguyên nhân dẫn đến cái chết của anh là một mũi kim tẩm độc cực mạnh được ghim vào mũi giày. Nhưng ai đã giết Píchle và giết với mục đích gì? Vụ án đang trong vòng điều tra thì thêm một người nữa bị sát hại. Một mối quan hệ giữa hai vụ giết người và vụ án bị mất cắp tài liệu mật ở Viện Nghiên cứu khoa học Giao thông chuyên về ô tô được xác lập. Bằng sự cố gắng và chuyên môn nghề nghiệp của mình, các trinh sát đã tìm ra được sự thật và kẻ gây án đã phải đền tội...

## 1

Thành phố đã qua mùa đông. Hầu như không ai còn mặc áo lông thú hay bành tô, trong các quầy bán hoa đã thấy bày bán những bông hoa xuyên tuyết đầu tiên, được đưa từ ven núi An-pơ về.

Ngôi nhà ở giữa thành phố, có dáng gợi nhớ một ngôi nhà kính trồng hoa khổng lồ, xây toàn bằng kính và bê tông. Cả hai mươi hai tầng gác đều sáng đèn. Một ngôi nhà lớn, rất hiện đại, được xây dựng trên một bãi đổ nát - dấu tích của những trận ném bom ngày trước, ra vẻ một biểu hiện rõ nét cho sự phát triển kinh tế sau chiến tranh. Một ngày cuối tháng Giêng, trên tầng thứ bảy của tòa nhà, trong một phòng làm việc ở sát góc tường sau những cánh cửa dày cộp, cách âm rất tốt, có hai người đàn ông đang ngồi. Đã khoảng chín giờ sáng, nhưng cửa sổ vẫn che màn xếp nếp. Ánh nắng ít khi lọt được vào đây, nên căn phòng chìm trong cảnh nửa tối nửa sáng, chỉ có ánh sáng từ chiếc đèn hắt lên.

- Phải đi Pra-ha ngay thôi!

Người được giao phó việc đó vụt ngẩng đầu lên.

- Nhưng anh không phải đi một mình đâu. Ở Cô-lô-nhơ sẽ có một người dẫn đường tới gặp anh. Hẳn sẽ là thư ký riêng và lái xe cho anh. Tên hẳn là Phơ-ri-đrich Cuốc, tuy người không được bình tĩnh lắm, khi gặp chuyện cũng dễ bối rối, nhưng được cái thạo việc. Anh sẽ đóng vai một thương gia lớn, chuyên kinh doanh bia. Tôi tin rằng anh sẽ làm trọn việc này vì anh quen làm việc không gây ồn ào, mà lần này lại không phải có chút tính toán nào liều lĩnh cả. Hơn nữa, anh lại rất thông thạo Pra-ha.

Người vừa nói đứng dậy và chậm rãi tiến đến một két sắt:

- Còn đây là việc cuối cùng cần nói với anh. Trong két này có một ngân phiếu đề tên anh, trị giá 20 ngàn đô-la.

Người được giao nhiệm vụ im lặng cúi xuống tập ảnh cùng một tập tài liệu đánh máy do cấp trên của mình vừa rút từ trong két ra và ném lên bàn. Ông ta xem xét một lúc, rồi lại ngẩng đầu lên.

- Sao nữa?

- Anh và Phơ-ri-đrich hãy tự giải quyết lấy mọi chuyện. Đó là việc của anh. Anh biết rõ tôi đang nói về việc gì, và việc ấy cần cho ai. Sau ba tuần nữa, mọi thứ sẽ phải có ở trên bàn tôi. Nhưng anh hãy liệu, - tên sếp hơi cao giọng - các anh chỉ được phép làm việc cho riêng chúng tôi thôi...

Người được mời đến ngược nhìn lên sếp của hẳn:

- Nhưng thưa ngài đại tá...

- Tôi hiểu, nhưng tôi vẫn cứ phải dạn thế. Và còn Cuộc, hẳn thạo kỹ thuật lắm đấy, trong lĩnh vực đó, anh có thể hoàn toàn tin cậy ở hẳn. Từ ngày hôm qua, hẳn đã theo dõi sát Pích-le rồi đấy. Còn cần hỏi gì không?

Ngày Thứ Tư ấy bắt đầu không có gì đáng kể. Tôi ngủ dậy muộn. Mặt trời chiếu thẳng vào mắt. Phải nheo mắt lại, và phút đầu tiên, tôi không định thần được là mình đang ở đâu. Theo thói quen, tôi chìa tay với sang chiếc bàn con ở cạnh giường và tìm đồng hồ. Đã chín giờ! Phải dậy đi tắm ngay, rồi mặc quần áo tức khắc, dù tôi biết là đằng nào mình cũng đã muộn. Vì thế, sờ lên cảm một cách máy móc, tôi quyết định: tốt hơn hết là cứ gọi điện và thú nhận thẳng thắn là mình ngủ quên:

Đầu dây bên kia Bo-rơ-giếch cầm ống nghe.

- Tôi nghe đây!

- Cậu hiểu cho, hôm qua mình đi xem chiếu bóng với Ma-ri-a, rồi sau đó ngồi lại với nhau... Không biết Gô-mô-la có nói gì về chuyện mình mất tâm cho tới tận giờ không? Có làm sao không?

- Cậu nghe đây, - giọng Bo-rơ-giếch trả lời bình tĩnh - ổn cả thôi. Cuộc họp ở chỗ thiếu tá được ấn định lúc mười giờ kia, bây giờ thì đang còn lặng như tờ. Cậu cứ việc kiểm cái gì cho vào bụng đi đã, còn kịp chán, một tiếng nữa cơ mà!

Tôi gác máy nói, vươn vai và vào phòng tắm hương sen. Sau đó mở tốc độ “gài số ba”, ăn sáng thật nhanh, cạo râu và đứng mười giờ, bước vào phòng làm việc của thiếu tá Gô-mô-la.

Mọi việc vẫn bình thường, Thượng úy Bo-rơ-giêch Giắc từ nay tới tận mười hai giờ đêm hôm thứ Bảy phải sẵn sàng chỉ huy nhóm dự bị. Sau đó đến phiên tôi, thượng úy I-ô-giép Pha-tốt-xka. Chỉ đáng tiếc là lại mất toi tối thứ Bảy!

Cuộc họp kết thúc lúc mười một giờ.

Một tiếng đồng hồ sau, Gô-mô-la lại gọi tôi. Trong hành lang tôi gặp Ca-bi-sếch. Anh nháy mắt:

- Nay cậu đừng quên, hôm nay nhé...

- Tất nhiên rồi, có trận đá bóng. Cậu đừng đi một mình, rủ mình với nhé. Tất nhiên mai phải làm báo cáo, nhưng mình đã mang hết giấy tờ về nhà để buổi tối bọn mình sẽ cùng làm ở nhà mình, được chứ?

Thiếu tá Gô-mô-la mời tôi hút thuốc:

- Thế nào, việc ở khu Vư-xô-tra-nư đến đâu rồi?

- Chúng tôi đã kiểm tra cẩn thận. Có vẻ như là tình huống ngẫu nhiên. Chúng tôi đã đặt xuống đó một tờ giấy khác, và căn cứ theo lớp bụi phủ, trang giấy kia đã nằm dưới tủ khoảng ba-bốn ngày. Nó được phát hiện vào hôm Thứ Năm, vậy là nó rơi xuống đó từ Thứ Hai, và cũng có thể, từ Thứ Bảy trước. Ngày Chủ Nhật thì không có ai trong phòng thí nghiệm cả, còn hôm Thứ Bảy thì mọi tài liệu do kỹ sư Đa-vi-đếch thu dọn và khóa tủ. Trong tài liệu, có bốn mươi bảy trang, một số bản vẽ và sơ đồ. Cả sáu người đều khẳng định rằng không một ai trong số họ đánh rơi mất một trang nào cả...

Một việc kể cũng lạ. Hai năm trước, kỹ sư Đa-vi-đếch, cán bộ của Viện nghiên cứu khoa học Giao thông chuyên về ô-tô đã có một phát minh thay đổi về cơ bản kỹ thuật chế tạo ắc-quy. Dầu tôi không phải là nhà kỹ thuật hay nhà hóa học, nhưng tôi cũng hiểu rằng đó là phát minh có tầm cỡ thế giới: nó làm cho việc sản xuất các ắc-quy bọc kín rẻ đi rất nhiều, và không cần thiết phải tiêu phí thêm những chất điện phân nữa, mà thời hạn sử dụng lại tăng lên nhiều lần, và cái chính là điện dung tăng lên rất lớn.

Chỉ cần hình dung tình cảnh mùa đông, phải lái xe trong điều kiện bu-gi đánh tia lửa điện quá yếu là đủ thấy ngay!

Kỹ sư Đa-vi-đếch được nhận bằng sáng chế. Cùng với năm chuyên gia nữa, ông được phân công một nhiệm vụ do Nhà nước giao: nghiên cứu kỹ thuật sản xuất loại ắc-quy đó trong công nghiệp. Họ thử nghiệm, kiểm tra, rồi sau đó, một xí nghiệp có quy mô nhỏ bắt đầu được thiết lập để sản xuất thử. Sang năm, loại ắc-quy này sẽ được đưa ra thị trường thế giới. Theo tính toán sơ bộ, loại ắc-quy này không những rất được ưa chuộng trong nước, mà ở bên ngoài, đúng như mọi người mong đợi, cũng gây một tiếng vang không nhỏ.

Việc nghiên cứu đã đưa vào nhóm Đa-vi-đếch những chuyên gia giỏi nhất. Tất nhiên, trước khi hoàn thành công việc này, người ta không công bố phát minh trên, nhưng ở ngoài hành lang, đã bắt đầu xì xào rằng, trong các phòng thí nghiệm MS-4 và MS-5 đang tiến hành một công trình gì đó quan trọng. Cuối cùng thì nhóm Đa-vi-đếch luôn phải giữ gìn, cảnh giác, thật rất phiền hà, và bí mật có thể không sao giữ nổi! Giám đốc Viện nghiên cứu cùng những người có thẩm quyền phải liên hệ với cấp lãnh đạo cao hơn, và trong phòng thí nghiệm MS-4 xuất hiện một kết sắt không cháy để đựng tài liệu, đồng thời họ cũng báo cáo cho cơ quan an ninh biết về chuyện cơ quan đang cất giữ tài liệu mật.

Tất cả tưởng đã yên ổn. Nào ngờ, hôm kia, trưởng công an khu vực được báo cáo: hai tuần trước đây, người ta bỗng phát hiện ra rằng trong hồ sơ tài liệu thiếu mất trang 33. Sau khi tìm tòi hết cách, họ thấy tờ giấy rơi ở dưới gầm cái tủ lớn. Trang 33 đó lại chẳng có gì đặc biệt: nó chỉ bao gồm một đoạn miêu tả các vỏ của ắc-quy. Bản thân trang giấy ấy không có giá trị gì đáng kể.

Trưởng khu công an đề nghị phải hỏi cung tất cả những ai có liên quan đến tài liệu. Các chuyên gia hình sự đến xem xét kết sắt. Không có thấy một dấu vết gì đặc biệt ngoài cái trang giấy rơi dưới gầm tủ kia bao phủ

một lớp bụi mỏng. Cả sáu người trong nhóm Đa-vi-đếch đều cam đoan là không một ai sơ suất đánh rơi giấy đó được.

Một tuần trước đây, công việc được chuyển giao đến chỗ chúng tôi và thế là thiếu tá Gô-mô-la giao nó cho tôi.

Không thể nói rằng tôi phấn khởi lắm với nhiệm vụ! Vì tất cả những việc gì có thể làm, thì anh em của cơ quan điều tra hình sự thành phố đã làm hết cả. Họ đã lần tìm đến từng kẽ nhỏ, y như những con chuột cống.

Bây giờ bắt đầu phải kiểm tra lại tất cả những ai có liên quan đến phát minh này. Sáu chuyên gia trong nhóm, cộng thêm với khoảng năm trăm người, dù chỉ là nghe hóng, những cũng có biết chuyện họ đang làm. Một công việc vất vả. Lại phải đi tìm hiểu họ hàng của cả sáu người đó. Mà công việc ấy chỉ giao cho nhóm chúng tôi. Cả nhóm làm quần quật mà chưa có kết quả gì.

Có ba chìa khóa để mở két sắt. Một, do kỹ sư Đa-vi-đếch nhóm trưởng giữ, một do kỹ sư Các-lích, nhóm phó giữ, còn cái thứ ba thì cất trong tủ sắt của giám đốc Viện. Cả ba người đều nói rằng không một người lạ nào được quyền sờ đến chìa khóa, và mỗi lần lấy tài liệu ra khỏi két, đều có hai người cùng chứng kiến. Cả nhóm đã làm việc ăn ý từ hai năm nay, họ biết nhau không những ở Viện, mà còn là bạn của gia đình nhau. Vào hôm Thứ Bảy, khi cái trang giấy quái quỷ kia theo dự đoán là bị rơi ra khỏi tập tài liệu, thì cả nhóm đang đến nhà tiến sĩ Páp-lích. Tiến sĩ là một nhà chế tạo ô-tô tên tuổi, tác giả cuốn sách “Những điều cơ bản về giao thông đường bộ”, hôm ấy kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày sinh của ông. Trong một biệt thự nhỏ của ông ở đường Xpô-gi-lô-xô, tụ tập khoảng mười lăm người.

Tôi đặc biệt lưu tâm đến ngày lễ sinh nhật ấy:

- Có thể vì các đồng chí vội vã đến dự sinh nhật mà để trang giấy rơi ra được không? Hoặc ngay ở phòng thí nghiệm đã chúc mừng nhau bằng cách chạm cốc, rồi do hơi men mà không để ý đã để rơi mất?

Không thể có, Páp-lích hôm ấy nghỉ ở nhà để giúp vợ làm bánh xan-đuých và ra cửa hàng mua rượu với đồ nhắm. Đa-vi-đếch và Các-lích thì

mang chìa khóa theo người. Và suốt trong đêm họ vui chơi chè chén ở vi-la của Páp-lích, chìa khóa vẫn ở nguyên trong túi họ.

- Thế nhờ có một ai, trong lúc vui lấy trộm chìa khóa và lén về Viện một chốc không?

Điều này cũng không thể xảy ra. Đa-vi-đếch buộc chìa khóa vào cùng một chùm với các chìa khác của mình. Còn Các-lích thì để trong một ngăn ví. Ngoài ra, tự tiện vào Viện là không được phép, tôi đã thử và thấy việc bảo vệ ở đó khá nghiêm mật. Ban đêm, người cảnh vệ có chó bec-giê giúp, vẫn đi tuần tiểu khắp các mục tiêu cần bảo vệ kỹ.

Trong lúc tôi trình bày các chi tiết và rút ra kết luận, thiếu tá Gô-mô-la chỉ máy móc gật đầu. Tôi im lặng, và trong phòng hoàn toàn lặng phắc.

- Kỹ sư Đa-vi-đếch nhận được bao nhiêu tiền thưởng do phát minh trên, và nếu hoàn thành công trình, thì cả những người cùng nhóm sẽ được bao nhiêu?

- Đa-vi-đếch được tặng Huân chương lao động và một chiếc ô-tô. Còn cả nhóm sau khi hoàn thành sẽ được một khoản tiền thưởng rất hậu. Vài ngày nữa sẽ kết thúc việc thử ắc-quy, nhưng cả nhóm đã được trích trước tiền thưởng là nửa triệu cua-ron. Tất nhiên, ở đây là gộp cả tiền thưởng Ban giám đốc Viện và những công nhân tay nghề cao đã chế thử thành công bộ khuôn mẫu mới và những ắc-quy kiểu mới, nhưng riêng nhóm Đa-vi-đếch được nhận nhiều nhất - khoảng một nửa số tiền.

- Quả là tiền thưởng rất cao! Tóm lại, cậu kết luận rằng việc rơi trang giấy chỉ còn là một hiện tượng tình cờ. Và không một ai trong số họ chuyển đi đâu cả...

Và thiếu tá phẩy tay ra phía cửa sổ mở.

- Tôi chỉ mới so sánh các dữ kiện. Không ai trong số họ có một vết đen nào. Trong Viện và trong Bộ, họ là những chuyên gia giỏi nhất. Tất cả: Đa-vi-đếch, Các-lích, Páp-lích, Ku-lít, Nô-vắc và Ác-nô-xtơ đều có cuộc sống rất đầy đủ, nhà ở của họ rất sang và trừ Ku-lít ra, tất cả số còn lại đều



có ô-tô riêng. Tháng Tám tới, họ cùng gia đình chuẩn bị đi ra biển nghỉ mát.

Biết làm sao bây giờ? Đầu tiên là anh em ở khu phố Vư-xô-tra-nư bắt tay vào việc, sau đó là các chuyên viên Phòng điều tra hình sự thành phố quần mất bốn ngày liền, cuối cùng là nhóm chúng tôi cũng mất vào đấy cả một tuần. Không nên để Đa-vi-đếch phải ngừng trệ công việc quá lâu. Quả thực, đây chỉ là một chuyện tình cờ!

- Khi nào cậu cho tôi bản báo cáo?

- Trưa mai ạ. Đến tối nay tôi sẽ thảo xong, sớm mai tôi còn đi sang Viện và thông báo để họ trở lại làm việc bình thường đã.

## 2

Ca-bi-sếch chờ tôi. Tôi thu dọn các biên bản điều tra, những ghi chép của mình, cặp hồ sơ, rồi chúng tôi cùng đi ăn cơm. Câu chuyện xoay quanh sân vận động Xtơ-ra-hốp. Đội “Đu-cơ-la” phải gặp gỡ lượt về với các cầu thủ đội Cô-lô-nhơ. Đây là trận đấu rất đáng đi xem. Ở trên sân Cộng hòa Liên bang Đức, đội “Đu-cơ-la” đã thua 1 - 3, nhưng ở sân nhà hẳn có thể thắng, san bằng tỉ số, để có thể được quyền thi đấu trận thứ ba trên một sân trung gian khác.

- Trong thành phố ồn ào cả lên, - Ca-bi-sếch rất thích nói chuyện bóng đá - hàng dãy dài xe buýt từ Cộng hòa Liên bang Đức chạy sang, lại còn hơn một nghìn xe con từ tất cả Châu Âu tới nữa. Buổi sáng mình trông thấy cả một chiếc “Xi-tơ-rô-en” kiểu Tây Ban Nha trên quảng trường Vát-xláp. Có lẽ có ai từ Câu lạc bộ “Rê-an Ma-đrít” cũng đến xem, để chuẩn bị xem đội nào sẽ chờ họ trong vòng bán kết Cúp vô địch Châu Âu.

- Mình tiếc là Cu-se-ra bị chấn thương. - Ca-bi-sếch nói khi ăn xong món xúp và đang chờ món thứ hai - Không biết còn ai có thể sút thủng cầu môn họ được? Mà nếu chỉ ăn một bàn thì cũng còn là ít quá để có cơ hội mong gặp đội “Rê-an” ở đây...

Dù món thứ hai là gan trộn cơm tuyệt ngon, nhưng vẻ mặt của Ca-bi-sếch đã hoàn toàn uể oải, mất hứng. Anh nói:

- Giá hàng phòng thủ của đội mình giữ chân nổi Pích-le nhỉ! Đây là cỡ cầu thủ như Xê-le ngày trước ấy chứ! Anh ta mà sút trúng thì cột gôn cũng còn phải gãy nữa là...

Chúng tôi đi ra sân vận động lúc một giờ trưa. Tôi báo cáo là tôi và Ca-bi-sếch đi xem bóng đá, và chiều sẽ có mặt ở nhà. Bo-rơ-giếch nói trong điện thoại, là anh ta sẽ theo dõi trận đấu truyền trên ti-vi.

Khoảng hai giờ mười lăm, chúng tôi may mắn đã ngồi yên ổn trên khán đài. Ô-tô chen nhau tới sân vận động không thể tả. Xe của tôi không thể vượt được ai cả và vì thế suốt dọc đường tôi chửi đổng. Ca-bi-sếch thì

vui thích vì cảnh tượng ấy. Dòng xe và người nhốn nháo như điên tới sân vận động Xơ-ra-hốp hôm ấy, quả thực tôi mới trông thấy lần đầu.

Vậy là cuối cùng, chúng tôi cũng vào được chỗ ngồi. Những tiếng hò la của các cổ động viên Tây Đức tay vẫy ca cờ và giăng các khẩu hiệu, giờ cao ảnh chụp các cầu thủ xuất sắc nhất của họ, làm khán giả chúng tôi cũng rất nóng máu. Ca-bi-sếch nôn nóng hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác.

Hai giờ sau, trở về từ sân vận động, chúng tôi vô cùng phấn chấn. Ca-bi-sếch sung sướng như điên, tôi nghĩ, có lẽ hẳn sẽ có lúc đội “Đu-cơ-la” làm anh ta phát điên thật chứ chẳng chơi! Anh rẽ qua chỗ tôi uống một tách cà-phê, cạo râu rồi biến, chả là anh vội đến Nhà hát thánh phòng xem vở kịch “Những nhà vật lý”.

Mẹ tôi ăn xong chạy sang chuyện trò bên hàng xóm, và tôi trải rộng các tờ giấy ra bàn - đó là kết quả các cuộc nghiên cứu, xét nghiệm ở Phòng thí nghiệm cũng như biên bản các cuộc nói chuyện với cán bộ của Viện. Khoảng tám giờ rưỡi, bỗng có chuông điện thoại.

- Gô-mô-la đây! Tôi đang cho xe đến đón anh. Và anh đừng mong đêm nay sẽ được nghỉ ở nhà! Còn Ca-bi-sếch đâu? Ở nhà hát nào cơ? Được rồi...

Tôi không hình dung nổi chuyện gì vừa xảy ra. Để chắc bụng, tôi cứ cầm theo tất cả biên bản, giấy tờ gì có liên quan đến Viện nghiên cứu.

Chiếc xe “Ta-rơ-ca” thường chở Gô-mô-la đỗ xích dưới cửa.

- Chuyện gì vậy? - Tôi hỏi người lái khi vừa mở cửa xe.

- Tôi cũng không biết. Tôi đến trực từ bốn giờ chiều, và từ lúc đó chỉ ở trong ga-ra. Nhưng chắc hẳn có chuyện nghiêm trọng, vì cả nhóm đã được báo động. Gô-mô-la gọi điện đi đâu đó, còn Giắc đang tập hợp nhóm của mình.

### 3

Cửa phòng làm việc nửa đóng nửa mở. O-bla-sếch và Xmi-ran ngồi bên bàn. Bo-rơ-giếch đang nói gì trong điện thoại, còn thiếu tá thì đang lật xem các bức ảnh.

Tôi định báo cáo là mình đã có mặt, nhưng Gô-mô-la ngắt ngang:

- Được rồi, cái chính là cậu đã đến. Tôi đã cho người đi gọi Buốc-đa, và Sê-đi-vư. Còn Ca-bi-sếch tôi hy vọng là anh ta quả thực đang ở trong rạp hát. Phải tìm cho ra anh ta nữa.

Tôi vẫn đứng chờ nghe, xem Gô-mô-la gọi gấp chúng tôi đến có việc gì. Ông xếp tập ảnh lại, đưa cho O-bla-sếch và quay lại phía tôi:

- Cậu bắt đầu viết bản báo cáo liên quan đến việc xảy ra ở Viện rồi chứ? Mang lại cho tôi ngay mọi tư liệu cùng với các kết luận. Có cơ sở để nghĩ rằng đây không phải là một chuyện tình cờ. Nhưng cậu đừng vội động lòng, lỗi đâu phải là ở cậu...

Tôi rút tập tài liệu trong cặp ra và đưa cho thiếu tá. Ông lật giở vài trang, đẩy nó sang một bên tận sát mép bàn, rồi bỗng bất ngờ hỏi tôi:

- Hôm nay các cậu có đi xem đá bóng không?

- Có, tôi và Ca-bi-sếch. Chúng tôi có báo cáo qua Bo-rơ-giếch, anh ấy biết việc này rồi.

- Đúng. Cái quan trọng là các cậu đã có mặt trên sân bóng. Thế cậu có nhớ chuyện gì đã xảy ra với anh chàng trung phong Tây Đức?

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Có gì liên quan giữa bóng đá với những việc kia nhỉ...

- Cậu hãy nhớ lại thật kỹ diễn biến trận đấu. Nhất là quả phạt đền hỏng ăn. Rồi sau, vì sao anh chàng trung phong ấy lại bị đưa ra khỏi sân?

Mọi người chăm chú nhìn tôi, vẻ dò hỏi. Cả đến O-bla-sếch, người chưa từng bao giờ quan tâm đến bóng đá! Quái lạ thật! Nhưng khi mọi

người trao cho tôi xem tập ảnh, tôi mới hiểu ra ngay, việc này nghiêm trọng đấy!

Khi trong phòng đã tụ họp đông đủ cả nhóm, chỉ trừ có Ca-bi-sếch, tôi cố gắng nhớ lại từng chi tiết và miêu tả lại chính xác diễn biến trận đấu hôm nay.

Trận đấu quả là tuyệt tác. Đội “Đu-cơ-la” từ những phút đầu đã lấn át đối phương, dồn họ về nửa sân nhà. Các cầu thủ chúng ta chỉ còn có việc bắn phá khung thành và ghi bàn. Lần trước ở Cô-lô-nhơ trong trận lượt đi, tranh Cúp vô địch Châu Âu vòng tứ kết, đội chúng ta đã thua với tỉ số 1 - 3. Lần này tại sân nhà đội chúng ta cần phải thắng với tỉ số từ hai bàn trở lên để giành ưu thế.

- “F.S” làm bàn đi chứ! - Có tiếng la hét cổ vũ từ phía khán giả Đức. Còn phía chúng ta cũng hò reo:

- “Đu-cơ-la”! Sút đi!

Thế rồi đến phút thứ 17. Tiền đạo cánh phải “Đu-cơ-la” đá phạt góc một quả tuyệt vời vào giữa khung thành. Giữa đám đông lộn xộn nổi lên cái đầu của Plu-xkan, và bóng bay gọn ngay vào góc lưới. Cả sân vận động Xtơ-ra-hốp rung chuyển vì tiếng reo hò. Nhưng lập tức, tiếng reo hò còn náo nức hơn nữa, cả sân như cùng ồ lên một lúc: trung phong đội Tây Đức, cao dong dỏng, tóc màu sáng, là Pích-le, nhận được bóng, vượt qua được hai hậu vệ, sút một quả bất ngờ như trái phá: bóng dội vào xà ngang, bật ra, thật hú vía cho đội “Đu-cơ-la”!

Dần dần trận đấu trở nên cân bằng. Những đợt tấn công của đội khách ngày càng trở nên gấp gáp và nguy hiểm hơn. Thủ môn đội “Đu-cơ-la” phải chạy khỏi khung thành và lao thẳng vào trước chân tiền vệ phải của đội Tây Đức, cứu cho đội nhà một bàn thua trông thấy! Anh bị đau, mãi không dậy được, bác sĩ phải vào sân cứu chữa và trận đấu dừng mất ít phút. Rồi tất cả trở lại bình thường, trận đấu lại tiếp tục.

Ca-bi-sếch thì quá nôn nóng, chốc lát lại lấy cùi tay hích tôi, nhưng tôi không chú ý đến cậu ta lắm. Giống như năm mươi ngàn khán giả trên sân,

tôi đang mãi mê theo dõi trận đấu.

Tôi nhìn lên đồng hồ ở phía trên cửa vào bên phải. Đã hai mươi lăm phút trôi qua. “Đu-cơ-la” - 1, còn “F.S. Cô-lô-nhơ” - 0. Giá từ giờ đến hết hiệp mà đội chúng ta sút thắng được thêm một bàn nữa nhỉ!

Tới đây thì xảy ra một sự cố:

Pích-le rất nhanh, nhận được một đường chuyền từ bên phải, lừa qua được hậu vệ “Đu-cơ-la” và... sút, không, anh ta ngã nhào xuống đất. Hình như trung vệ và hậu vệ phải không hề xô vào anh ta? Nhưng chỉ biết tiếng còi của trọng tài đã huýt lên dứt khoát!

Phạt đền mười một mét! Trọng tài người I-ta-li-a rất nghiêm, không hề khoan nhượng. Nghe những lời phân trần của các cầu thủ chúng ta, ông ta không hề thay đổi quyết định. Bác sĩ chạy vào sân đến chỗ Pích-le đang nằm. Tôi cho rằng anh ta không hề bị va chạm gì mạnh.

Trung phong đội Tây Đức đứng dậy, nhưng lão đảo y như anh ta bị choáng đầu.

Các cầu thủ khác dạt ra khỏi khu phạt đền. Cả sân vận động như nín thở. Thủ môn nôn nóng, nhổ bọt rồi xoa xoa hai tay đeo găng vào nhau, đi đi lại lại. Ai sẽ đá quả phạt này? Không ai tỏ ý muốn đá cả. Huấn luyện viên đội Tây Đức hét to một câu gì đó. Tôi nghe thấy nhắc đến tên Pích-le.

Pích-le lúc đó đang ngồi ngoài khu phạt, nhưng khi thấy một đồng đội đến gần định nhắc gì đó, anh ta bèn giơ tay, đứng lên và bước đến gần vạch vôi. Anh để bóng thận trọng, quay lưng lại và đo đúng năm bước. Rồi quay mặt lại cầu môn, chuẩn bị. Trọng tài, sau khi thấy không còn ai đứng trong khu phạt nữa bèn thổi còi.

Pích-le vẫn đứng, đầu hơi gục xuống. Thế là thế nào? Trọng tài bèn khoát tay ra hiệu rồi lại thổi còi lần nữa. Không khí căng thẳng càng tăng lên, và bất cứ phút giây nào, cả sân Xơ-ra-hốp cũng có thể vỡ tung ra như một nồi hơi bị nén quá độ.

Trung phong đội “F.S. Cô-lô-nhơ” ngẩng đầu lên và bắt đầu chạy lấy đà. Anh chạy chậm, tính bước chân phải rồi bập vào bóng... Nhưng cú sút thật tồi, đến mức đáng kinh ngạc: bóng lăn không nhanh lắm và chệch ra khỏi cột dọc bên phải đến ba mét! Và Pích-le một lần nữa lại ngã, ngã nhào xuống ngay tại chấm phạt đền mười một mét.

Khán giả ủng hộ đội “Đu-cơ-la” hân hoan, nhưng cũng tiếp tục bàn tán về tỷ số không san bằng được này.

- Có lẽ chấn thương nào. - Ca-bi-sếch nói - Chuyện ấy cũng hay xảy ra. Cứ tưởng sức khỏe vẫn bình thường, anh vẫn chạy nhanh như thỏ, ấy thế mà chỉ vài phút, anh có thể bất tỉnh nhân sự. Chắc hẳn trong lúc va chạm, anh ta bị chấn thương ở đầu. Nếu ở hiệp hai, anh ta còn chơi được thì hay hơn.

Mọi người xúm vào để tìm hiểu tình hình xảy ra trước cầu môn. Hầu như tất cả các cầu thủ đã túm tụm lại đấy. Các cầu thủ Tây Đức bao quanh trọng tài đòi phải trừng phạt nặng hơn nữa các hậu vệ của đội chúng ta. Thái độ của họ cũng dễ hiểu. Nếu như trung phong của họ phải rời khỏi sân cỏ vì chấn thương, tình hình sẽ xấu đi hơn đối với đội họ. Cuộc bàn cãi trên sân đã chấm dứt. Pích-le được đưa lên cáng khiêng ra. Bác sĩ, huấn luyện viên và những người xoa bóp cũng đều rời sân. Đã sang phút thứ ba mươi mốt. Trọng tài I-ta-li-a ra hiệu bằng ngón tay, rằng ông kéo dài hiệp thi đấu thêm ba phút.

Sau vụ lộn xộn ấy, các cầu thủ Tây Đức chơi dữ hơn nhiều, các cầu thủ “Đu-cơ-la” cũng không chịu kém, và thế là cuộc thi đấu đẹp mắt không còn nữa. Không còn những đường bóng phối hợp đẹp, chỉ còn là sự đọ sức và đọ gân của hai phía đối địch. Và cũng không ai còn dám giữ bóng lâu trong chân, mỗi người đều chuyền bóng đi bừa bãi hoặc sút thẳng vào khung thành - họ sợ bị va chạm khi tranh bóng. Gần kết thúc hiệp một, tỉ số trở thành 2 - 0, và chúng tôi sung sướng vì “Đu-cơ-la” đã đạt được mục đích. Đồng thời rửa hận được trận thua ở Cô-lô-nhơ. Tuy nhiên, hòa với niềm vui ấy còn pha trộn một chút cảm giác cay đắng, vì hình như đội nhà

đã chơi xấu để quyết thắng bằng được. Pích-le không trở lại sân được nữa, và đội Tây Đức rõ ràng yếu hẳn đi. Phía trên chỉ còn cầm hai tiền đạo, số còn lại đều quay về phòng thủ. Mười lăm phút trước khi trận đấu kết thúc, đội “Đu-cơ-la” được đá một quả phạt về phía khung thành “F.S. Cô-lô-nhơ”.

Các cầu thủ Tây Đức chưa kịp sắp xếp “làm tường” cho kín, thì tiền đạo “Đu-cơ-la” đã sút một quả chính xác, bóng bay vào lưới và tỉ số trở thành 3 - 0. Các cầu thủ Tây Đức đã mất hết tinh thần thi đấu và sau đó, liền trong mấy phút cuối, họ chịu thua thêm hai bàn nữa. Thắng lợi ấy của “Đu-cơ-la” thật bất ngờ, hầu như trở thành một chuyện giật gân. Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, ở đây có gì đáng phải giật gân? Trong đội Tây Đức, đã có một trong các cầu thủ xuất sắc nhất phải ra sân sớm. Và sự vắng mặt của anh, càng về cuối càng thấy rõ, đã ảnh hưởng tai hại như thế nào.

Khi tôi vừa kết thúc câu chuyện thì trên bàn Gô-mô-la, chuông điện thoại reo. Sau vài phút, Ca-bi-sếch vào phòng - anh mặc com-plê đen, chỉnh tề như đi ăn cưới.

- Thế là cả nhóm đã đông đủ. - Gô-mô-la nói, đồng thời đặt ống nghe xuống và ông quay về phía chúng tôi. - Các anh xem kỹ các tấm ảnh này. Cầu thủ người Đức ấy vừa bị chết bất ngờ! và hoàn toàn không phải do chấn thương não. Tất cả ở đây giống như một vụ mưu sát. Cần phải hỏi cung các vận động viên, cố gắng làm sao khai thác được ở họ càng nhiều tư liệu càng tốt.

Lại tiếng chuông điện thoại reo.

- Vâng, đã chuẩn bị rồi. Bây giờ là tám rưỡi, đúng chín giờ, nhóm của thượng úy Pa-tốt-xka sẽ có mặt ở khách sạn. Tất nhiên, kiểm sát viên cũng sẽ đến khách sạn. Vâng, đây là lệnh của ông ta... Được rồi, tạm biệt nhé.

Gô-mô-la im lặng một phút, sau đó đưa cho tôi xem mấy tấm ảnh chụp Pích-le đã chết, cùng cặp tư liệu về kết quả điều tra ở Viện.

- Pê-pích, việc điều tra hình sự vụ Pích-le sẽ giao cho anh. Anh phải tới khách sạn “Các-lơ-tôn” nơi đội bóng đang ở. Tài liệu liên quan anh sẽ



nhận từ tay thượng úy Béc-na-sếch. Biên bản đầu tiên đã làm xong, họ đã xem xét kỹ phòng ở của Pích-le, các đồ đạc của anh ta. Bây giờ việc hỏi cung các vận động viên đang được tiến hành. Trước 12 giờ sẽ có kết quả giám định của các chuyên gia về độc tố. Ở khách sạn đã dành riêng hai phòng cho nhóm của anh. Còn Xmi-ran sẽ ở lại cùng tôi. Và anh nhớ cho rằng ở đó đang đầy ắp các phóng viên nước ngoài, xin anh đừng có tổ chức những cuộc họp báo làm gì vội!

- Vâng, tôi chỉ có một điều chưa rõ, rằng tại sao đồng chí lại cử chúng tôi làm việc đó. Nó có liên quan gì đến việc chúng tôi đang làm đâu?

Thiếu tá quay ngoắt về phía tôi giọng nóng nảy:

- Có liên quan đấy. Trước nhất là liên quan đến cậu và nhóm của cậu. Cậu sẽ tiến hành những biện pháp gì thì tùy cậu, nhưng tôi khuyên cậu hãy nói chuyện trước tiên với bác sĩ của họ - ông Ghi-xman. Vì chính ông này nghe được những lời cuối cùng của Pích-le. Trên ô-tô đưa đến bệnh viện, bác sĩ đã tiêm cho anh ta một ống moóc-phin. Pích-le mở to mắt và sau đó bắt đầu mê sảng. Ít ra thì cũng là ông bác sĩ đã nói lại thế, rằng Pích-le đã yêu cầu ông giữ lấy cái áo vét của anh ta, trong đó hình như có vật gì quan trọng. Pích-le nhờ bác sĩ đưa cái áo đó về cho bố vợ anh ta. Sau đó anh ta mê man. Trong những lời cuối cùng anh ta thốt ra khi mê sảng, có nghe thấy chữ “ăc-quy”.

Ca-bi-sếch tròn mồm lại, đến nỗi phát ra một tiếng huýt sáo. Đầu mỗi đây rồi! Trong lưỡi tôi như muốn bật ra biết bao nhiêu câu hỏi một lúc... Nhưng thời gian không còn nữa - đúng 9 giờ chúng tôi phải có mặt ở khách sạn rồi.

## 4

Thượng úy Béc-na-sếch chờ tôi ở phòng số 201. Tôi và anh ta đã quen nhau từ lâu, thậm chí mấy năm liền còn học cùng nhau ở khoa luật.

- Pê-pích, rất vui mừng lại được gặp cậu... - Và anh kể nhanh chóng tất cả những gì anh đã biết.

Ở bệnh viện, người ra đã xác nhận trường hợp chết lâm sàng của Phơ-răng Pích-le. Các bác sĩ đã làm tất cả mọi cách để cứu sống anh ta, nhưng vô ích. Pích-le hoàn toàn không còn tỉnh lại được nữa.

Cơ thể của anh ta bắt đầu xám xanh, các cơ mặt bị cứng đờ - tất cả các hiện tượng đó không hề giống với triệu chứng lâm sàng chấn thương não hay bị xô đập nội tạng. Họ đã quyết định đưa xác anh ta đi giám định pháp y. Trước tiên bác sĩ riêng của đội bóng Cộng hòa Liên bang Đức là Ghi-xman phản đối, nhưng khi nghe các bác sĩ ở bệnh viện tường trình lại hiện trạng của người chết, và giả định rằng Pích-le bị đầu độc, thì ông ta đồng ý cho mổ tử thi.

Sự nghi ngờ đã được xác nhận: Pích-le chết vì bị đầu độc, một chất độc chưa rõ là gì nhưng hình như được rút ra từ một sinh vật sống nào đó. Vài phút sau, các bác sĩ giám định phát hiện ra rằng chất độc đã vào cơ thể Pích-le qua một vết đâm xước rất nhỏ ở ngón chân phải. Họ đã báo cáo lại đầy đủ chứng cứ với cơ quan cảnh sát hình sự.

Khi Béc-na-sếch đến bệnh viện, những kết quả đầu tiên của việc khám nghiệm đã được thông báo. Phần kết luận được ghi như sau: *“Pích-le bị một vật gì nhọn đâm vào chân, có thể là một chiếc kim tiêm có chất độc, và khi máu chảy ra thì có khoảng ba mi-li-gam chất độc này loang ra, hòa tan vào máu. Cơ thể khỏe mạnh, đã được rèn luyện nhiều của một cầu thủ làm cho nạn nhân còn sức chống chọi với độc tố, nhưng khi chất độc vào đến tim thì tim bị cứng lại, không co bóp được nữa, do đó dẫn đến cái chết”*. Cứu sống Pích-le là việc vô ích, không có cách gì làm được.

Bác sĩ Ghi-xman choáng váng như đang ở trong một trạng thái suy nhược thần kinh vì cái chết của Pích-le và Béc-na-sếch đã đi cùng ông đến bệnh viện. Ở đó, người ta đặt Ghi-xman vào phòng tĩnh, nghỉ một lúc để cho ông bình tâm và lại sức.

Chỉ khi tới bệnh viện, Béc-na-sếch mới chợt nhớ ra rằng quần áo của Pích-le cũng còn để ở bệnh viện và anh ra lệnh lập tức đưa lên cho anh xem. Sau đó anh bắt đầu việc hỏi cung các cầu thủ trong đội, và kết quả có lộ ra một vài điểm đáng ngờ.

Thủ môn E-véc và hậu vệ Lan-ghê nhớ lại, là trước trận đấu Pích-le tỏ ra nôn nóng, đứng ngồi không yên, không nói chuyện với một ai, sắc mặt anh ta cau có. Trước khi ra sân, huấn luyện viên Hô-li-de bước vào phòng thay quần áo và đề nghị mọi người đi giày cho nhanh. Chỉ năm phút nữa, trận đấu đã bắt đầu rồi. Và đúng lúc đấy, thấy Pích-le chửi thề ầm lên - thẳng xỏ lá nào đưa dai lại nhét vào mũi giày anh ta một chiếc kim găm thế này!

Pích-le lôi chiếc kim nhọn ra và ném vào Lan-ghê, người thường hay thích những trò nghịch tinh. Lan-ghê bèn vặc lại Pích-le, rằng mình không hề biết gì chuyện đó, hai bên cãi nhau, và huấn luyện viên phải can ngăn, vì đã đến lúc phải ra sân khởi động.

Lan-ghê không sờ gì vào chiếc kim găm. Chiếc kim đập vào áo Lan-ghê ở đằng đuôi rồi rơi xuống, và chẳng ai có thì giờ để ý tìm nó làm gì nữa.

Béc-na-sếch bèn cử mấy người mang theo nam châm và dụng cụ cần thiết đến ngay sân vận động, ra lệnh phải tìm bằng được cái kim rơi ấy. Sau nửa tiếng, chiếc kim đã được mang về. Bây giờ kim đã được đưa vào phòng xét nghiệm chất độc, và chúng tôi chờ kết quả từng phút một. Cũng ở phòng xét nghiệm còn có đôi giày đá bóng của Pích-le, bộ quần áo mặc ra sân, đôi tất, và bộ quần áo tập luyện. Lan-ghê đã gặp may! Nếu như Pích-le cầm cái kim găm trên tay và cào vào người Lan-ghê bằng cái đầu nhọn của nó thì hẳn là anh ta đã nguy rồi!

Chiếc kim đâm thuốc độc nằm ngay trong mũi chiếc giày đá bóng!

Béc-na-sếch dẫn tôi đến phòng 206 gặp bác sĩ Ghi-xman. Qua cơn choáng, bác sĩ bắt đầu kể lại cho tôi những gì ông đã chứng kiến trên chiếc xe cấp cứu từ sân vận động đưa Pích-le đến bệnh viện.

- Tôi khó mà có thể kể tường tận đúng từng câu từng chữ được, vì lúc ấy tôi rất bối rối và nóng nảy, và cho tới bây giờ cũng vẫn chưa hoàn hồn. Khi tôi thấy rõ rằng Phơ-răng Pích-le không còn một dấu hiệu gì tỏ ra sẽ sống được nữa, tôi quyết định tiêm cho anh một mũi moóc-phin. Phơ-răng chỉ mở mắt được độ một phút và nói, đại khái như sau: “Bác sĩ, tôi nhờ ông giữ hộ cái áo vét”. Khi tôi hỏi cái áo nào, thì hình như anh không nghe thấy, vì không thấy trả lời lại gì. Sau đó anh nói thêm: “Ông làm ơn mang về cho ông nhạc tôi, đưa cả những gì tôi mua được...” Tôi có cảm giác mình sắp điên. Phơ-răng lại nhắm mắt, và tôi nghiêng người ghé xuống sát môi anh ta. Anh lăm bắm cái gì đó về chuyện tiền nong, ắc-quy. Nếu tôi nghe không nhầm thì đúng là từ cuối cùng anh ta nhắc tới là “ắc-quy”. Phơ-răng Pích-le là con rể của ngài Ốp-pen-hai-mơ và rất lưu tâm đến việc lập nhà máy sản xuất ô-tô.

Kiểm tra viên đến, và tôi cùng ông thảo luận vấn đề xem xét các phòng ở cũng như đồ đạc cá nhân của các cầu thủ.

Tất nhiên, chúng tôi không hy vọng gì nhiều lắm ở các thủ tục khám xét đó, vì thủ phạm đã có đủ thì giờ để hủy đi, hoặc vứt đi tất cả mọi tang vật. bác sĩ Ghi-xman còn tự mình đề nghị chúng tôi đến khám hòm “đồ nghề” của ông: chiếc va-li con của bác sĩ. Trong đó không có vật gì đáng để chúng tôi phải chú ý.

Mười một giờ rưỡi, người ta mang các vật dụng của Pích-le từ phòng thí nghiệm về chỗ tôi. Tất nhiên chúng tôi quan tâm hơn cả đến đôi giày ra sân bóng. Giày của Pích-le thuộc loại tuyệt hảo, với ba đường sọc trắng - nhãn hiệu của hãng “A-di-das”. Nhân viên phòng thí nghiệm đưa cho tôi chiếc đèn pin nhỏ, tháo hàng đinh bằng a-lu-mi-ni-um ra, đặt một chiếc gương nhỏ áp vào gót giày. Tôi soi đèn pin vào trong.

- Đôi giày còn rất mới, không hề thấy một vết bùn hay mồ hôi trên đó. Nhưng hãy nhìn thật kỹ và đồng chí sẽ thấy một vết đen. Chiếc đinh ghim đã được găm chặt ở mũi giày phía đầu ngón chân cái, găm thật chắc, sao cho người đi giày chắc chắn phải bị đâm thủng vào chân! Như vậy là khả năng tự sát có thể loại trừ. Có lẽ, nên đưa đôi giày cho các cầu thủ xem chẳng? Tôi đề nghị Béc-na-sếch làm việc đó. Khi tất cả các cầu thủ biết chuyện gì đã xảy ra, và cái chính là xảy ra như thế nào, thì có thể sẽ có người sẽ nhớ ra một vài chi tiết nào đó có thể có ích cho chúng ta

Lát sau, một kỹ sư phòng xét nghiệm đã trình bày lại và cho các cầu thủ Tây Đức xem tang vật để thấy rõ Pích-le bị giết như thế nào. Các cầu thủ đứng thành vòng bán nguyệt, nhiều người còn mặc pi-gia-ma. Trong khi kỹ sư chỉ cho họ thấy chất độc ở đâu trong giày, Béc-na-sếch đã kịp thì thầm vào tai tôi đôi lời về từng người trong số họ. Sau đó chúng tôi trở về phòng riêng dùng làm “bản doanh” của cả nhóm.

- Còn với những đồ đạc khác của Pích-le thì xử trí ra sao? Trong chiếc áo vét có tìm được gì không?

- Không, một nhóm đặc biệt đã khám xét phòng 216 nhưng không phát hiện được gì khả nghi. Tất nhiên, các đồ đạc của Pích-le đều đã được đưa qua phòng xét nghiệm và được xem xét cẩn thận. Đôi giày vải đi trong nhà, bộ quần áo, những thứ trong va-li, một con gấu to và một bình hoa bằng pha lê.

- Một con gấu?

- Vâng, Pích-le mua vào buổi sáng, làm quà cho con gái. Con gấu lớn chiều cao đến một mét. Đây là tất cả những gì ta biết được. Biên bản đang làm ở phòng bên - phòng 203. Kết quả giám định sẽ được gửi ngay cho anh. Bây giờ, tôi cho rằng chúng ta nên gặp thủ môn, anh ta sống cùng với Pích-le cùng một phòng. Đây không phải cái chết do bị giết thông thường, buộc cơ quan an ninh có thẩm quyền phải bận tâm đến một điều, mà không biết đằng sau đó còn ẩn giấu điều gì nữa đây?

- Mình cũng chưa biết được rành rẽ, Va-sếch ạ. Lời nói cuối cùng mà Pích-le thốt ra là “ác-quy”. Chúng mình cũng đang bận vào một chuyện “ác-quy” Vấn đề là ở ta, trong lĩnh vực đó có một phát minh ở tầm cỡ thế giới. Do đó có dự nghi ngờ là có kẻ quan tâm đến việc sao chụp lại các tài liệu và bản vẽ, cũng có thể là Pích-le...

Béc-na-xếch chưa nói xong thì ở phòng xét nghiệm đã cho người mang biên bản xét nghiệm đồ vật đến. Không phát hiện được gì khả nghi thêm, chỉ có một chi tiết - đó là chiếc áo vét xanh của Pích-le đã bị cắt mất một chiếc khuy giữa.

## 5

Đội bóng Tây Đức chiếm cả cánh bên phải của tầng hai khách sạn. Có tất cả hai mươi lăm người, kể cả Pích-le. Chỉ có một phụ nữ - đó là vợ của chủ tịch câu lạc bộ bóng đá, còn toàn là nam giới. Họ được sắp xếp đa số ở các phòng hai giường nằm từ số 202 đến số 224.

Tôi mang Ca-bi-sếch đi theo, vì anh nói tiếng Đức thạo, đồng thời lại am hiểu bóng đá. Chứ còn với O-bla-sếch, thì đến nước có nói với anh rằng trận đấu nào lý thú nhất là trận đấu phải sử dụng đến hiệp ba, anh cũng chẳng buồn nhướn mày lên nữa! Vì thế tôi để Ca-bi-sếch trong “bản doanh” của chúng tôi tại khách sạn, còn các nhân viên khác thì tôi bố trí đi tìm kiếm các tin tức cần thiết khác ở trong khách sạn.

Chúng tôi bắt đầu từ thủ môn Han-xơ E-véc. Cầu thủ này là một người cao, đẹp trai, tóc đẹp, còn trẻ. Căn cứ vào các tài liệu do Bếch-na-sếch cung cấp, tôi đã được biết rằng tới lễ Giáng Sinh này, anh sẽ kỷ niệm sinh nhật lần thứ hai mươi lăm và anh là người mồ côi cả bố lẫn mẹ, đang theo học Đại học y khoa bằng tiền trợ cấp của Câu lạc bộ.

- Xin lỗi là chúng tôi đã đánh thức anh, Nhưng chúng tôi cần có anh giúp đỡ. Anh sống cùng một phòng với Pích-le, và như anh em nói, hai người vốn là những người bạn tốt. Hôm nay, theo tôi, anh vẫn phải đứng lên dững cảm như Y-a-sin, nhưng là ở trong công việc khác. Anh có thể kể gì cho chúng tôi nghe về Pích-le?

Câu chuyện kéo dài khoảng nửa tiếng, nhưng tôi cũng không biết được gì thêm so với những điều đã được biết.

- Tôi và Phơ-răng là chỗ bè bạn, nói rõ hơn là có quan hệ tốt với nhau ngay từ khi tôi về đá đội bóng. Trong các chuyến đi xa, bao giờ chúng tôi cũng ở cùng phòng. Cũng có thể, là vì chỉ có hai chúng tôi trong Câu lạc bộ là được đứng trong hàng ngũ đội tuyển quốc gia. Tuy nhiên vẫn còn thiếu một cái gì đó để quan hệ của chúng tôi phát triển thành một tình bạn thân thiết thực sự. Phơ-răng đã ba mươi tuổi, còn tôi kém hơn năm tuổi và những mối quan tâm của chúng tôi cũng khác nhau

Tôi hình dung trong óc, dù hãy còn mờ nhạt, hình ảnh của Pích-le, Anh trở thành cầu thủ chuyên nghiệp đã tám năm nay và đủ thời gian để kiếm ra tiền, đảm bảo cuộc sống cho những năm còn lại. Anh không hút thuốc, không uống rượu, sống cuộc sống điều độ. Từ một cầu thủ ở tỉnh lẻ, anh trở thành một ngôi sao có tầm cỡ Châu Âu. Đã bốn năm nay, anh trở thành người dẫn đầu của năm cầu thủ tiền đạo đội tuyển Cộng hòa Liên bang Đức. Và mới đây báo chí có viết đề nghị của đội “In-te” ở Mi-lan (I-ta-li-a) muốn mời anh đá cho họ.

- Đúng là đội “In-te” muốn đề nghị anh ta đá cho họ, E-véc nói với tôi nhưng Phơ-răng đâu còn là một chàng trai hai mươi tuổi để hăm hờ nữa. Anh không phải ngốc nghếch gì và hiểu rằng bây giờ đi sang I-ta-li-a kiếm tiền, quả là điều vô ý nghĩa. Giá như họ mời anh ta, chẳng hạn, năm năm trước đây thì có thể anh đã đi.. Nhưng bây giờ ư? Anh vừa lấy vợ ba năm nay và từ sau khi vợ anh sinh một cháu gái, anh không còn mối bận tâm nào khác ngoài luyện tập ở sân bóng và việc gia đình. Tháng giêng vừa rồi, tôi có dịp đến vi-la của anh - nhân ngày sinh của vợ anh - và tôi với anh đã chuyện trò khá lâu. Anh tỏ ra hài lòng về cuộc sống và bất chợt nói rằng nếu anh thấy mình đá kém đi, thì lập tức anh sẽ treo giày ngay. Ông bố vợ anh đã cản nhắc từ lâu, rằng đã đến lúc vứt bỏ cái trò đá bóng ngu xuẩn ấy đi và bắt tay thực sự vào doanh nghiệp. Còn cứ lẻo đẹo chạy theo quả bóng thì thật là không xứng với một thành viên tương lai của ban lãnh đạo Công ty liên hiệp sản xuất “M.W.F.”

- Anh có nghĩ Pích-le biết và nghi ngờ về một âm mưu nào đó chống lại anh ta không?

- Hoàn toàn không có. Theo như ta biết Pích-le, mà đây là nguyên tắc anh ta tự đề ra cho mình, anh không bao giờ chịu bó tay ngồi yên trước một việc gì. Tôi đã nói rằng anh ta rất yêu đời, và cũng có phần ích kỉ một tý, không tránh khỏi nhưng có ai trong chúng ta ở thời buổi này lại không mức khuyết điểm ấy?



Tôi ra lệnh cho O-bla-sếch cùng Sê-li-vư nhanh chóng đi tới khu Vư-xô-trai-nư và bắt tay lại từ đầu vụ xảy ra ở Viện nghiên cứu kỹ thuật ô tô. Tôi giao cho anh ba bức ảnh của Pích-le, để có thể xác minh xem có ai ở Viện này quen anh ta hay không.

## 6

Đội bóng đá Tây Đức đến Pra-ha vào buổi trưa Thứ Hai. Từ sân bay, các cầu thủ đi thẳng về khách sạn. Ba giờ chiều họ ăn cơm, sau đó ra sân vận động Xtơ-ra-hốp để xem tình hình sân bãi, và chỉ ở đó độ nửa tiếng. Ở sân vận động, các phóng viên nhiếp ảnh đã gặp gỡ họ, Pích-le và E-véc là những đối tượng được chú ý hơn cả - vì đó là hai tuyển thủ quốc gia, những cầu thủ xuất sắc nhất của câu lạc bộ Cô-lô-nhơ. Sau bữa ăn chiều, cả đội đi xem ca nhạc tạp kỹ và trở về khoảng mười một giờ đêm.

Ngày hôm sau, Thứ Ba, buổi sáng, đội Tây Đức tập luyện trên sân Xtơ-ra-hốp. Sau bữa ăn trưa họ đi tham quan thành phố. Buổi chiều, họ đi xem chiếu bóng. Sau bữa ăn chiều, huấn luyện viên Hô-li-de có phát biểu ngắn trước anh em toàn đội. Ông đặt ra những nhiệm vụ chiến thuật và kỹ thuật, công bố đội hình chính thức sẽ thi đấu, và nói về nhiệm vụ phải đạt được của từng đấu thủ. Mười giờ tối, toàn đội đi ngủ. Còn ngày hôm nay - thứ tư - đúng tám rưỡi họ dậy, ăn sáng lúc chín giờ, nghỉ ngơi cho đến trưa. Đa số cầu thủ vào thành phố mua sắm những thứ cần, sau đó ăn trưa nhẹ, và đúng một giờ, toàn đội lên xe ra sân vận động

Trước trận đấu, một số cầu thủ đề nghị xoa bóp, Pích-le không yêu cầu gì. Trong đội, người chịu trách nhiệm về trang phục và giày là bác Kê-ni-xmác. Sau buổi tập hôm qua, tất nhiên, giày có bị lấm bùn. Một số cầu thủ - nhất là đám trẻ, thích tự mình sang sửa giày lấy, nhưng phần đông cầu thủ, trong số đó có cả Pích-le thì phó thác việc lau rửa và đánh xi giày của bác Kê-ni-xmác. Bác thu giày vào buổi chiều và sáng hôm sau, trước bữa ăn sáng trao lại cho từng người.

Tôi hỏi Kê-ni-xmác rằng bác có luồn tay vào trong lòng giày trong khi cọ và đánh xi không.

- Tất nhiên là có, vì nếu không thì cọ và đánh làm sao cho sạch được. Tôi làm xong tất cả vào chiều hôm trước, thay loại đinh 13mm bằng loại 15mm. Đó là lệnh của huấn luyện viên Hô-li-de.

- Thế bác có nhớ, khi cọ và đánh giầy của Pích-le, ở trong đó có vật gì lạ không?

- Không có gì hết. Tôi còn thay cả dây giầy, rắc vào trong một ít bột “tan”, xoa đều, và kiểm tra bên trong, xem có chỗ nào trong giầy bị phồng và nổi cục lên không.

- Mỗi lần sang sửa giầy, Pích-le trả bác được bao nhiêu và nói chung, bác có điều gì có thể nói thêm về anh ta?

Ông già nghĩ ngợi một lát:

- Tôi làm việc ở Câu lạc bộ “F.S. Cô-lô-nhơ” từ năm 1949. Pích-le bao giờ cũng chở tôi đôi ba mác về công việc cọ giầy. Và ít nhiều cũng còn tùy hôm, do anh ta vui vẻ hay bực dọc...

- Còn về chuyện cái kim găm, bác nghĩ sao?

- Tôi chỉ biết rằng, buổi sáng khi tôi mang đôi giầy da “A-di-das” vào phòng thì giầy còn nguyên vẹn, ông E-véc lúc đó vừa ngủ dậy. Tôi đặt nó xuống chân giường và nói rằng chiếc giầy bên phải này ít ra phải sút được ba quả vào cầu môn đội “Du-cơ-la”! Ông E-véc cười, còn ông Pích-le thì hứa sẽ tặng tôi một chục điếu xì-gà. Còn nếu ông ấy làm bòn thật, thì quà tặng sẽ là hai hộp xì-gà nguyên vẹn kìa...

... Hay lại sang gặp E-véc để hỏi? Anh ta sống cùng phòng với Pích-le. Đôi giầy có thể ở ngay dưới chân anh ta buổi sáng. Nhưng anh ta tội gì mà lại lấy ra một chiếc, đính chiếc kim găm vào đấy rồi đặt vào chỗ cũ kia chứ? Nhưng có thể, cứ đến chỗ anh ta lần nữa! Trên bàn của tôi có đặt các bản tiểu sử, lý lịch của các cầu thủ, cộng thêm một tờ giấy dài ghi danh sách những ở trong khách sạn. Tất cả những thứ này cũng cần nghiên cứu cẩn thận. Nhưng hãy để giấy tờ đấy đã.

Tôi lại vào phòng 208. Những cầu thủ cũ ở phòng này làm bộ như đang ngủ. Còn E-véc được chuyển tạm sang đây, nằm trên chiếc đi văng có trải vải lót giường. Chiếc va-li để cạnh anh ta. Quần áo và các đồ vật, E-véc đặt trên chiếc bàn con để đèn đêm. Trên cùng là tờ tạp chí “Sinh học”. Chả

lẽ anh sinh viên Y-a-sin họ E-véc giờ này còn chuẩn bị để nghiên cứu chẳng?

- Không, thưa ông, bây giờ còn đâu óc đâu mà nhồi nhét những thứ ấy.  
- Anh mỉm cười khi nhận thấy cái nhìn dò hỏi của tôi - Tôi biết rằng trong danh sách những người bị tình nghi thì tôi đứng ở ngay đầu, đúng thế không? - E-véc nói - Vì chúng tôi sống cùng nhau, và tôi có thể dễ dàng nhét cái kim găm vào giày anh ta, các ông nghĩ thế chứ gì? Tôi hiểu là tôi đang bị nghi ngờ nhiều nhất! Nhưng người cầm trong tay đôi giày của Pích-le, cuối cùng là ông già Kê-ni-xmắc. Khi ông già mang đến, đôi giày bóng lộn như gương. Cho tới bữa ăn trưa, phòng khóa cửa, sau đó Phơ-răng về lấy giày. Tất nhiên ở phòng thay quần áo còn có thể có chuyện xảy ra lắm chứ. Ở đó ồn ào, luôn có người ra người vào, và bất kỳ cầu thủ nào, kể cả huấn luyện viên, đều có thể nhét vào mũi giày chiếc kim găm mà không ai để ý. Chỉ trừ một người xoa bóp lúc nào cũng bận tay thôi. Các ông quan tâm đến cả găng tay của chúng tôi là đúng, vì gài chiếc kim tẩm thuốc độc bằng tay không vào là điều nguy hiểm. Nhưng nếu có ai đó ở phòng thay quần áo mà lại đeo găng để sờ vào các đôi giày, thì chắc sẽ bị người khác để ý, kỳ cục quá! Vì vậy, chiếc kim găm chỉ có thể gài vào đó ngay từ khách sạn thôi. Và thế là, chỉ có thể do tôi hoặc ông già Kê-ni-xmắc gây ra chứ gì? Đúng không?

Tôi không biết, anh ta nói đúng sai thế nào, nhưng không thể không đồng ý với cách suy luận logic của anh chàng thủ môn xuất sắc của đội Tây Đức, sẽ là một bác sĩ tương lai kia.

- Nhưng tôi đã nói rằng, tôi không có liên quan gì đến việc ám hại Phơ-răng Pích-le cả, và tôi cũng nghĩ như thế, đối với các cầu thủ khác trong đội, như vậy có nghĩa là phải có một kẻ nào lạ cắm chiếc kim găm vào giày của Pích-le. Nhưng cắm khi nào? Trước bữa ăn trưa, tôi không có nhà, tôi cùng với Mui-le, thủ quỹ của đội, và các cầu thủ Lan-gê và Bruyn-nơ-phen lang thang trong thành phố. Pích-le ra khỏi khách sạn quãng gần chín giờ, và trở về phòng trước tối, khoảng mười hai giờ. Trong phòng, khi

chúng tôi đi vắng, chỉ có bà dọn phòng khách sạn là được vào, và cũng có thể, còn ai nữa mà tôi không biết!

- Tại sao anh chỉ loại trừ các cầu thủ ra khỏi danh sách những người bị tình nghi? Anh có nghi ngờ ai trong số lãnh đội không?

- Tôi hoàn toàn không có ý định nói vậy. Tôi không tin là có ai căm thù Pích-le sống mái đến thế, tất nhiên tôi biết rằng có nhiều người ghen tỵ với anh ta. Ghen tỵ vì sự nổi tiếng, vì giàu có, vì được nhiều phụ nữ yêu...

- Và trong lĩnh vực đó. Pích-le cũng tỏ ra “có hạng”.

- Thành công đó cũng do ở sự nổi tiếng có sẵn nữa. Mà Phơ-răng thì đâu có xấu trai!

Tôi muốn biết Pích-le đã đi đâu trong khoảng thời gian từ tám rưỡi sáng đến mười hai giờ trưa. Theo lời khai của tất cả các thành viên đội bóng và Béc-na-sếch khẳng định là họ nói đúng sự thực - thì không một ai có mặt ở khách sạn vào buổi sáng đó. Họ đều đi ra thành phố từng tốp nhỏ, mọi người đều vào cửa hàng mua sắm thứ cần thiết. Chẳng hạn, E-véc vào cửa hàng “Đi-a-măng” mua một lọ hoa. Và anh ta không lúc nào rời tốp Mui-le, Lan-gê và Bruyn-nơ-ghen. Chỉ có Pích-le đi dạo Pra-ha một mình.

- Anh ta có thể ở những đâu trong hai tiếng đồng hồ ấy? Anh ta không nói gì cả sao?

- Không, mà tôi cũng không hỏi làm gì.

Tôi thấy E-véc bật lửa hút thuốc. Chỉ riêng có anh, thủ môn của đội là người duy nhất được phép hút thuốc, nhưng cũng hạn chế không được quá 10 điếu một ngày.

E-véc không chỉ là người thích nói nhiều, nhưng như Béc-na-sếch đã nói với tôi - cả đội họ cũng đều thế cả. Khi người ta báo tin cho họ, lúc ấy đang giữa bữa ăn chiều, về chuyện Pích-le đã chết, mọi người đều có một thái độ im lặng tuyệt đối như ở nghĩa trang. Không ai nói một câu nào, tất

cả đều như thu kín vào bên trong. Và cả sau đó nữa, khi mỗi người trong số họ được hỏi riêng, không một ai tỏ ra thích nói gì nhiều.

E-véc đứng ở gần cửa sổ, hơi nheo mắt. Tôi không thể rời bỏ cảm giác là anh ta có giấu giếm một điều gì đó. Anh ta nhìn đồng hồ - chỉ vài phút nữa là đã nửa đêm.

- Anh cho phép mình nửa đêm còn hút thuốc sao? Và một nhà thể thao lẽ nào lại được làm thế?

- Hôm nay là nhà thể thao, ngày mai đã là bác sĩ rồi.

Anh mỉm cười:

- Anh E-véc, tôi xin phép một phút nữa thôi, sau đó tôi không làm phiền anh nữa. Anh hãy nhìn vào đây - ở đây có ghi rõ, số tiền còn lại trên người Pích-le là bao nhiêu.

Trong ví anh ta có 60 đô-la, 450 mác và 300 cua-ron

E-véc nhìn vào những con số, lặng lẽ rút ví của mình ra, và giở cho tôi xem 100 đô-la, cùng với khoảng 1.000 mác.

- Trước lúc bay sang Pra-ha, người ta đưa cho chúng tôi tiền trả cho trận đấu thứ Bảy trước. Còn khoản đô-la này, họ trả trước cho chúng tôi tiền trận đấu với “Đu-cơ-la”, mà họ tin là sẽ thắng, Chả lẽ ông không biết rằng chúng tôi, những cầu thủ nhà nghề, có khoản thu nhập như thế nào sao? Vậy tại sao ông lại ngạc nhiên khi thấy trong túi Phơ-răng có tiền? Tôi chỉ đang ngạc nhiên là tại sao anh ta còn ít thế!...

Quả thực, tôi đã đặt một câu hỏi thiếu thông minh.

Tôi bèn chỉ cái áo véc xanh của Pích-le.

- Anh xem đây, có đúng là cái áo của anh ấy không?

- Đúng.

- Thế thì có gì đặc biệt?

- Anh thử nhìn kỹ xem!

E-véc lại sờ kỹ từng ống tay áo, kiểm tra hai túi, thò vào trong túi ngực. Rồi nhún vai, cởi áo của mình ra, mặc chiếc áo kia vào, trông giống như một thuyền trưởng tàu viễn dương. Chiếc áo véc rất vừa, cỡ số giữa anh ta và Pích-le hầu như giống nhau. Nhưng tới lúc đó, anh ta bỗng phát hiện ra là áo mất khuy giữa.

- Cái khuy à. Nhưng thế thì có chuyện gì đặc biệt?

- Nó bị mất. Mà không phải đứt, có người cắt mất!

Một lần nữa, E-véc lại nhún vai, cởi áo vét, treo nó lên lưng ghế và cầm điếu thuốc đang hút dở từ chiếc gạt tàn lên. Anh ta lại nhìn đồng hồ - đã quá nửa đêm ba phút.

- Anh có nhớ, Pích-le mặc chiếc áo này lần cuối cùng là vào khi nào không?

- Yên đã, tôi thử nhớ. Lần đầu tiên tôi thấy Phơ-răng mặc nó trong máy bay khi bay tới Pra-ha. Anh ta bảo tôi là mới may nó tuần trước, và mặc liền cả ngày Thứ Hai, và buổi chiều, khi đi xem ca kịch tạp kỹ... À, không, không phải... Sau bữa ăn chiều thì Phơ-răng cởi ra, và khi chúng tôi đi xem ca kịch, anh ta mặc bộ com-ple xám sẫm. Ngày hôm qua, tôi lại thấy anh mặc chiếc áo vét xanh và ngày hôm nay cũng thế - bây giờ thì đã phải tính là hôm qua rồi - anh ta mặc khi đi ra phố. Đúng, tôi nhớ như vậy, Phơ-răng sốt ruột, vội đi đâu đó, nhưng anh ta còn phải cạo râu. Anh mặc chiếc quần ghi sáng, khoác thêm áo trở về khách sạn, Phơ-răng đã thay quần áo, mặc bộ đồ tập luyện, anh ta xếp vào va-li chiếc bình hoa và con gấu. Còn về cái khuy kia thì tôi không nhớ là nó còn hay không, Phơ-răng cũng không nói gì về nó.

Anh ta im lặng một lát rồi nhìn tôi và dò hỏi:

- Ông cho rằng, cái khuy bị giật đứt kia có liên quan đến cái chết của anh ta sao?

- Tôi chưa rõ. Nhưng cái khuy đó buộc người ta phải đặt dấu hỏi nghi ngờ. Tôi nghĩ rằng không thể dễ dàng có ai cắt bỏ chiếc khuy ngay trên

chiếc áo còn mới như thế...

Tôi đã định để E-véc về đi ngủ, nhưng ngay lúc ấy có chuông điện thoại. Ca-bi-séch cầm lấy ống nghe. Anh nghe một lát, rồi nói ngắn gọn:

- Hãy dẫn cô ta lên đây lập tức! Rồi anh hướng vào tôi và nói thầm - Ở dưới cửa người ta vừa giữ lại một cô gái. Cô ta đến hỏi Pích-le!

E-véc đã đứng lên khỏi ghế, nhưng tôi yêu cầu anh ta chịu đựng thêm một phút:

- Đây đích thực là câu hỏi chót với anh. Anh vừa nói rằng Pích-le chiếm được rất nhiều cảm tình của phụ nữ...

- Sao? - Anh ta nhìn tôi, như thể chưa nghe thấy câu hỏi, và bắt đầu nôn nóng lật đi lật lại trên tay chiếc hộp đựng thuốc lá bằng bạc. Tôi có nói. Đó cũng là điểm yếu của Phơ-răng. Anh ta không thể bỏ qua một phụ nữ nào xinh đẹp đến với anh ta. Ngay ở đây, anh ta cũng có một cô đấy...

- Và tên cô gái Pra-ha xinh đẹp ấy là gì?

- Tôi không biết. Họ quen nhau đã lâu, cô ta chờ Phơ-răng hôm Thứ Hai. Lẽ ra tôi không nên nói động đến chuyện này, nhưng cũng có thể điều này có ích gì cho các ông chẳng. Khi chúng tôi từ sân bay về đây, cô ta đã ngồi đợi ở dưới tiền sảnh khách sạn. Sau buổi xem tạp kỹ, Phơ-răng không ngủ ở khách sạn. Anh ta chờ cho mọi người đã yên tĩnh cả, và trở dậy, ra ngoài. Tới sáng, anh ta mới về. Hôm qua thì hai người không gặp nhau. Bao giờ, trước trận đấu, lãnh đội Câu lạc bộ cũng đi kiểm tra các phòng rất nghiêm vì không tin tưởng các cầu thủ lắm. Hô-li-de vào hai lần, Phơ-răng ngủ say như chết... - E-véc lại im lặng, và xin lỗi vì sự so sánh không đúng chỗ này, rồi lại nói tiếp - Khi chúng tôi đi xem chiếu bóng về, hình như Phơ-răng đang gọi điện cho cô ta. Anh ta mượn người trực tầng số danh bạ điện thoại... Anh ta về phòng khoảng mười phút sau tôi, và như tôi thấy, anh ta có vẻ rất hài lòng. Tôi nghĩ rằng anh ta vừa gọi được cho cô kia để hò hẹn. Chúng tôi đã biết trước được chương trình sắp xếp cho đến cuối chuyến đi. Và có thể, sáng hôm qua anh ta vội đi mua sắm để có dịp về trước với cô ta, ngay ở đây, trong phòng này...



## 7

Cũng nên biết thêm rằng Phơ-răng Pích-le sinh ra đúng ba mươi năm về trước ở Các-lô-vy Va-ry, và mẹ anh ta là người Tiệp. Do thế, anh ta có thể nói thạo tiếng Tiệp.

- Cô gái kia đang ở đây! Tiếc rằng, anh đã không kể sớm về cô ta. Thế Pích-le có nói gì về cô ta không?

Tôi gạt đầu ra hiệu cho Ca-bi-sếch, để cô gái vừa được dẫn lên hãy đứng chờ ngoài hành lang.

- Tôi cũng không thấy. Tôi không quan tâm đến cô ta. Tôi hơi đau mà đi quan tâm tới những chuyện yêu đương nhăng nhít ấy của người khác... Và Phơ-răng chắc cũng không thích nói rộng ra. Càng ít người biết, càng tốt.

- Vâng, và lại Pích-le đã có vợ. Thậm chí, người ta nói rằng cuộc hôn nhân khá hạnh phúc nữa. Thế vợ anh ta có biết điểm yếu ấy của anh ta không?

- Hình như không. Tôi rất biết tính vợ Pích-le, chính tôi còn đi dự đám cưới nữa. Cô ta không đẹp, nhưng dễ thương và là người phụ nữ dễ chịu. Cô ta lấy Phơ-răng vì tình yêu, còn anh ta, tôi tin rằng, chỉ vì tiền là chính! Nhưng những cuộc hôn nhân như vậy, trên thế gian có hàng ngàn, hàng vạn, và cũng vẫn có hạnh phúc đấy chứ!

Tôi không hoàn toàn đồng ý với E-véc, nhưng tranh cãi làm gì - thời gian không cho phép. Và tôi chỉ đề nghị anh ta ở lại thêm một phút nữa, trong khi chờ dẫn cô gái kia vào, cốt để anh ta nhận diện, có đúng là cô gái đã chờ Pích-le hôm Thứ Hai không.

Tôi ra mở cửa, nhưng đột nhiên trong đầu tôi xuất hiện thêm một ý nghĩ mới, và tôi vội quay lại - hãy để cô gái đợi thêm vài phút ngoài hành lang. Tôi hỏi:

- Anh bảo rằng, Pích-le đã đến với cô ta suốt đêm thứ Hai. Thế họ hẹn nhau ở đâu, Pích-le có hé gì ra với anh không?

- Không. Phơ-răng chỉ nháy mắt với tôi, và không nói một lời nào thêm, chuẩn đi luôn. Chắc hẳn, buổi chiều, đã biết chương trình ngày hôm sau, anh ta gọi điện luôn cho cô ta sau khi xem phim và hẹn gặp sáng hôm nay. Chúng tôi thì đi ra phố khoảng chín rưỡi, còn Phơ-răng vội vã chuẩn bị đi đâu đó. Tôi trở về khoảng 12 giờ, Pích-le đã ở trong phòng, đang gói ghém cái bình pha-lê. Nhưng tôi đã nói chuyện ấy rồi. Và phải nói thêm rằng anh ta tỏ ra rất vui vẻ, thậm chí còn huýt sáo.

- Xin cảm ơn anh. Bây giờ tôi dẫn cô gái vào, anh hãy ra hiệu cho tôi, có đúng là cô ấy không, sau đó anh có thể về nghỉ. Và nếu chúng tôi còn cần anh giúp đỡ, thì tôi xin lỗi trước, chúng tôi sẽ mời anh ở lại.

Tôi mở cửa, cô gái bước vào, có Béc-na-sếch đi kèm. Han-xơ E-véc hơi quay nửa người lại nhìn qua khe cửa và khẽ gật đầu.

Cô gái ngồi đối diện với chúng tôi, xinh đẹp nhưng có vẻ hoảng hốt. Trong tay, cô vò vò một chiếc khăn mùi xoa, thỉnh thoảng lại lau lau lên tay.

- Tên cô là Iếc-gi-na Gô-li-kô-va, sinh ngày 25 tháng ba, 1944 ở Praha. Hiện cư trú tại quảng trường Vát-xláp, số 42. Cô đang làm việc tại “Tổng công ty xuất khẩu kỹ thuật”, nghề nghiệp thư ký, chưa có chồng, có đúng vậy không? - Béc-na-sếch đọc chứng minh thư.

Cô ta đã ngồi dưới tiền sảnh gần một tiếng. Và vì cô ngồi một mình, nên đám đàn ông có vẻ chú ý đến cô. Có thể thấy rõ là cô đang sốt ruột, theo dõi tất cả những ai đi xuống cầu thang. Tới 12 giờ kém 10 thì cô đến bên bàn trực nhật và xin phép được gọi lên phòng ông Pích-le, số 216. Trong khi Béc-na-sếch đọc những lời khai báo đều đều kia, mặt Gô-li-kô-va đỏ dừ lên từng vệt. Cô muốn phản đối nhưng lại không dám. Tôi cũng không vội vàng hỏi cung.

- Pran-ta, - tôi nói với Ca-bi-sếch - cho mình một ngụm nước với. Giá cậu cho mình một cốc nước quả ép thì tốt.

Tôi ngồi trong ghế bành, đối diện cô ta, cầm lấy chứng minh thư, xem qua, rồi trả lời lại và nói:

- Cô chờ Pích-le có việc gì?

- Đồng chí cho phép tôi hút thuốc chứ?

Giọng cô mượt như nhung, tóc chải rất đẹp và mặc chiếc váy màu boóc-đô đắt tiền. Ở một bên ghế bành, cô ta vắt chiếc áo mưa màu đen, bóng loáng. Một phụ nữ hấp dẫn!

- Xin mời cô, - tôi chìa cho cô ta chiếc bật lửa. Cô rút bao thuốc và mời tôi. Trên nền trắng của vỏ bao có vẽ hình cây cung và mũi tên. Thuốc “Hô-úp” cũng không phải loại xoàng. Có thể, mình cầm một điếu chẳng? Khoan...

- Xin cảm ơn, tôi không muốn hút. Tôi muốn cô trả lời câu hỏi.

Cô ta gỡ một sợi thuốc ra khỏi môi bằng chiếc móng tay dài, vẻ thận trọng:

- Nhưng tôi biết nói thế nào?

- Cô cứ nói sao cho người khác hiểu rõ mọi sự là được và không phải thêu dệt gì nhiều. Cô quen ông Pích-le đã lâu chưa?

- Chúng tôi... Đã 5 năm. Chúng tôi quen nhau ở Pa-ri năm 1960, khi tôi sang đó thăm bà cô. Và cứ mỗi lần ông Pích-le đến Pra-ha, là chúng tôi gặp nhau như những người bạn cũ. Đồng chí đừng nghĩ điều gì xấu

- Tôi không nghĩ gì hết. Cô đề nghị trực nhật cho gọi điện thoại lên phòng ông Pích-le để làm gì?

- Vì chúng tôi đã hẹn nhau là hôm nay sẽ cùng nhau đi chơi đâu đó... Theo lời hẹn, tôi đến khách sạn trước 11 giờ và chờ ở tiền sảnh. Ông Pích-le nói rằng sau bữa cơm trưa sẽ có thì giờ rỗi rãi. Chúng tôi muốn đi khiêu vũ ở câu lạc bộ.

- Cả tối hôm thứ hai nữa, cô và ông ta đã đến đó?

- Vâng.

- Và hai người ở đó tới mấy giờ?

- Khoảng hai giờ sáng.

- Rồi sau đó?

- Sau đó ông Pích-le đưa tôi về nhà và quay lại khách sạn... - Cô ta im lặng một lát rồi nói thêm - Thì đã sao nào? Có gì xấu trong việc tôi đi khiêu vũ cùng ông ta và hôm nay chúng tôi hẹn nhau cùng đi chơi giải trí? Có thể, có chuyện gì xảy ra với ông Pích-le?

Tôi bỗng nổi cáu:

- Xin lỗi cô, cô Iéc-gi-na Gô-li-kô-va, nhưng người đang đặt câu hỏi là tôi! Có gì đó thật khó tin, rằng cô và ông Pích-le chỉ có đi nhảy múa với nhau. Cô đừng bực chúng tôi. Ông Pích-le không ngủ ở khách sạn suốt đêm thứ hai sang ngày thứ ba. Và tất nhiên không phải để đi dạo suốt đêm trên quảng trường Vát-xláp mà trời lại khá lạnh, phải thế không?

Ca-bi-sếch mang vào ba cốc nước quả ép. Tôi uống cạn một cốc, Ca-bi-sếch uống hết nửa cốc kia còn cốc thứ ba, anh ta đặt trước Gô-li-kô-va. Tôi phải ngạc nhiên trước vẻ ân cần của anh ta

Có thể thấy rõ là cô ta đang cố gắng một cách tuyệt vọng để nghĩ ra điều gì đó. Ngơ ngẩn nhìn vào không trung, cô ta lại chậm rãi rút điều thuốc ra.

Tôi cao giọng hỏi:

- Tôi không quan tâm đến chi tiết, tôi chỉ cần biết rõ sự kiện. Ông Pích-le có ngủ lại tại nhà cô vào tối Thứ Hai không? Cô có đi dạo phố với ông ta vào sáng Thứ Tư không? Cô có đến phòng ông ta sáng hôm nay không? Nếu lại đi khiêu vũ nữa, ông ta và cô có chuẩn bị sẽ lại về ngủ ở nhà cô không?

Cô ta vò chiếc khăn trong tay rất lâu, không biết quyết định nên kể thế nào về mối tình ngắn ngủi của mình với Pích-le.

Đây là lần thứ tư họ gặp nhau. Họ quen nhau ở Pháp, sau đó gặp nhau hai lần ở Pra-ha, khi Pích-le sang đây trong thành phần đội tuyển. và một tuần trước đây, cô ta nhận được thư của Pích-le, báo rằng sẽ bay tới Pra-ha vào Thứ Hai, và yêu cầu đón anh ta tại khách sạn, vì anh ta rất nhớ cô.

Hôm qua, họ đã không gặp nhau, vì sau buổi tập, anh ta phải tuân theo kỷ luật của đội, nhưng hôm nay, hai người đã hẹn nhau đi khiêu vũ, sau đó chắc hẳn Pích-le sẽ về nhà cô. Cô ta có một căn hộ một phòng, chưa có chồng và muốn làm gì tùy thích... Nhưng sau cú “sốc” đầu tiên, có vẻ cô ta đã lấy lại tinh thần.

- Tôi là gái đủ tuổi thành niên, và không ai có quyền dính vào chuyện quan hệ của tôi với ông Pích-le, và các ông cũng không được phép giữ tôi lại ở đây...

- Cô có ra sân vận động không, hay xem trận đấu bóng truyền hình?

- Không, Tôi không hề quan tâm đến bóng đá.

Chắc hẳn là cô chưa biết gì về cái chết của Pích-le cả.

- Có ai biết quan hệ của cô với ông ta không? Cô đã biết rằng ông ta đã có vợ chứ?

- Biết, ông ta đã viết thư báo cho tôi chuyện ấy, sau đó còn nói miệng. Đối với tôi, việc ấy không cần quan tâm.

- Cô đã có người yêu chưa, một chàng trai nào khác chẳng hạn?

Cô ta nhìn tôi với vẻ gần như khinh bỉ:

- Thử tán xem, nhưng tôi không có ý định ôm choàng lấy cổ bất kỳ anh chàng nào lao đến đâu. Thôi bây giờ thì các ông thả tôi ra chứ!

Tôi bèn nói cho cô rõ, rằng Phơ-răng Pích-le đã chết, và mặt cô bỗng tái xanh lại như bức tượng đá, mấy giây liền nhìn tôi trân trân như nhìn một ảo ảnh.

- Bây giờ, có lẽ cô muốn kể cho chúng tôi một vài chi tiết gì chứ?

- Trời ơi, sao lại thế?! Tôi không hình dung nổi, có chuyện gì đã xảy ra?

Cô ta bịt khăn vào miệng và nước nở khóc.

Trên thực tế, mọi điều có vẻ giống như yêu thương thông thường. Giống như bất kỳ một cuộc “phiêu lưu” ngắn ngủi nào trong tình cảm của

một trung phong nổi tiếng, như ở nhiều thành phố Châu Âu khác. Thế nếu như cô ta có điều gì giấu giếm?

Khoan đã, cô ta nói rằng hôm qua họ không hề gặp nhau. Như E-véc lại khẳng định rằng Pích-le vội vã đi đâu đó buổi sáng. Anh ta còn có thể quen ai ở Pra-ha nữa?

- Cô còn phải đợi một chút nữa. Cô hãy ngồi lại ở phòng bên, sau khi chúng tôi xác minh xong, cô sẽ được thả.

Tôi báo trước cho cô, rằng cô đừng nên bỏ trốn làm gì, và đề nghị lên Viện kiểm sát ký lệnh khám nhà cô.

Ca-bi-sếch dẫn Gô-li-kô-va sang phòng bên, và tôi gọi điện cho Sê-đi-vư, đề nghị anh kiểm tra lại sổ sách, xem có đúng Iéc-gi-na Gô-li-kô-va, sinh năm 1944, sống ở quận 1 Pra-ha có đăng ký hộ khẩu đầy đủ không.

## 8

Bàn giao công việc mất khoảng vài phút. Béc-na-sếch thông báo cho tôi những tin tức cuối cùng, và chúng tôi thống nhất là anh sẽ tiếp tục điều tra việc Gô-li-kô-va. Tôi đã được Gô-mô-la cho phép toàn quyền xét xử, nên Béc-na-sếch chỉ còn phải thống nhất với ban phụ trách thôi, chiến dịch điều tra của chúng tôi bây giờ bắt đầu giống một bông tuyết xòe cánh. Cần thiết phải có thêm một nhóm nữa, và chúng tôi được bổ sung thêm năm người.

Béc-na-sếch hành động nhanh và dứt khoát, như thói quen của anh. Anh đề nghị ban lãnh đạo Câu lạc bộ “F.S. Cơ-lô-nơ” cho đội bóng ở Praha đến Thứ Bảy. Sau đó, anh đề nghị bỏ bữa ăn chiều dài chung giữa các cầu thủ Tây Đức của đội “Cô-lô-nơ” với các cầu thủ Tiệp khắc của đội “Đu-cơ-la” định tổ chức tại khách sạn “Các-lơ-tôn”. Anh cũng ra lệnh người nào không có nhiệm vụ không được vào cánh bên phải tầng hai của khách sạn. Anh hết sức chú ý theo dõi bốn mươi phóng viên nước ngoài sống ở đây. Tất nhiên, họ đã có dịp trò chuyện với Hô-li-de và các cầu thủ ngay sau khi trận đấu kết thúc. Không khó khăn gì mà không hình dung được những chuyện xảy ra trong khách sạn sau trận đấu. Nhưng thái độ điềm tĩnh đến tinh khôn của Béc-na-sếch làm tôi đánh giá cao. Vì thế, tôi mới đề nghị anh giúp tôi trong việc phân tích trường hợp của Gô-li-kô-va.

Chẳng mấy chốc đã có một số đến chỗ tôi do Béc-na-sếch dẫn lại. Đó là ba nhà báo Tây Đức có tên tuổi.

Các nhà báo lập tức tìm hiểu được ngay là có chuyện xảy ra, và sau đó, họ đã biết chuyện Pích-le chết. Đó quả thực là một tin giật gân cho cả thế giới, vì thế thay mặt cho đoàn báo chí, ngài Kê-tri đề nghị tôi thông báo chi tiết.

Tôi cũng đề nghị ngược lại, là mong họ đảm bảo đừng làm cho giới cầu thủ xôn xao, cũng như đừng làm cho ban lãnh đạo Câu lạc bộ Cô-lô-nơ quá lo lắng. Các nhà báo hỏi tôi tới tấp, nhưng rất tiếc là tôi không làm cho họ thỏa mãn lòng hiếu kỳ được.

- Vâng, thưa các vị, Pích-le đã tắt thở. Và các cơ quan có trách nhiệm của Tiệp Khắc sẽ làm tất cả những gì để nguyên nhân đột tử này được sáng tỏ. Tuy nhiên, phải chờ một hai ngày nữa chúng tôi mới có thể thông báo chi tiết cho các vị được. Có thể, đây là một trường hợp không may ngẫu nhiên.

Họ thất vọng ra về. Có thể hình dung được là họ đang nghĩ gì. Và tôi hiểu rằng ngày mai sẽ còn hàng chục phóng viên nhiếp ảnh đổ xô đến đây nữa.

Tôi vui đầu vào đóng tư liệu do Béc-na-sếch chuẩn bị và do Bộ Ngoại giao cung cấp. Khoảng nửa tiếng sau, tôi gọi điện cho Gô-mô-la. Ông chưa ngủ và lập tức nhắc ông nghe lên. Tôi kể về Gô-li-kô-va, sau khi thông báo rằng Béc-na-sếch đang tiếp tục việc hỏi cung cô ta và Viện kiểm sát đã cho lệnh khám nhà.

- Nếu cậu nắm được tình hình gì mới, hãy lập tức gọi điện cho tôi nhé! Cậu đã nghiên cứu kỹ tiểu sử của các cầu thủ chưa? Có một chi tiết khiến tôi phải cảnh giác: Chủ tịch Câu lạc bộ bóng đá này - tên ông ta là gì nhỉ..., phải rồi - Mu-khơ-lây-xe cũng có liên quan tới Công ty liên hợp "Motor-Werke-Feraina". Còn Pích-le rể của Ốp-pen-hai-mơ, trên thực tế sẽ là ủy viên ban lãnh đạo Công ty liên hợp "M.W.F.". Có thể Mui-kơ-lây-xen muốn trừ khử Pích-le chăng? Chẳng hạn, để tăng thêm ảnh hưởng của mình trước ban lãnh đạo "M.W.F.". Hoặc giả là chính Ốp-pen-hai-mơ khó chịu vì chàng rể của mình sống linh tinh, có quan hệ với nhiều cô gái không đứng đắn, mất thanh danh của gia đình, nên đã bật đèn xanh cho Mui-kơ-lây-xen khử? Hay còn ai nữa ngoài cô ấy, đã có liên hệ điện thoại với Pích-le sau buổi xem phim? Có khi không phải chỉ có một cô gái xinh đẹp này dính vào vụ đó...

Việc xem xét kỹ khóa cửa phòng 216 cho thấy là khóa không hề bị tháo hoặc bẻ. Trong số đồ đạc vật dụng còn lại của Pích-le chỉ thấy có ví tiền và hộ chiếu, không một cuốn sổ ghi nào dù trong đó chỉ có một địa chỉ,



một số điện thoại, ngoài ra cũng không hề có một ghi chép gì khác. Tôi, Ca-bi-sếch và Béc-na-sếch ra sức tìm kiếm trong một số vật chứng ít ỏi ấy.

- Có thể, nên đến nhà Gô-li-kô-va. Tôi đã gọi bộ phận kỹ thuật, chỉ lát nữa họ sẽ tới...

- Rất tốt. Họ đến, thì cậu nên đi ngay với họ. Còn thử nói chuyện một lần nữa với cô ta, để hỏi xem cô ta đã làm gì ngày hôm qua.

Tôi gõ cửa phòng bên cạnh. Tôi phải gõ tới ba lần mới nghe thấy tiếng trả lời “mời vào”!

Gô-li-kô-va ngồi trên ghế đi văng, bên cạnh, một chiếc đèn bàn còn sáng. Hai má cô đầm nước mắt.

- Nếu quả thực lương tâm cô trong sạch và cô muốn sớm được trả lại tình trạng yên ổn, mong cô hãy kể tất cả những gì mà cô biết đi...

Cô ta đứng dậy, lạng lẽ đặt lên bàn cái xác bằng da cá sấu:

- Chìa khóa ở trong xác. Đẳng nào thì mọi người cũng sẽ biết chuyện cả, vậy mời các ông cứ đến đó mà lục soát đi...

Tôi lưu ý đến chiếc đồng hồ vàng mà cô ta khẽ đưa mắt liếc nhìn.

- Quà tặng cô à?

- Thế thì đã sao? - Cô ta cắt ngang.

Trong xác còn một số đồ lặt vặt mà phụ nữ thường mang. Tôi hỏi lại rằng Pích-le đã mặc bộ quần áo nào đêm ấy, khi ở lại nhà cô. Cô nói là bộ com-plê ghi sẫm và chiếc áo mưa kiểu Bô-lô-nhơ. Cô ta lại nhìn đồng hồ. Cô ta vội đi đâu nhỉ?

Tôi hỏi là Pích-le có nói chuyện với ai vào buổi tối Thứ Hai ở Câu lạc bộ không và nói chung, ông ta có người quen nào ở Pra-ha không?

- Pích-le là một người đàn ông rất lịch thiệp. Cả buổi tối, ông ấy chỉ biết có tôi. Ông ấy cũng không nhìn ngó một ai cả chứ đừng nói gì đến trò chuyện? Ông ấy không quen ai khác ở Pra-ha, đó, ông ấy nói với tôi như thế. Khi ông ấy đến đây, chỉ có tôi đi với ông ta ở mọi chỗ thôi.

Cần phải thả cô ta ra. Khi đi ra, cô ta thậm chí cũng không buồn quay lại đóng cửa nữa!

- Theo dõi cô ta chứ? - Béc-na-sếch hỏi khẽ, khi tôi đã đi ra hành lang.

- Có chứ. Nếu trong nhà cô ta mà cậu tìm được một chiếc khuy mạ vàng trên cái áo vét đàn ông, thì cậu gọi tôi tới ngay nhé. Bây giờ đã là hai rưỡi đêm, tôi nghĩ rằng, tới sáng thì cậu xong mọi việc. Cậu cũng nhớ ngó giùm dưới nhà một chút nhé. Nói tóm lại, cậu chỉ huy sao cho cả nhóm làm việc hết sức mình.

Trong phòng bây giờ yên tĩnh. Ca-bi-sếch vừa ngáp vừa lắp vào máy một băng cát-sét mới để thu tiếng. Tôi vùi đầu vào đồng giấy tờ và nghĩ rằng, có lẽ lại phải hỏi cung lại từ đầu từng thành viên một của đội bóng. Tôi đã nói chuyện với họ một lần, nhưng bây giờ, có thể họ còn nhớ lại gì thêm nữa? Tôi tin rằng phải có đến một nửa đội bóng, nhất là các cầu thủ dự bị, không ngủ được.

- Có cà-phê chứ cậu? - Tôi hỏi Ca-bi-sếch.

Anh ngồi im lặng trong ghế bành, giống như đang ngủ, mặc dù mắt anh vẫn mở. Anh không trả lời câu hỏi của tôi mà đột nhiên lại nói về một chuyện khác:

- Này, nếu như chuyện lại diễn biến như thế này thì sao nhỉ? Vào hôm Thứ Ba, Pích-le hẹn với ai đó sẽ đem đến cho anh ta một vật gì đó. Và trước trận đấu hôm qua, anh ta gặp gỡ người đó, chẳng hạn trên quảng trường Vát-xláp! Mật hiệu có thể là chiếc khuy áo dạt vàng ấy. Sau đó anh ta mới đi mua đồ và tặng phẩm rồi trở về khách sạn. Vật cần thiết mà anh ta đi kiếm, giờ này đã có trong tay anh ta. Nhưng trong khi anh ta ra phố, có ai đó đã vào phòng và găm chiếc kim vào trong giày anh ta. Có nghĩa rằng kẻ đó cũng muốn đoạt vật mà Pích-le kiếm được, và hẳn biết chắc là vật đó đã ở trong tay Pích-le. Có thể, hẳn nghe trộm được điện thoại khi Pích-le hẹn gặp? Nhưng kẻ đó có thể là ai? E-véc chẳng? Và Pích-le giấu vật bí mật ấy ở đâu? Trong va-li chẳng? Hay anh ta mang nó theo đến sân vận

động và giữ ở trong túi bộ quần áo tập? Bộ quần áo đó cởi ra để trong phòng thay quần áo, và sẽ không có ai chú ý đến cả.

- Cậu tưởng tượng giỏi quá đấy! Tôi cũng nghĩ là đã có người chuyên cho Pích-le một vật quý. Những lời nói cuối cùng trong xe cấp cứu chẳng đã khẳng định điều ấy sao? Và bây giờ, vật ấy chẳng đã nằm trong tay kẻ giết Pích-le. Nhưng tôi vẫn không hiểu, tại sao Pích-le chỉ nói đến chiếc áo vét mà không nhắc gì đến, chẳng hạn một cuộn giấy, một gói đồ, một tặng phẩm nào đấy. Có cái gì đây không hẳn là như thế...

Ca-bi-sếch đứng dậy và đi về phía cửa:

- Tôi sẽ mang cà-phê đến cho cậu, thứ thượng hạng mà ở khách sạn này có. Nhưng tôi muốn nói với cậu rằng, và hẳn cậu cũng vẫn nhớ rằng, trực giác của tôi, hoặc linh cảm, hay muốn gọi là gì đi nữa cũng được, rất hiếm khi đánh lừa được tôi. Trong cái khuy áo ấy phải có một cái gì đấy đáng ngờ. Ngày hôm qua Pích-le đã đưa nó cho một ai đấy. Anh ta hẹn hò với một người nào đó và cái khuy áo ấy là mật hiệu. Hoặc cũng rất có thể khuy áo ấy chỉ là một cái vỏ? Mật hiệu hay là một cái bao đựng gì bên trong? Anh ta còn mang theo áo mưa khoác ngoài, vì thế anh ta có thể thản nhiên trở về khách sạn mà không ai lưu ý gì rằng trên áo vét thiếu một cái khuy. Còn buổi chiều, anh ta mặc bộ đồ ghi sấm và đi với cô tình nhân xinh đẹp kia đến Câu lạc bộ để nhảy. Nếu chúng ta biết được, ai đang giữ chiếc khuy kia thì mọi vấn đề sẽ được giải quyết ngay.

- Thế nếu anh em ta sẽ tìm được chiếc khuy áo ở ngay nhà cô gái kia?

- Khó tin lắm. Nhưng nếu tìm được ở đó, có nghĩa là hôm qua họ đã gặp nhau và Gô-li-kô-va đã giấu kín chúng ta chuyện đó. Cần phải kiểm tra kỹ xem cô ta có vắng mặt và có can dự vào việc này không - cô ta đã ở đâu từ chín giờ rưỡi đến mười hai giờ trong ngày. Nếu không xác định được là cô ta vô can vì vắng mặt, thì chúng ta sẽ phải nói chuyện với cô ta theo cách khác. Thôi được rồi, để tôi đi lấy hai tách cà-phê ngon về đây đã.

Đầu tiên, chúng tôi muốn vào xem tất cả các phòng có thành viên đội bóng ở, nhưng kiểm sát viên khuyên chúng tôi không nên làm thế. Cố gắng ấy có thể trở thành vô ích. Hơn nữa, tội phạm không dại gì mà lại giấu cái khuy áo ác hiểm ấy ở ngay trong phòng mình. Còn nếu cất giấu, thì phải nghĩ cách để không ai vào mà dễ tìm được.

Tôi lại xem lại phòng 216. Trên sàn, chỗ hôm qua đặt đôi giày cầu thủ của Pích-le khi anh ta chưa ra sân bóng, chúng tôi đã đánh dấu bằng phấn. Chúng tôi quanh quẩn ở trong phòng khoảng hơn mười lăm phút, và khi đi ra, chúng tôi đã nghe thấy tiếng nói rì rầm từ máy ghi âm ở bên cạnh. Thì ra Ca-bi-sếch đã lại mở máy, và bắt đầu thận trọng so sánh, đối chiếu các lời cung khai, tập trung theo từng vấn đề chúng tôi đã khai thác được.

Khoảng một tiếng rưỡi chúng tôi làm việc yên tĩnh, sau đó có tiếng gõ cửa: nhân viên phòng xét nghiệm mang kết quả xét nghiệm bụi và rác ở phòng 216 đến. Có cả mấy chuyên viên về chất độc cũng đến. Họ xác nhận rằng Pích-le bị chết vì co thắt cơ tim, chất độc rất mạnh, nhưng họ chưa thể khẳng định được rằng đó là chất gì. Trong thời đại chúng ta, biết bao nhiêu độc tố đã được sản xuất ra, và không ai có thể biết hết tên gọi của chúng. Cũng có thể đây là một loại chất độc mới, được chế tạo đặc biệt. Chất độc đó đã được tẩm vào đầu kim.

Đôi giày cầu thủ của Pích-le đã được tháo rời từng mảnh trong phòng xét nghiệm và xem lại rất kỹ. Nhưng cũng không tìm thấy gì khác nữa. Còn chiếc kim thì không có nhãn hoặc mác sản xuất. Tất nhiên, điều ấy cũng dễ hiểu.

Sau đó là bản thông báo về những thứ ở trong va-li của bác sĩ Ghi-xman. Toàn là thuốc thông thường, kim tiêm, bông băng, moóc-phin. Ngoài ra còn là glu-cô-xan, xtê-nô-lon và duy-a-bô-lin những thứ thuốc làm tăng tổng hợp an-bu-min mà các nhà thể thao thường hay dùng. Từ những thứ thuốc này tiến đến dùng đô-pin (thuốc kích thích) cũng chỉ còn dẫn thêm

một bước. Va-li của Ghi-xman được kiểm tra kỹ càng trong phòng xét nghiệm, và không phát hiện ra một dấu hiệu nào chứng tỏ có chất độc.

Gô-mô-la nhận được bản sao tất cả các biên bản và báo cáo, đã khuyên chúng tôi gác sang một bên mọi kiểu cách giữ kẽ, rầy rà, cứ việc đi đánh thức từng cầu thủ một để hỏi chuyện họ, cho đến khi nào hết lượt những người ở cánh phải tầng hai khách sạn mới thôi.

Tất nhiên, đó không phải là một thủ tục dễ chịu gì, nhất là vào thời điểm bốn giờ sáng. Nhưng chúng tôi không còn thì giờ mà quan tâm tới thủ tục. Tôi đề nghị mời huấn luyện viên Hô-li-de đến đầu tiên, khi ông bước vào, tôi cảm thấy ngay rằng ông ngủ không say. Hô-li-de ngồi thoải mái xuống ghế, gác chân lên nhau và đưa bao thuốc “Lucky” mời tôi. Tôi rút một điếu và gọi người mang cà phê đến cho ông.

Chúng tôi nói chuyện với nhau chừng hai mươi phút. Câu chuyện không đem lại kết quả gì. Ông cho biết Phơ-răng được toàn đội yêu mến, không có ai thù địch với anh, cả cầu thủ cũng như lãnh đội.

- Ông cũng biết rằng khi có những thất bại, trong đội có thể xảy ra những lung củng, cắn nhả nhau. Tôi không muốn nói nường nhẹ đi đâu-vì người ta trả tiền tôi để cho toàn đội phải đá ra trò-nhưng những cuộc cãi vã trong chốc lát không thể nào biến thành hằn thù, tôi không thể tưởng tượng là có điều đó được. Hơn nữa, thời gian gần đây, đội chúng tôi hầu như đạt được thắng lợi liên tiếp, mùa bóng vừa qua chúng tôi chơi tốt, trận thắng nợ tiếp trận thắng kia. Chúng tôi đã thắng trong giải vô địch Cộng hòa Liên bang Đức. Mùa bóng năm nay chúng tôi cũng đang dẫn đầu bảng. Cầu thủ hưởng lương cao, không có ai phàn nàn điều gì...

- Thưa ông Hô-li-de, ông có thể cho biết, trong đội bóng có người nào tỏ ra sợ Pích-le không? Hoặc là Pích-le đã biết về người đó quá nhiều, nhiều hơn mức cho phép?

- Ông muốn nói là có một mưu mô mờ ám gì ở đây chẳng? Tôi không biết, nhưng chắc chắn không có lý do gì để giết người ở đây được. Tôi xin đảm bảo rằng không có chuyện gì mà tôi không để mắt tới, đầu óc tôi

không hề lơ lửng chút nào. Trong đội tôi mà lại có thể giết lẫn nhau! Đó chỉ có thể là một cơn ác mộng...

- Thế ngộ nhỡ vấn đề đặt ra là Pích-le đã bị thủ tiêu chỉ vì anh ta là kẻ ngáng trở hoặc gây phiền hà cho một ai đó? Ông cũng biết rằng anh ta là cons rể Ốp-pen-hai-mơ. Nếu như đây là hành động trả thù Ốp-pen-hai-mơ hoặc đối với Công ty “M.W.F.” thì sao?

Hô-li-de lại hút một điếu thuốc. Ông bỏ bao thuốc xuống bàn và đẩy nó lại phía tôi:

- Tôi cũng đã nghĩ về chuyện đó. Nhưng đấy cũng là điều phi lý! Vì sao lại phải hạ sát Pích-le ở Pra-ha, trong khi làm việc đó ở nhà đơn giản hơn nhiều? Vì trong trường hợp ở đây, số người bị tình nghi nằm trong phạm vi rất hẹp, trên thực tế là chỉ còn lại các thành viên trong đội bóng. Điềm lại trong đầu, tôi không thể hình dung ra ai có thể làm được việc đó. Phải, Pích-le hẳn rồi sẽ được dùng trong đội ngũ chỉ huy cả nền công nghiệp ô-tô của chúng tôi. Chủ tịch Câu lạc bộ chúng tôi, ngài Mui-khơ-lây-xen cũng là thành viên ban lãnh đạo Công ty liên hợp “M.W.F.” Tôi không nghĩ rằng ông lại cần trừ khử Pích-le đi. Và dù trong trường hợp nào chẳng nữa, thì ai là người dám làm việc đó ở đây? Dám làm việc đó, phải có đầu óc ngông cuồng bạt mạng. Ông thử nghĩ xem, giết Phơ-răng ở Pra-ha này làm gì? Thủ phạm sẽ sa bẫy nhanh chóng. Còn nếu ở nhà, mọi chuyện sẽ đơn giản hơn nhiều...

Tiếp đó, các thành viên khác của đội, cứ từng đôi một, đến phòng tôi, theo thứ tự họ sống trong các phòng. Cả bà vợ ông Mui-khơ-lây-xen, suốt đêm không chợp mắt, cũng có đến. Mỗi người đều sẵn sàng giúp đỡ cho việc điều tra, họ tự đề nghị chúng tôi có thể đến xem xét phòng ở và đồ đạc của họ. Không ai trong số họ có một nguyên cớ gì để thù ghét Pích-le. Thậm chí nhiều người còn không thể đoán ra được lý do của việc giết người này.

Vào lúc sáu giờ sáng, Gô-mô-la gọi điện:

- Cậu biết không, đầu tiên tôi cứ tưởng rằng cầm kim tiêm thuốc độc trong giầy là trò giết người mới nghĩ ra theo kiểu găng-xơ Si-ca-gô. Nhưng cậu thử hình dung xem, hoàn toàn không phải thế. Đây là những tư liệu lưu trữ được, cậu thử nghe này!...

- Anh chờ cho một lát, để tôi bật máy ghi âm đã...

- Được rồi, như thế là kiểu giết người dùng kim độc nói chung là không phải mới mẻ gì đối với Châu Âu. Chỉ trong những năm gần đây thôi, người ta đã hai lần dùng đến nó! Tám năm trước đây là ở I-ta-li-a, còn sáu năm trước đây là ở Pháp. Trong cả hai trường hợp, nạn nhân là những viên chức cao cấp. Công chúng không khám phá ra được, tại sao hai người ấy lại bị chết. Ở Pháp, viên chức Bộ Nội vụ là Lu-y Pi-an-tô-ni, còn ở I-ta-li-a, trong thành phố Tu-ri-nô, là ông Bê-nút-tơ ấy là người nắm giữ các bản sáng chế phát minh ở cấp Nhà nước! Bê-nút-tơ lúc đó đang có nhiệm vụ phải chuyển giao các bản vẽ, miêu tả quy trình kỹ thuật thay đổi hầu như hoàn toàn trong việc sản xuất các hộp phát sóng. Phát minh này, vậy là chưa hề được đem áp dụng, vì tác giả của nó-một kỹ sư Pa-vi-na-tô nào đó-trước kia làm ở Công ty “Fer-ra-ri” cũng bị chết bất ngờ do một tai nạn ô-tô sau đó ít lâu... Nói chung, tài liệu lưu trữ đã có người làm rất cẩn thận, cậu lưu ý mọi thứ trong cái “tổ kiến lửa” của cậu, cần gì thêm thì anh em sẽ giúp. Cần gắng cho cái tổ kiến ôn dịch ấy chóng vỡ bung ra!...

Tôi tắt máy ghi âm.

- ... À, mà cậu nên nghĩ về điều này nữa nhé! Có thể không một ai ở trong đội bóng có liên quan đến chuyện này. Biết đâu, một kẻ hoàn toàn bên ngoài lại dúng vào đấy!

Tôi và Ca-bi-sêch kiểm tra lại lần nữa danh sách những người sống trong khách sạn. Danh sách có tất cả mười trang đánh máy, gồm hai trăm hai mươi ba người. Trong số đó hai trăm linh năm là người nước ngoài, từ khắp nơi đến-từ Bắc Kinh đến Phi-le-đen-phi-a. Mười tám người Tiệp Khắc, chủ yếu là các nhà ngoại giao, sống ở các cơ quan đại diện nước ngoài, và được gọi về nước công tác một thời gian ngắn. Riêng Bộ Ngoại



giao Tiếp Khắc bao giờ cũng đặt trước năm phòng thường xuyên ở khách sạn này.

Hai trăm hai mươi ba người, lại phải thêm vào đó toàn thể nhân viên khách sạn, nghĩa là hai trăm sáu mươi người tình nghi. Thêm nữa bất kỳ người ngoài phố nào chẳng có thể bất ngờ vào khách sạn? Những người thuê lại còn dẫn khách của mình về phòng riêng nữa. Và nếu như hôm qua Pích-le cũng cho khách vào phòng thì sao, và người khách đó, chúng ta lại chưa biết được tý gì!...

- Cậu thử hỏi giúp mình xem, người trực tầng và hai bà quét dọn phòng thường đến làm việc từ mấy giờ?

Ca-bi-sếch ngạc nhiên nhìn tôi:

- Cậu thật sự nghĩ rằng kẻ giết người không ở trong đội bóng, mà lại là một người khác, đã vào phòng này từ quãng chín giờ rưỡi sáng đến mười hai giờ trưa à? Thế nhưng E-véc khẳng định là cửa vẫn khóa kia mà! Khi anh ta quay về, Pích-le đã về trước ít ra là năm phút. Ổ khóa hoàn toàn không bị cạy, không một người lạ nào có thể vào đây. Chỉ còn có thể là khách của Pích-le...

- Hãy khoan đã, cậu đừng vội thuyết phục mình, khi bản thân mình cũng biết rất rõ sự việc. Và cậu cũng đừng quá ngây thơ - “không một người lạ nào có thể vào đây!”. Ở bàn trực nhật khách sạn quốc tế nào chả có khá đông người ra vào. Và nếu khách hỏi người trực chẳng hạn: “Cho tôi xin chìa khóa phòng 216” mà lại nói bằng tiếng Đức, trong khi chìa khóa thực của anh ta là số 316 hay 416, thì tôi tin rằng người trực vẫn cứ đưa như thường, khi anh ta đã mệt mỏi, vì đến trực từ sáu giờ sáng! Thậm chí anh ta còn không thể biết là tôi có thực sống ở trong khách sạn hay không nữa kia! Nếu may mà anh ta nhớ thoáng qua khuôn mặt của tôi, thì lại cũng không thể nhớ được rõ, là tôi có ở trong thành phần đội bóng ấy hay không! Vậy là tôi bình tĩnh vào phòng Pích-le, sau đó quay trở xuống và trả chìa khóa, thậm chí có thể nói rằng, trực nhật đã đưa nhầm chìa khóa! Và trong thời gian ấy...



- ... Có thể làm mọi sự, kể cả việc đập một chiếc chìa khóa khác chứ gì. - Ca-bi-sếch ngắt lời tôi...

- Nếu chỉ cần gấn một đầu kim vào giấy của Pích-le, thì cần gì phải đập chìa khóa khác! Nhưng thôi, ta hãy kết thúc các suy luận này. Tốt hơn hết là anh hãy đi hỏi kỹ về người trực tầng và các bà dọn phòng. Nếu họ không ở khách sạn lúc này, thì cho người đi kiểm họ.

Sau đó, tôi bắt đầu phân loại những người sống trong khách sạn theo nghề nghiệp và quốc tịch. Tôi đếm kỹ, chẳng hạn như ở khách sạn “Các-lơ-tôn” có 14 nhà doanh nghiệp, 38 nhà báo, 20 khách từ Cộng hòa Liên bang Đức tới, 25 khách du lịch Công hòa Dân chủ Đức, 19 người Pháp, 16 người Anh, 20 người Mỹ... Chính trong lúc ấy, cửa bật mở và Béc-na-sếch cùng Gô-li-kô-va với một người đàn ông khác bước vào

- Ai thế? - Tôi hướng về phía người đàn ông hỏi Béc-na-sếch.

- Một người cũng biết Pích-le - Béc-na-sếch đẩy người đàn ông lên phía trước-Anh ta muốn gặp và nói chuyện với Pích-le, và đã lần đến nhà Gô-li-kô-va vào 6 giờ sáng. Quả thực, cần phải tìm hiểu kỹ, đáng ngờ lắm!

Tôi phải thăm tán đồng rằng việc này đáng ngờ thật.

- Mời anh ngồi. Còn cô Gô-li-kô-va, cô có thể tạm sang đợi ở phòng riêng “của cô”, phòng bên cạnh.

Người đàn ông ngồi xuống.

- Đây là người-theo lời anh ta khai, và cả Gô-li-kô-va cũng xác nhận, tên là Ca-ren Gô-rắc, anh họ của cô ta. Không đem theo giấy tờ gì trong người, nhưng lại có vật này mang theo tùy thân đây!

Béc-na-sếch đặt lên bàn khẩu súng Brao-ning Thụy Sĩ và một vài bức ảnh mới được rửa và tráng xô-da hãy còn dính.

- Anh có ý định ám sát Pích-le à?

- Không, không! - Người đàn ông vội vã trả lời, - để tôi sẽ trình bày rõ. Tôi không hề có ý định gì xấu đối với ông ta...

## 10

Ca-bi-sếch đứng sát phía cửa, chăm chú quan sát người đàn ông. Anh nói nhỏ với tôi rằng đã cho ô-tô đi tìm người trực nhật và hai bà dọn phòng.

Người đàn ông hơi xanh xao, đầu cúi xuống, im lặng. Hầu như anh ta có thể sắp ngất xỉu mất.

Tại sao anh ta lại mang khẩu Brao-ning đến gặp Pích-le?

Ca-bi-sếch cầm khẩu súng lên, Béc-na-sếch thì chìa cho anh ta xem ổ đạn. Trong đó có ba viên.

- Nhưng tôi... Tôi chỉ muốn dọa ông ta. Trời ơi, con này đã làm tôi hóa lú lẫn thế đấy!

Trong lúc Ca-bi-sếch xác định lý lịch anh ta, Béc-na-sếch kể lại mọi chuyện xảy ra. Đầu đuôi rất ngắn gọn: khi các kỹ thuật viên kết thúc việc khám xét nhà, Gô-li-kô-va mỗi phút càng trở lên nôn nóng, bồn chồn hơn. Tôi nhớ lại là chính ở đây, hồi đêm, cô ta đã mấy lần xem đồng hồ.

Các nhân viên an ninh đã lục soát, soi, gõ cẩn thận và công việc xong vào khoảng 6 giờ 10, bỗng dưng có chuông gọi cửa. Gô-li-kô-va lao ra, nhưng Béc-na-sếch giữ cô ta lại, ấn ngồi xuống ghế và tự mình ra mở cửa. Anh kia nhảy bổ vào phòng và nói to: “Các người làm trò gì ở đây thế?”. Tôi nhún vai: “À, ra anh không hiểu à?” Anh ta không nhượng bộ: “Anh đã làm gì em gái tôi?” Tôi bèn nói bằng tiếng Đức: “Entschuldigen Sie. Was ist das?”<sup>[1]</sup>. Nhưng anh ta cứ thế đẩy tôi vào phòng trong...

Gô-rắc cũng lắp bắp cố nói vài từ tiếng Đức cho đến khi bị xô ngã xuống sàn. Béc-na-sếch đã làm chủ tình hình hoàn toàn. Bốn kỹ thuật viên lúc ấy mới xô vào giúp anh tước vũ khí của Gô-rắc. Gô-li-kô-va thì khóc nức nở, còn ông anh họ thì bắt đầu hiểu là hình như mình bị mắc kẹt rồi...

Chẳng mấy chốc, mọi thứ được xác minh xong. Ca-bi-sếch quay lại sau mười lăm phút. Vị. “khách” của chúng tôi quả thực tên là Ca-ren Gô-rắc. Anh ta đã thay đổi công việc nhiều lần, hiện nay lái xe tải ở một công trường. Anh ta đã hai lần bị kết án vì tội dọa dẫm và tống tiền các phụ nữ

tin cậy mình. Tất nhiên, anh ta không được phép mang vũ khí. Tôi nói với anh ta rằng đây là một trường hợp tăng nặng tội lỗi. Anh ta tức thì “phản thù” ngay, tố cáo cô em, và kể rằng, họ đã hẹn trước với nhau là anh ta sẽ có mặt ở nhà cô lúc sớm tinh mơ để dọa nạt Pích-le, gào to lên rằng anh ta không thể cho phép một thằng bi ổi nào bỗng dưng sàm sỡ đến nằm chềnh ềnh trên giường cô em xinh đẹp của anh ta mà không chịu mất đồng nào! Một thằng cha giàu sụ ở Tây Đức, lại đã có vợ, tất nhiên không thể tha ra mà không lột trần hăn như nhộng! Vậy là ông Pích-le phải trả giá cho việc làm quen với cô Iéc-gi-na Gô-li-kô-va ít ra là một nghìn đồng mác. Chính Gô-rắc khởi xướng lên khoản tiền ấy.

Một ố bịp ranh ma! Tôi tin rằng không phải mới chỉ có vụ moi một nghìn mác này thôi, và họ thừa sức để bóc của Pích-le số tiền ấy! Hôm Thứ Hai, Gô-rắc đã rủ một người bạn đến Câu lạc bộ khiêu vũ, anh chàng này đã dùng phim có độ nhạy cao để bí mật chụp ảnh Pích-le với Gô-li-kô-va. Hai người đã ngồi với nhau ra sao ở quầy rượu, uống và nhảy ra sao, cười cợt và cả hôn nhau ra sao trước mặt mọi người. Những bức ảnh nhằm bôi nhọ thanh danh Pích-le này, giờ đây đang nằm trên bàn của tôi.

Chúng tôi cho gọi Gô-li-kô-va vào. Cô ta xác nhận rằng chính cô đã gọi người anh này cùng đến Câu lạc bộ. Để làm gì? Để giật lấy khoản tiền khá bẫm trong túi Pích-le. Pích-le có nói với cô ta, rằng không biết khi nào lại có dịp đến Pra-ha nữa. Có thể phải hai ba năm nữa, mà cũng có thể đến mười năm sau. Do vậy, phải biết tận dụng khả năng cuối cùng này, chứ chả lẽ cứ ngồi mà ngáp dài! Nếu trò dọa dẫm này mà không thành công, thì Gô-rắc sẽ gửi các ảnh chụp kia cho vợ Pích ở Cô-lô-nhơ, hăn sẽ cho Pích-le biết như thế. Tôi hỏi Gô-li-kô-va:

- Cô nghĩ rằng, Pích-le sẽ phải mở hầu bao ra chứ?

- Xét trên những gì ông ta đã kể với tôi về vợ và con gái, về quan hệ tốt đẹp mà họ đang sống với nhau, tôi tin rằng ông ta sẽ phải chịu trả tiền. Mà số tiền ấy đối với ông ta có nghĩa lý gì? Chả lẽ tôi không có quyền được đòi ở ông ta một chút “quà”? - Cô ta tự dưng nổi khùng lên và nói to

gần như thét - Tôi là cái thứ gì, là người được Nhà nước bảo hiểm à, mà lại phải xấu hổ khi có người đi cùng tôi vào một quầy rượu?

Lý sự của đám người này thật không có gì đáng phải nghi ngờ. Chúng tôi cho cả hai vào tạm phòng bên cạnh.

- Cậu sẽ làm gì tiếp với họ đây? Tôi nghĩ rằng, họ không chuẩn bị để giết người và không dính vào vụ giết kia - Béc-na-sếch nói điềm tĩnh - Nếu không, không có lý gì mà cô ta lại đến đợi Pích-le tới khuya ở khách sạn và anh chàng Gô-rắc lấu cá kia lại tới nhà cô ta từ sáng sớm.

- Hình như anh đúng. Nhưng nếu như mọi sự không đơn giản thế? Họ có nhiều chỗ chứng tỏ là không dính dáng đến sự việc nhiều đến nỗi làm tôi bắt đầu thấy khó chịu. Thế nếu như Pích-le, trong lúc uống rượu say ở nhà cô ta, có nói nhỡ mồm về công việc làm ăn, doanh nghiệp và cô ta kể lại cho Gô-rắc nghe thì sao? Và thằng cha này hiểu ra ngay món lợi nhuận kếch sù từ đó? Vậy là, cần phải xem xét kỹ phòng ở của hai người này, và cũng tiến hành khám nhà của Gô-rắc nữa. Tìm kiếm các bạn bè và người quen của Gô-li-kô-va. Quan trọng hơn nữa, tìm xem có ai lảng vảng xung quanh Gô-rắc. Và trước tiên, đi tìm ra người đã chụp ảnh giúp Gô-rắc.

## 11

Chưa có thể nói rằng thiếu tá Gô-mô-la đã hài lòng về kết quả công việc của chúng tôi. Ông chỉ “Hừm, hừm, được đấy” trong khi ngâm tẩu thuốc, rồi đề nghị tôi cho biết số sản xuất ghi trên khẩu súng. Sau vài phút, ông gọi cho tôi, báo rằng số khẩu súng ấy chưa hề thấy đăng ký ở đây và cần phải đưa súng đi kiểm tra giám định bằng máy com-pa-ra-tơ. Chưa thể biết được, kết quả giám định sẽ cho ta những bất ngờ gì.

Máy com-pa-ra-tơ là một thiết bị tinh vi, dùng nó có thể so sánh được các dấu vết còn để lại trên viên đạn, do đường rãnh của nòng súng gây ra. Không loại trừ khả năng là khẩu súng lục của Gô-rắc đã có “quá khứ” của nó. Chẳng hạn, mới đây, người ta đã tìm thấy một khẩu súng, mà khi giám định bằng máy com-pa-ra-tơ, thì xác nhận được rằng chính đó là khẩu súng đã bắn chết một người ở gần biên giới năm 1954. Kính hiển vi trong máy đã tìm đúng lai lịch của khẩu súng và do đấy đã tìm ra thủ phạm, hẳn ta đang ung dung sống ở Pra-ha đã 10 năm nay!

Và sống rất đàng hoàng! Hẳn ăn cướp tài sản người bị giết, lấy hết tiền, của quý, trị giá tới vài trăm ngàn cua-ron.

Nhưng thôi, hãy trở lại công việc. Tôi chưa kịp bỏ máy, thì lại thấy Sê-di-vư gọi và thông báo về Gô-li-kô-va. Cô ta sinh ở đâu và ở cơ quan “Xuất khẩu thiết bị kỹ thuật” đánh giá cô ra sao. Ngày hôm qua, không một phút nào cô ta rời chỗ làm việc, vì cô phải ngồi họp và ghi tốc ký. Không có khả năng cô ta vắng mặt lúc nào hết. Đến cả bưng cà phê và nghe điện thoại cũng do một cô thư ký khác làm.

Vậy là Gô-li-kô-va hoàn toàn không thể có mặt để gây án. Pích-le không hề gặp cô ta. Nếu vậy anh ta đã vội vã đi đâu và gặp ai?

Có thể có ai đó gọi anh ta ra khỏi khách sạn để một người khác đến cắm kim vào trong giày.

Vậy là, ngoài Pích-le và người đồng mưu trong công việc này, còn có một người thứ ba biết chuyện này. Nhưng hẳn là ai? Thành viên trong đội

bóng? Có thể vì dự đoán ấy gần với sự thật hơn cả chẳng.

Cũng cần biết rằng việc giết Pích-le sẽ được trả bao nhiêu, và ai đã nhận món tiền ấy. Ôi, giá như tìm ra được cái khay áo rui ro kia! Không biết công việc của O-bla-sếch đến đâu rồi? Cũng nên báo cho cậu ấy biết các kết quả ở chỗ mình đã đạt được. Việc ấy cũng lại dành đến mình phải làm thôi!

Ca-bi-sếch xuống phòng ăn để kiểm chút gì ăn sáng. Tôi thì đau đầu ghê gớm. Tôi mở cửa sổ trong ra phía quảng trường Vát-xlát. Đã tám giờ - quảng trường ồn ào, những người đi làm muộn đang chen chúc lên xe, gió thổi phần phật vào váy áo của các cô gái. Tàu điện đông thật.

- Cậu ra đây, có bánh sừng bò quệt bơ và nước hoa quả với nước chè cho cậu đấy. - Ca-bi-sếch bước vào rất khẽ, đến nỗi tôi không nghe thấy tiếng động. - Hãy quên công việc đi và nghỉ một chút đã. Các cầu thủ đang ăn sáng, đến chín giờ chúng ta sẽ tới chỗ họ... - Anh im lặng, sau đó nói thêm - Các nhà báo đã chờ trong phòng khánh tiết. Giám đốc khách sạn nói rằng hôm nay sẽ còn khoảng hai chục nhà báo tới đây nữa. Đa số là người Đức, ba người Pháp, một Thụy Sĩ và một phóng viên hãng Roi-tơ thường trú ở Béc-lin. Họ đều thuê phòng ở khách sạn “Các-lơ-tôn”. Mình nghĩ rằng sẽ không ai trong số họ chịu rời khỏi chỗ, nếu chưa biết nguyên nhân và thủ phạm vụ giết Pích-le. Đó là “cần câu cơm” của họ mà - những tin giật gân, những vụ bê bối, chuyện giết người... Cậu có thể tưởng tượng được không?! Sẽ có cả một cái tí to tướng chạy dài suốt trang báo: “Chết trên chẩm phạt đền”. Tin ấy ai mà chẳng phải đọc, ngay cả những người chưa bao giờ đi xem đá bóng. “Vụ giết người ngay ở vạch mười một mét”. “Bọn Tiệp Khắc đã giở trò khủng bố Phơ-răng Pích-le”. “Thủ tướng đã gửi công hàm cho Pra-ha”, “Đu-cơ-la - bọn giết người”, vân vân và vân vân... Trời mà biết được còn những gì nữa. Có thể trên báo còn đưa rõ cả tên tuổi cậu nữa. Rồi chúng mình cũng hóa thành nổi tiếng cho mà xem!.

- Thôi, cậu hãy ăn đi và xin hãy chấm dứt chuyện ba hoa đi.

Ca-bi-sếch phết bơ vào bánh sừng bò rồi lại tiếp tục:

- Mà việc này đã âm ỹ rồi, đúng không? Nếu có độ hai ba người bị tình nghi hẳn đi, thì đã êm. Nhưng đây, thủ phạm lại có thể là bất kỳ ai. Không những chỉ ở trong phạm vi hành lang chúng ta đây, mà ở khắp cả khách sạn. Từ người gác cửa cho tới vị quan chức cao cấp người Cô-oét! Hoặc cũng có thể biết đâu Pích-le bị cô nghệ sĩ I-ta-li-a đằng kia ghét? Hoặc ngược lại, cô ta rất thích anh ta, mà anh ta ngù ngờ, lại không thèm để ý gì đến cô?

Để ngừa những chuyện huyền thuyên vô tận ấy tôi nói với anh ta về những việc sẽ phải làm trong nửa giờ sắp tới. Tôi sẽ nói chuyện với bà trực nhật và hai bà quét dọn, còn anh ta sẽ phải tìm O-bla-sếch. Có thể, trên hướng đó, chúng tôi sẽ có bước nhích lên hơn.

Sáu giờ chiều hôm qua bà trực nhật mới về, còn hai bà dọn phòng thì cố gắng làm xong mọi việc trước một giờ trưa. Tôi quan tâm đến bà Lingô-va hơn cả, vì bà này quét dọn các phòng ở khu vực các cầu thủ ở. Bà nói:

- Hôm qua tôi đến sớm, trước 9 giờ, nhưng chỉ bắt đầu quét dọn vào khoảng 9 giờ 15. Phải chờ cho cái đám lười biếng ấy ra khỏi giường đã chứ! Tôi có nhìn thấy ai ở phòng 216 không à? Tôi không nhớ, hình như không. Khi tôi bắt tay vào dọn dẹp, họ đã rời khỏi khách sạn cả. Tôi bắt đầu từ phòng 202 và cứ đi liên tiếp từng phòng một. Phòng 224 tôi làm xong vào khoảng 12 giờ. Họ đã từ ngoài phố về và lại tỏa về các phòng. Do đó, những phòng cuối cùng tôi phải làm rất vội. Anh cũng biết rằng khi trong phòng đã có người, thì còn chuyện trò rông dài làm gì...

- Bà có thấy ngoài hành lang có một ai khác nữa không? Và bà có nhớ, khoảng mấy giờ thì bà dọn dẹp đến phòng 216? Trong phòng đó, bà có thấy có cái khay hay cái hộp nhỏ nào rơi ra không?

- Phòng 216 tôi dọn vào khoảng 11 giờ, vì tôi dọn lần lượt theo thứ tự. Dọc hành lang, lúc nào chả có người đi lại, nhưng tôi không thì giờ đâu mà để ý đến họ. Tôi chỉ cố gắng để làm cho nhanh mọi việc. Không có cái

khuy nào cả, chắc chắn như vậy, nếu có, tôi đã nhìn thấy và đặt lên bàn trà lại cho người ta. Hộp cũng không thấy có.

Bà trực nhật định thay khăn trải giường sau bữa ăn trưa. Nhưng khi bà biết rằng các cầu thủ sẽ ra sân vận động Xơ-ra-hốp vào một giờ trưa, bà bèn thôi không vào các phòng vào giờ ấy nữa. Do đó, khăn trải giường được thay vào khoảng từ giữa ba đến bốn giờ chiều.

- Và bà không thấy có ai có mặt vào giờ đó?

- Không, hoàn toàn yên tĩnh. Họ ra sân bóng hết cả.

Bà trực nhật và hai bà quét dọn ra tới cửa thì họ va phải Ca-bi-sếch và Gô-mô-la vừa chợt tới.



Chúng tôi ngồi gần một tiếng đồng hồ và cuối cùng thu vắn đề lại trong mấy câu hỏi. Bây giờ, việc quan trọng là có được những câu trả lời cho mấy câu hỏi đó.

Trước tiên, có đúng là Pích-le có nhiệm vụ phải mua lại bản chụp các tư liệu về sáng chế mới của chúng tôi hay không? Chắc hẳn là có. Dự đoán dựa trên cơ sở những lời nói cuối cùng của anh ta, khi anh ta nằm trong xe cấp cứu. Thêm một lý do nữa để khẳng định anh ta là con rể Ốp-pen-hai-mơ và anh ta không thể bàng quang với lợi ích của Công ty liên hợp sản xuất ô-tô. Như vậy, cần phải xem xét lại quá trình và kết quả nghiên cứu được tiến hành ở Viện. Chính vì vậy, tôi đã phái O-bla-sếch đến đó, và anh phải kiểm tra lại tất cả những gì có liên quan đến nhóm kỹ sư làm việc ở bộ phận sáng chế ắc-quy, cũng như những ai có liên quan đến giám đốc Viện, vì ông này có giữ chiếc chìa khóa dự trữ để mở két sắt.

Câu hỏi thứ hai là: có thực cái chết của Pích-le gắn liền với việc mua các tài liệu sáng chế như đã dự đoán kia không?

Xét trên mọi phương diện thì có. Vì, như mọi thành viên của đội bóng đã khẳng định, không một ai có lý do sâu xa gì thù ghét Pích-le. Không ai quá ghen tỵ với anh ta, hoặc định trả thù anh ta, hoặc hằn học với anh ta.

Vậy ai là kẻ đã giết Pích-le để giành lấy cái bằng sáng chế đáng giá bạc triệu kia? Khả năng dễ xảy ra hơn cả là một thành viên của đội bóng. Nhưng ai? Có thể một người ngẫu nhiên được biết chuyện ấy, hay không phải thế... Mà là một người được thông báo trước việc đó, trước khi bay tới Pra-ha? Và biết được, do tự Pích-le nói lộ ra, hay do đã biết trước được việc kinh doanh này của anh ta - điều này xem ra hơi khó đấy. Nếu thực có việc này thì thủ phạm phải là người thực hiện một ý định của ai đó và sẽ được nhận một khoản tiền thưởng rất hậu sau khi giết người và đánh cắp được sáng chế kia. Ai đứng sau hẳn ta? - Đây là câu hỏi tạm thời có thể để sang một bên đã. Cũng cần phải biết rằng, rất nhiều hãng ô-tô quan tâm đến

sáng chế kia, nhưng trước hết, phải rất chú trọng đến Công ty “M.W.F.” khi dự đoán rằng chính người của Công ty đó gây ra vụ này.

Chỉ có người của đội bóng mới vào được phòng Pích-le mà không ai để ý. Bất kỳ một ai khác làm như vậy là liều mạng. Vì cả cánh phải của tầng hai chỉ có các cầu thủ của Tây Đức ở mà thôi. Tất nhiên, còn có khách đến. Đó là các nhà báo, các cầu thủ đội “Đu-cơ-la”, nhưng bất kỳ người lạ nào muốn lên vào phòng Pích-le, hẳn đã bị để ý ngay.

Vậy là, vòng tròn những người bị tình nghi lại vẫn thu hẹp vào trong số thành viên đội bóng. Nhưng biết tìm ra ai là người cần tìm trong số 24 người ấy?

Găm chiếc kim vào giày Pích-le có thể là bất cứ ai, kể cả Kê-ni-xmắc. Như chúng tôi đã xét kỹ, việc đó không dễ làm được trong xe buýt hoặc trong phòng thay quần áo. Vậy khả năng thực tế duy nhất của thủ phạm là lọt vào phòng từ 9 giờ rưỡi đến 12 giờ trưa. Hoặc vào đúng giờ đi ăn trưa, cho tới 1 giờ kém 15, khi Pích-le về phòng lấy giày và đi xuống ô-tô buýt.

E-véc là người dễ làm việc đó hơn cả. Anh ta có thể gắn chiếc kim vào bất cứ lúc nào chỉ vài giây là đủ, mà thời gian ngắn ấy thì bao giờ chẳng sẵn!

Còn Kê-ni-xmắc hay Bruyn-nơ-phen nữa - người lúc gần 12 giờ đã vào phòng 216 cùng với E-véc, khi Pích-le đang xếp bình pha lê và con gấu vào va-li, E-véc và Bruyn-nơ-phen ở lại trong phòng ngủ, còn Pích-le thì đi tắm.

Tôi rất bực bội, vì tôi không sao nắm bắt được, dù chỉ là một đường dây nhỏ, để chúng tôi có thể theo dõi được, là Pích-le làm gì trong thành phố vào sáng hôm qua. Chiều Thứ Ba anh ta đã gọi điện cho ai đó, và có lẽ để hẹn gặp. Chỉ có E-véc biết cuộc nói chuyện điện thoại đó. Nhưng cũng có thể còn ai khác biết nữa? E-véc khẳng định rằng anh ta không nhìn thấy một ai trong số các cầu thủ ở dưới tiền sảnh lúc ấy cả. Cũng không ngạc nhiên, nếu không thấy được, nhất là trong cảnh đông đúc nhường ấy ở “Các-lơ-tôn”. Nhưng cũng không nên quên một khía cạnh nữa: nhớ E-véc

muốn đánh lạc hướng bằng cách dựng lên cú điện thoại không có thật ấy chẳng?

Pích-le có thể hẹn trước với người đồng lõa của mình, và chỉ do ngẫu nhiên mà nói lộ ra với E-véc? Hay có chủ tâm kể tất cả cho E-véc, mong bạn mình sẽ bảo vệ cho mình? Còn E-véc thì lại phản bội lòng tin của bạn.

Dù thế nào đi nữa, hầu như chắc chắn rằng Pích-le đã nhận được vật mà anh ta cần, và thời gian, chuyển giao là khoảng nửa chín giờ rưỡi và mười hai giờ hôm qua. Nhưng ai chuyển?

Cả ông giám đốc, cả những kỹ sư trong nhóm sáng chế, ngày hôm qua không hề rời Viện. Điều đó đã khẳng định. Tất nhiên, bản sao chụp có thể do bất kỳ ai chuyển. Nhưng như vậy có nghĩa là phải gộp thêm vào việc này tối thiểu là một, nếu không thì là hai người nữa. Điều đó vô cùng phiêu lưu. Những việc như thế này, thường người ta chỉ có tự tay làm một mình!

Ơ-bla-sếch trở về khách sạn, khẳng định lại là cả nhóm kỹ sư nghiên cứu và cả giám đốc Viện, ngày hôm qua không ai có thể đến đây được. Còn vào buổi chiều Thứ Ba thì có khả năng liên lạc được, trừ Nô-vắc và Ku-lít. Họ đều ở nhà, có điện thoại riêng, và Pích-le có thể gọi điện hẹn gặp với bất cứ ai trong số họ. Gặp ở một địa điểm nào đó với dấu hiệu là một chiếc khuy mạ vàng trong tay.

Vậy là, chúng tôi đã đi tới những kết luận để làm cơ sở cho những bước đi tiếp theo. Tôi và Ca-bi-sếch phải kiểm tra một lần nữa, xem các thành viên đội bóng làm gì và ở đâu trong suốt thời điểm đáng nghi ngờ kia. Còn Ơ-bla-sếch và nhóm của anh phải tiếp tục nghiên cứu tình hình xảy ra ở Viện. Hai nhóm sẽ liên lạc và thông báo thường xuyên cho nhau. Lúc này chúng tôi ngồi im lặng, nhìn nhau như dò hỏi, biết đâu thiếu tá đang chẳng nghĩ về chúng tôi, rằng chúng tôi chỉ loay hoay mà không tiến lên được một ly nào?

- Cậu nghĩ sao, phải làm gì nữa?

- Sau khi chúng ta kiểm tra kỹ lưỡng những gì đã biết về các thành viên đội bóng, chúng ta sẽ biết được chính xác đến từng phút, ai ở đâu

trong mấy giờ buổi sáng hôm qua. Rồi sẽ kiểm tra tiếp Gô-li-kô-va và Gô-rắc một lần nữa. Có thể các dự đoán của chúng ta đúng. Nhưng dẫu sao, tôi cảm thấy, vẫn nên hỏi cung họ lại lần nữa. Tôi nghĩ rằng cuối cùng cũng nên bỏ mấy thứ thủ tục tế nhị đi cho được việc...

- Cậu chẳng cần phải nóng nảy thế. Cậu có biết là tôi đang nghĩ gì không? Tôi nghĩ về thái độ của ông bố vợ Pích-le, ông ta phản ứng ra sao trước cái chết của anh ta kia.

Trong phòng ăn, một vẻ im lặng chết chóc. Tất cả các cầu thủ ăn sáng, đầu cúi thấp, chẳng một ai buồn nhìn tôi nữa. Có thể thấy rõ là nhiều người mất ngủ. Đa số cầu thủ định ăn sáng xong sẽ lại về phòng ngủ tiếp. Huấn luyện viên thì muốn đề nghị họ sau bữa ăn trưa ra khỏi động một chút để đội giữ vững được nền nếp tập luyện. Việc cho phép sử dụng đường chạy và bể bơi là thuộc quyền lãnh đội “Đu-cơ-la”. Huấn luyện viên hỏi tôi có phản đối việc luyện tập này không.

- Ồ, thưa các ông, tôi không hề hạn chế gì các ông. Chỉ xin yêu cầu, mỗi lần đi đâu, các ông để lại cho một mảnh giấy ghi rõ ai đi đâu vào thời điểm đó. Để phòng khi cần thiết, chúng tôi khỏi phải đi tìm các ông khắp cả Pra-ha. Và thêm một đề nghị nữa. Các ông hãy cân nhắc khi nói chuyện với các nhà báo. Họ đều muốn có những chi tiết giật gân. Nhưng tôi tin rằng, các ông sẽ chỉ nói sự thật và không thêm thắt gì nữa. Vì trong sự việc này đang còn nhiều cái chưa rõ. Và đề nghị cuối cùng - cũng giống như chiều và tối hôm qua: có thể có ai trong đội các ông giúp chúng tôi làm sáng tỏ được hơn nguyên nhân cái chết của Pich-le không?

Tất cả đều im lặng, và tôi cũng quay xuống tiền sảnh. Trong khi Ca-bi-sếch kiểm lại từng phút một các lộ trình của từng người ngày hôm qua - ai đi với ai, ở những đâu, có gặp Pich-le không, có ai nhìn thấy không và anh ta đã gọi điện ra sao v.v... thì tôi làm việc với phòng trực điện thoại, và hỏi chi tiết hơn về các khách đến. Ai ở trong khách sạn hôm qua, ở phòng nào. Ai hôm nay mới đến. Và có ai đi khỏi khách sạn hôm qua hay sớm nay. Sau đó, lại hỏi kỹ nhân viên quản trị khách sạn, là có thể có người lạ nào vào trong phòng khách sạn được không.

- Tôi nghĩ là điều đó cũng không loại trừ, dù rằng ít có ai dám mạo hiểm làm việc đó. Đồng chí cũng biết rằng những người ở khách sạn thay đổi luôn luôn. Do đó, phải nhớ được chính xác khi khách tự báo rằng mình ở phòng nào có thực đúng hay không là điều không thể làm được.

Trong khi người này gọi điện cho nhân viên quản trị thứ hai, mà hôm qua đã trực ở đây, thì tôi quan sát những gì đang xảy ra trước mắt. Quả thực là một cảnh tượng lộn xộn hết sức. Và tôi lại càng chắc chắn rằng việc lọt vào phòng người khác trong khách sạn không phải là khó. Một bà người Anh dắt con chó từ phòng ăn tầng dưới đi ra và xin chìa khóa phòng 503. Người trực nhật, đang mãi nói chuyện gì đó ở bàn người quản trị khách sạn, lập tức đưa cho bà ta chìa khóa, hoàn toàn không cần biết là có thực bà ta đang ở phòng ấy hay không!

Người quản trị đặt ống nói xuống, bảo với tôi rằng nhân viên quản trị trực hôm qua đang ở nhà, và chúng tôi có thể đến gặp. Tôi bèn cử Sê-đi-vur đến đấy, còn mình thì lên tầng hai gặp giám đốc khách sạn. Ông ta mời tôi ngồi vào ghế bành, mời thuốc hạng đắt tiền, rồi hỏi:

- Sao, các đồng chí đã biết được những gì rồi?

- À, cũng mới một vài điểm. Còn ở khách sạn đồng chí công việc ra sao? Chắc hẳn tất cả đều đã biết câu chuyện này...

- Tất nhiên rồi. Một tin như thế thì giấu ai cho được. Hơn nữa, ở đây lại có hơn 40 nhà báo phương Tây nữa. Đồng chí mà xuống quầy rượu ban đêm nhĩ - ở đấy ngoài chuyện này ra người ta chẳng còn nói chuyện gì khác. Hôm qua, người đông chật cứng, và vào bốn giờ sáng, hai nhà doanh nghiệp Tây Đức đã đánh cuộc với hai người Pháp - liệu có tìm ra thủ phạm hay không? Người ở đâu cũng giống nhau - dù là ở Duy-rích, Bu-ê-nốt Ai-rét hay Pra-ha! Thế đồng chí đến tôi có việc gì thế?

- Tôi đang cầm trong tay một bản danh sách những người sống ở khách sạn. Những người mới đến hôm qua hoặc sáng nay không phải đối tượng tôi quan tâm. Nhưng đồng chí có thể kể gì thêm cho chúng tôi về những người đã sống ở đây lâu hơn chẳng? Tất nhiên, nếu như đồng chí biết họ.

- Tôi biết khá nhiều người. Có lẽ phải đến năm chục người. Đây là những khách thường xuyên của chúng tôi, tất nhiên, tôi phải dành cho họ sự ưu tiên. Đồng chí cũng biết rằng, một khách sạn quốc tế quan tâm đến

uy tín của mình, tất nhiên phải biết kính trọng những khách hàng thường xuyên. Nhưng các đồng chí chắc quan tâm hơn cả đến những khách đến từ Cộng hòa Liên bang Đức. Tiếc là tôi không biết ai trong số các cầu thủ cả...

Ông ta nhìn bản danh sách chăm chú, đánh dấu riêng những người thường xuyên đến Pra-ha do công tác, hoạt động doanh nghiệp, hoặc do việc riêng. Tôi không chỉ quan tâm đến các khách Tây Đức và tôi đề nghị ông kể chi tiết hơn cho tôi cả về các vị khách khác nữa.

Sau nửa tiếng chuyện trò, tôi trở về “bản doanh” - phòng 201. Ca-bi-sếch báo cho tôi biết, rằng ngày hôm nay sẽ có hai ngài Mát-xne và Tơ-rơ-min bay về Phơ-răng-pha. Và khoảng một chục người sẽ đi về bằng ô-tô, trong số đó có cả Hốc-ne ở Hăm-bua.

- Làm sao bây giờ? - Ca-bi-sếch nhìn tôi dò hỏi.

- Tất nhiên phải khám xét họ, nhưng đó không phải là một thủ tục dễ chịu gì. Và mặc dù chúng ta tập trung vào đám người Tây Đức này, chúng ta vẫn không quên là ở khách sạn còn rất nhiều người thuộc các dân tộc khác, kể cả người Tiệp Khắc. Không ai cho chúng ta quyền được khám xét tất cả khách sạn.

Béc-na-sếch tới. Anh đã trò chuyện với cô bạn gái của Gô-rắc là Gia-mi-la Đô-u-kô-va và tìm ra người chụp ảnh ở Câu lạc bộ khiêu vũ. Anh ta là Ca-ren Clô-u-sếch, thợ sửa máy ảnh trong tổ hợp “Đru-ốp-ta”. Gô-rắc hứa với Clô-u-sếch sẽ trả 300 cua-ron cho mấy tấm ảnh rửa thật đẹp kia. Ngoài ra, Clô-u-sếch không biết gì thêm về người đàn ông và cô gái mà anh ta phải chụp. Đô-u-kô-va cũng vậy, nếu tin vào lời cô ta, thì đây là lần đầu tiên cô nghe nói đến các chuyện này. Còn về Gô-rắc, cũng có phát hiện thêm một vài vụ việc cũ của hắn nữa, cũng là dọa dẫm tổng tiền và ăn cắp vặt. Những việc này thì cô bạn gái của hắn có biết sơ sơ. Nhưng dù sao, những điều này không trực tiếp liên quan đến công việc của chúng tôi hiện tại.

Máy com-pa-ra-tơ không phát hiện được sự giống nhau giữa các dấu tích trên viên đạn của súng. Gô-rắc và các dấu tích cũ ở các vụ đã được lưu trữ lại. Gô-rắc thú nhận, là anh ta đã ăn cắp khẩu súng từ năm 1952 do bất ngờ thấy nó trên một chiếc bàn nhỏ, ban đêm trong một căn nhà ở Pra-ha. Anh ta còn nhớ cả số nhà và Béc-na-sếch sau đây sẽ đến tìm người kia - bây giờ chỉ còn là người chủ cũ của khẩu súng.

Chúng tôi bắt tay vào phân loại tỉ mỉ các khách đến đây - theo dân tộc, quốc tịch, nghề nghiệp, mục đích đến - du lịch hay công việc. Ai đến lần đầu, ai đã từng ở đây, ai có ô-tô riêng, ai đi máy bay tới, và ai sẽ rời vào những thời hạn nào. Nhưng tìm mãi, chúng tôi vẫn không thấy ai trong sổ họ liên quan đến công nghiệp ô-tô cả. Chỉ có các nhà ngoại giao, các nhà kinh doanh bia, các chuyên gia về cầu trục, bốn nhà vật lý người Nhật - khách của Viện Hàn lâm khoa học, con của hoàng tử Cô-ôét với đoàn tùy tùng, đám nhà giàu người Mỹ đi du lịch Châu Âu, bảy nhà văn, ba mươi lăm nhà báo thể thao Tây Đức, hai bình luận viên Đài truyền hình, sáng nay đã chuẩn bị lên xe hơi trở về, và còn cả bầy nhà báo từ nhiều nước tới nữa.

Rất nhiều ngành nghề, mỗi quan tâm khác nhau! Nhiều người đem theo con cái. Lại cả một bà người Mỹ đem theo ba con chó nữa! Đến 12 giờ kém 15, tôi mệt mỏi gạt tờ danh sách sang một bên.

- Thật vô nghĩa, nếu định câu được một mẻ gì từ mớ danh sách này! Đây là một mớ bong bong trong một mớ bong bong lớn hơn, và tìm tòi kiểu này sẽ chẳng đi tới đâu cả. Tốt hơn hết, hãy đến gặp những cầu thủ nổi tiếng cái đã. Hy vọng là, sau một đêm không yên ổn, họ đã kịp nghỉ bù...

Tôi đã cầm vào nắm đấm cửa thì đột nhiên cửa mở tung ra trong một tiếng va mạnh. Giám đốc khách sạn, mặt tái mét, ùa vào phòng như chạy. Ông nắm khuỷu tay một bà phụ nữ có tuổi, lôi vào theo:

- Tôi đến điên lên mất! Lại một vụ tội phạm tiếp theo nữa vừa xảy ra trong khách sạn. Pa-ni Páp-kô-va - ông ngoảnh về phía người phụ nữ đang hoảng hốt - sẽ kể lại cho các đồng chí nghe mọi chuyện.



Ông gieo phịch người xuống ghế, hai tay ôm lấy đầu. Tôi dìu người phụ nữ ngồi xuống một ghế bành khác.

- Có chuyện gì xảy ra vậy bà?

- Tôi... tôi không thể vào đó được nữa, khủng khiếp quá... ở trên kia - bà chỉ lên trên trần - một người đàn ông đang nằm sóng sượt!

- Bà hãy bình tĩnh lại đã. Ở đâu?

- Phòng 16, à, nghĩa là... 316. Ông ta hầu như trần truồng, xung quanh đổ vỡ cả, cứ y như bom nổ...

Ca-bi-sếch lật nhanh như chớp tờ danh mục: phòng 316 đó là ngài Cuốc Vi-ne và Phơ-ri-đrich Cuốc, cả hai đều từ Phơ-răng-phua tới.

Chúng tôi lao lên. Phòng 316 hoàn toàn tan nát. Cửa tủ bị giật tung, đệm giường và vải trải giường bị cắt vụn, quần áo vứt bừa bãi trên sàn, thảm bị quăng vào góc, mọi thứ để trong va-li bị quăng ra khắp bốn phía. Giữa cảnh hoang loạn ấy là một người đàn ông có tuổi, nằm dưới sàn, gần như trần truồng. Tư thế nằm không tự nhiên, một vũng máu đọng ở phía dưới thân thể. Tôi cầm tay ông ta, không còn mạch đập nữa.

Chúng tôi khép cửa phòng, ra ngoài. Ca-bi-sếch cầm theo danh sách những người ở khách sạn, một lần nữa xem lại dòng “Phòng 316”: Cuộc Vi-ne, thương gia buôn bia, Phơ-ri-đrich Cuốc, thư ký của ông ta. Họ đến ở khách sạn một tuần. Trước tiên ở phòng 513, sau đó theo đề nghị của ban quản trị khách sạn đến ở phòng 316. Việc chuyển chỗ nhằm giải phóng cả một phía hành lang khách sạn cho con trai của hoàng tử Cô-oét và đoàn tùy tùng danh dự ở. Hai nhà buôn này đi bằng chiếc ô-tô “Méc-xê-đét” tới, số biển 38 - 25FM. Ngày mai là thời hạn rời khách sạn.

Ca-bi-sếch chạy đi gọi điện cho Gô-mô-la, để thiếu tá gửi đến thêm một nhóm công tác đặc biệt nữa.

Bà Páp-kô-va kể ngắn gọn về chuyện xảy ra. Bà bắt đầu dọn dẹp từ nửa hành lang bên phải tầng ba vào lúc 10 giờ, lần lượt từ phòng này sang phòng khác. Phòng 316 đóng cửa. Bà gõ cửa, và từ trong phòng vọng ra một câu tiếng Đức “Hoch cin half Stunde”<sup>[2]</sup>. Bà bèn bỏ phòng đó và dọn tiếp các phòng khác. Sau đó bà quay lại. Cửa vẫn đóng, nhưng khi gõ thì không ai mở. Bà bèn dùng chìa khóa của mình và mở cửa. Khi bà thấy cảnh tượng bày ra trước mắt thì bà đóng sập ngay cửa lại, ù té chạy lên phòng giám đốc.

Tôi đứng ngoài hành lang chờ nhóm công tác đặc biệt và nhân viên giám định pháp y tới. Ca-bi-sếch quay lại và báo là họ đã lên đường đến đây.

- Thế còn người ở cùng với hắn đâu rồi? - Anh hỏi nhỏ.

- Chạy ngay xuống dưới, bảo Se-đi-vư và Buốc-đa đi tìm ô-tô của họ. Hai người đang uống cà-phê ở dưới nhà. Nếu không thấy ô-tô của họ ở trước khách sạn, lập tức báo động. Chiếc “Mét-xê-đét” đen nhận diện không khó, số xe lại đã có rồi. Phải giữ ngay chiếc xe đó lại. Nếu nó còn ở đó khám xét ngay và giữ bất cứ ai định vào xe. Và dẫn người quản trị lại đây.

- Rõ cả! - Ca-bi-sếch nói.

Tôi hút thuốc, ruột gan như lửa đốt, nhưng chưa hút hết nửa điếu thì Ca-bi-sếch đã trở lại cùng với người quản trị và anh em ở nhóm công tác đặc biệt. Đó cũng vẫn là nhóm anh em hôm qua đã xem xét phòng 216. Còn người quản trị khách sạn thì nhận ra ngay người bị giết là thương gia Vi-ne. Tôi đề nghị anh ta không được nói chuyện này với ai.

Giám định viên cầm tay nạn nhân và đặt xuống luôn:

- Người này đã chết khoảng một tiếng trước đây, do bị bắn thẳng vào tim. Khi các nhân viên công tác đến đây chụp ảnh xong, tôi sẽ mang xác đi mổ. Tên giết người lục soát cái gì đó rất kỹ, thậm chí xé cả đế giày và gót giày ra.

Giám định viên đứng dậy, phủi sạch đầu gối. Trung úy dẫn đầu nhóm kỹ thuật viên cùng chúng tôi đứng ở trước cửa phòng ngoài và nhìn vào phòng tắm.

- Khăn mặt còn ướt... Các đồng chí hãy rắc bột vào đây. Hung thủ không thể không để lại dấu vết gì...

- Đây chính là sợi chỉ hôm qua tuột khỏi tay chúng tôi - Tôi nói với trung úy - Cái chết này hẳn phải liên quan tới cái chết của Pích-le. Phòng này nằm ngay trên đầu phòng Pích-le, cũng mang số 16. Phải xem xét kỹ trần nhà và cửa sổ.

Trung úy thận trọng bước qua phòng, sang phía bên kia, nơi có tấm thảm bị giật ra. Anh rút chiếc đèn pin từ trong cái va-li nhỏ và dài ra, xem

xét chỗ gờ dưới chân tường rất cẩn thận, xem đến góc sát cửa sổ trông ra sân, anh lặng thinh. Rồi huýt sáo khẽ một tiếng.

- Đồng chí thượng úy ạ, đồng chí đã nói rất đúng. Chỗ này giấy bồi tường bị bóc ra. Và hình như phòng này ăn thông xuống được bên dưới.

Anh đề nghị chúng tôi ra ngoài để khỏi vướng chân nhóm kỹ thuật viên. Tôi đứng chặn ngay ở cửa:

- Anh tìm được gì ở chỗ ấy thế?

- Đoạn dây dẫn. Ngoài ra, tôi chưa thể nói gì thêm. Phải, nó đây.

- Còn chiếc khuy áo của Pích-le anh đã thấy chưa?

- Chưa tìm ra. Thế có nghĩa là phải tìm ra nó cả ở trong phòng này?

- Hẳn thế, trung úy ạ. Anh chàng thương gia này, chắc cũng phải đền mạng chính vì cái khuy áo ấy. Ở đây không có chuyện phụ nữ dính vào, không thể là vì chuyện ghen tuông.

- Có vẻ như tên giết người cũng không tìm thấy vật hãn định tìm. Nếu không, hẳn đã không làm lộn bậy lên thế này... Các anh hãy đợi chút nữa đã... Có gì làm sáng tỏ được, chúng tôi sẽ cho biết ngay.

- Chiếc “Mét-xê-đét” thế nào? - Tôi quay lại Ca-bi-sếch.

- Không còn trong chỗ đó. Cả người ở cùng phòng kẻ bị giết cũng đã biến mất. Sê-đi-vư và Buốc-đa đang quan sát kỹ khách sạn và chỗ để xe, còn tất cả các trạm kiểm soát giao thông đều đã được thông báo.

Tôi chưa kịp mở cửa phòng dùng làm “bản doanh” của tôi thì đã nghe chuông điện thoại Gô-mô-la gọi. Tôi kể lại tóm tắt mọi chuyện xảy ra và thuật lại lời trung úy kỹ thuật viên dự đoán rằng giữa hai phòng hình như có chỗ thông nhau.

- Được rồi. Tôi sẽ đề nghị với Cục để ra tuyên bố truy nã trên phạm vi toàn quốc. Hung thủ, có thể đang cố vượt tới biên giới.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, các kỹ thuật viên đã sắp đặt xong chiếc máy phát vô tuyến điện và chỉnh nó vào đúng làn sóng Pra-ha. Nhưng

tôi chưa kịp nghe xem máy có tốt không thì trung úy kỹ thuật viên đã chạy vào phòng:

- Cho tôi mượn chìa khóa phòng 216!

Tôi gật đầu cho Ca-bi-sếch. Anh đưa chiếc chìa mới của ổ khóa phòng 216 ra. Chiếc chìa khóa cũ cùng ổ khóa, đêm qua đã được đưa xuống phòng xét nghiệm.

Chưa quá hai phút, trưởng nhóm kỹ thuật viên lại đã xuất hiện. Anh lao vọt vào phòng, vội đến mức không gõ cửa:

- Anh đi cùng với tôi!

Trong phòng 216 có hai người đang đứng trên cái thang xếp, và giống như chim gõ mõ, họ gõ gõ lên trần đồng thời rà dần vào tận góc bằng hai chiếc máy tròn tròn như hai cái đèn pin. Nhưng tôi không nhìn thấy gì cả, vì trong phòng tối quá.

- Thế tại sao các anh không bật đèn hay mở rèm cửa ra.

- Đèn thì chúng tôi không muốn bật, còn rèm cửa thì tốt hơn hết là đừng sờ vào nó vội...

Trong phòng xuất hiện thêm một người nữa. Bên sườn, anh ta đeo một chiếc máy trông giống một chiếc đài bán dẫn lớn.

Bây giờ tôi có thể nghe thấy tiếng gõ ở bên trên, từ căn phòng trên đỉnh đầu. Trung úy chỉ vào chiếc “đài bán dẫn”:

- Đây là thiết bị dùng để “nhìn thấu được” qua các vật cản. Giống như tia rơn-ghen. Anh biết không, chúng tôi đã phát hiện được là có người ròng dây dẫn điện từ phòng trên xuống đây. Cũng có thể là ròng từ đây lên, nhưng khả năng thấy rõ hơn cả là từ trên xuống.

Người đeo “chiếc đài bán dẫn” bước lên thang xếp tới chỗ các bạn mình đang gõ gõ lên trần. Anh đặt thiết bị lên bậc thang cao nhất rồi hướng một cái đĩa kim loại áp lên phía trần. Trung úy gật đầu với tôi và

chúng tôi cùng leo lên thang. Kỹ thuật viên mỉm cười, ra hiệu cho tôi hãy nhìn vào màn ảnh nhỏ trong máy.

- Anh thấy gì không?

Đầu tiên tôi chưa nhìn ra cái gì cả, nhưng trung úy lưu ý tôi tới những vòng màng nhện đang quét trên màn ảnh.

- Đây có thể là những kẻ hở nhưng chắc chắn hơn là những lỗ đục thủng trần. Anh thấy chưa? Đấy, bây giờ đã rõ hơn rồi nhé...

Chúng tôi tụt xuống sàn.

- Anh có thể nhận xét điều gì?

- Những phát hiện này rất hay, vì như vậy, không đơn giản là chỉ có biện pháp nghe trộm được dùng ở đây. Nếu chỉ có thế thì không cần đục thủng trần. Chỉ cần đặt áp xuống sàn nhà một máy mi-crô-phôn đặc biệt nhạy, là có thể nghe được những gì nói ở phòng dưới. Nhưng ở đây, họ không những chỉ cần nghe trộm, mà là cả nhìn trộm nữa.

Khi tôi trở về phòng mình, Ca-bi-sếch đang đứng đó, một tay cầm ống điện thoại, một tay áp sát ống nghe vô tuyến điện vào tai. Anh ra hiệu cho tôi đừng động mạnh và đưa ống điện thoại cho tôi. Tôi nghe thấy giọng của Gô-mô-la:

- Hẳn trở về khách sạn rồi à?

- Ai?

- Người của chúng ta đã “cắn đuôi” đuổi theo chiếc “Mét-xê-đét” đen từ Đây-vít. Họ vừa thông báo cho tôi, rằng chiếc xe đó lại quay về, qua Pra-xna Bra-na, vậy ắt hẳn nó đã phải về tới khách sạn.

Tôi nhìn Ca-bi-sếch, vẻ dò hỏi. Anh vẫn lắng nghe, và ra hiệu xin tôi một môi lửa. Anh hút một hơi, nhả khói rồi nói vào mi-crô-phôn:

- Tốt rồi. Theo dõi hẳn cho tới lối vào khách sạn nhé. Còn ở đây đã có chúng tôi. Cảm ơn. Vậy là xong.

Anh bèn cầm lấy ống điện thoại từ tay tôi và báo cáo:

- Hãn vừa về tới khách sạn, rời xe và đang đi lên đây. Sẽ rất lý thú, để xem hãn khai gì. Chúng tôi sẽ gọi điện ngay... - Và anh gác máy.

- Ta đi thôi - Ca-bi-sếch nhìn đồng hồ, ngài Cuốc đã bước lên thang, tới phòng mình rồi đấy!

Chúng tôi bước ra, đóng cửa và chạy lên tầng trên. Ngay trong lúc ấy cửa thang máy mở ra. Một người đàn ông trẻ, tóc màu sáng bước ra, và, không chú ý gì đến chúng tôi, bước về phòng mình. Chúng tôi bước theo sau anh ta vài bước. Cuốc không vội vã, anh ta vừa đi vừa huýt sáo và không lần nào quay nhìn lại cả.

Thầm thì mấy câu trao đổi cùng nhau xong, chúng tôi vượt lên, đuổi kịp anh ta. Cuốc cầm nắm đấm cửa và giật thót: có ai đó mở cửa từ phía trong ra! Anh ta quay người lại nhưng chúng tôi đã giữ chặt hai tay và đẩy vào phòng. Ca-bi-sếch kiểm tra xem anh ta có vũ khí không.

Cuốc bị bất ngờ, hơi choáng, nhưng trấn tĩnh ngay tức khắc:

- Các ngài, tôi không hiểu!... Ai cho phép các ngài làm trò này?

- Ông là Cuốc?

- Vâng, hộ chiếu của tôi đây.

- Chúng tôi là cảnh sát. Xin mời ngài quá bộ đi theo chúng tôi. - Anh ta nhún vai và ra khỏi phòng, đi trước chúng tôi.

Tôi để Sê-đi-vư ở phòng 201 để anh liên lạc với nhóm kỹ thuật xét nghiệm. Còn tôi và Ca-bi-sếch dẫn Cuốc về thẳng Cục.

Có thể, lương tâm anh ta không hoàn toàn trong sạch, nhưng bề ngoài không hề có chút biểu hiện gì, anh ta rất tự chủ, bình thản.

- Thế này là thế nào, các ngài? Tôi là công dân Cộng hòa Liên bang Đức, và các ngài không có quyền gì...

- Có quyền. - Tôi ngắt lời, và nói thêm - Sếp của ông, ngài Vi-ne đã bị giết ở trong phòng.

Trên mặt Cuốc hiện rõ vẻ kinh hãi. Mặt anh ta tái mét. Vài phút sau, anh ta mới đủ sức nói lên lời:

- Sao lại xảy ra chuyện đó được?

Tôi nhún vai:

- Ông nói được tiếng Tiệp chứ?

- Không. Nhưng ông chưa cho tôi biết rõ chuyện tôi cần hỏi!

- Ông chịu khó chờ, ông sẽ được xem ảnh. Tạm thời, ông hãy kể cho chúng tôi những gì ông biết...

- Không, tôi không biết, tôi không biết gì hết! Gần như đó là tiếng gào lên của một người bị chấn động thần kinh. Có thể thấy rõ là anh ta đã mất hết bình tĩnh. Nếu như không phải đang ngồi trên xe, hẳn anh ta đã vùng chạy. Và lúc đó, chắc phải dùng sức mới ghìm nổi anh ta lại.

- Từ sáng đến giờ tôi chưa hề trông thấy sếp của tôi!

- Chúng tôi không khẳng định rằng ông đã giết sếp của ông. Trong khách sạn, ông vắng mặt, ông đã rời khỏi đó khoảng sau chín giờ một chút, người coi ga-ra ô-tô đã nói thế. Nhưng, ngài Vi-ne đã gặp ai, cái chết của ông ấy cần cho ai?



Cuốc co người lại, cắn chặt hàm răng. Anh ta trả lời các câu hỏi rất rời rạc - chỉ lúc “có” lúc “không” mà thôi. Nhưng những tấm ảnh chụp được trong phòng, anh ta xem rất chăm chú và rất lâu. Sau đó, hai tay ôm lấy đầu, và anh ta ngồi yên như vậy cho đến khi tôi mời hút thuốc lá.

- Trời ơi, vậy mà sớm nay tôi còn ngồi ăn sáng bình yên với ông ta.

Cuốc, thư ký riêng và lái xe cho Vi-ne, đã tới Pra-ha với sếp của mình để nghiên cứu khả năng cung cấp bia Tiệp cho Cộng hòa Liên bang Đức. Chúng tôi đã cử Xmi-ran từ khách sạn đến ban giám đốc nhà máy bia Xmi-khốp và đang chờ anh về từng giây từng phút.

- Ông Vi-ne từ sáng đã cảm thấy khó chịu, - Cuốc nói - và sau khi ăn sáng, quãng chín giờ, tôi lấy xe để đi chinh phanh. Tôi đi ra ngoài thành phố và khi quay về, tôi dừng lại ở một hiệu ăn nhỏ ngoại ô Pra-ha ăn một đĩa thịt ninh, uống một vai bia. Sau đó về thẳng khách sạn. Tôi không hề biết gì về cái chết của ông Vi-ne. Tôi không thể tin nổi. Vậy các ông đã gửi điện báo về Phơ-răng-phua chưa?

Điện báo chúng tôi đã gửi đi. Và sau sau đó một lát, chúng tôi cũng xác định được rằng Cuốc quả thực có rẽ vào ăn ở một quán nhỏ khu ngoại ô Đây-vít - quán “Bình nước mát”. Đây là những bằng chứng rõ rệt về việc Cuốc không có mặt trong vụ giết Vi-ne. Thế thì ai đã đục lỗ thông phòng của họ xuống phòng Pích-le? Cần phải giục trung úy đội giám định báo cáo các kết quả điều tra của họ ngay.

Tôi ra hiệu cho cô thư ký, để cô đừng vội làm biên bản: phải giữ Cuốc lại lâu hơn chút nữa, cho đến khi nhận được kết quả giám định của tổ kỹ thuật.

Cuối cùng, các kết quả đã được mang đến.

- Ông có biết ông Pích-le không? - Tôi hỏi.

- Cầu thủ ở Cô-lô-nhơ chứ gì? - Cuốc ngẩng đầu lên rất nhanh - một trung phong xuất sắc...

- Ông có quen ông ta không?

- Không.

Đã đến lúc cần phải thông báo về những gì mà nhóm kỹ thuật viên của chúng tôi đã phát hiện được.

- Vậy ông và ông Vi-ne cần gì mà phải theo dõi Pích-le ở căn phòng ngay dưới chân ông, và hôm qua anh ta đã bị giết. Xung quanh ông, như vậy là có quá nhiều người bị giết.

Cuốc lại rút một điều thuốc. Tay anh hơi run.

- Ông có rất nhiều điều đáng để nói cho chúng tôi biết, ông Cuốc ạ. Viện Kiểm sát của chúng tôi đã được phép của các cơ quan tương ứng bên Cộng hòa Liên bang Đức cho quyền giữ ông lại để điều tra...

- Các ông điên rồi. Tôi chẳng gây một tổn hại nhỏ nào cho ai cả. Và không biết gì hết. Các ông đang làm những việc trái pháp luật. Tôi báo trước cho các ông biết, rằng từ phút này trở đi, các ông sẽ không còn có thể nghe tôi cung khai bất cứ một điều gì hơn nữa. Các ông đừng quên rằng tôi là công dân của một nước khác.

Tôi ra lệnh dẫn Cuốc đi.

Gô-mô-la báo cho chúng tôi rằng, có tin từ Phơ-răng-phua chuyển về, theo tin đó thì các ông chủ của Vi-ne và Cuốc là những người có tín nhiệm, chưa bị một tai tiếng nào bao giờ.

Xmi-ran đưa ông giám đốc nhà máy bia Xmi-khốp đến.

- Ông Vi-ne chuẩn bị đem về Phơ-răng-phua bản dự thảo hợp đồng do chúng tôi dự thảo, để thông qua ban lãnh đạo Công ty. Khoảng hai tuần nữa, chúng tôi sẽ cùng đại diện của Công ty xuất khẩu Pra-ha bay sang đó ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ có lợi cả cho chúng ta, cả cho người Đức. Họ cần mua bia của Áo làm gì, nếu bia nhãn "Xta-rô-pra-men" của chúng ta rẻ hơn? Mà bia Tiệp lại có chất lượng cao hơn. Người Đức biết rõ điều đó...

Ông giám đốc nói thêm rằng Vi-ne và Cuốc hẹn sẽ đến nhà máy vào một giờ trưa. Ông không hiểu tại sao tới giờ vẫn không thấy họ đến. Tôi

không trả lời câu hỏi ấy của ông.

- Đồng chí có nhớ, các ông Vi-ne và Cuộc đã tới nhà máy vào những ngày nào không? Đồng chí gặp họ vào khi nào?

- Vâng, - Ông lôi ngay một cuốn lịch trong cặp ra và giở giở từng tờ. - Vậy là, vào Thứ Hai tuần trước chúng tôi nhận được thông báo của họ. Họ tỏ ra quan tâm đến bia của chúng tôi và chuẩn bị sang trao đổi ký kết. Vào Thứ Sáu, họ đã đến gặp Ban giám đốc chúng tôi. Thứ Bảy, họ đến tìm hiểu về sản xuất ở nhà máy, sau đó chúng tôi chiêu đãi họ ăn trưa. Chủ Nhật họ mời lại chúng tôi đến “Các-lơ-tôn”, gồm tôi, đồng chí phó giám đốc và trưởng phòng kế hoạch. Ngày Thứ Hai, chúng tôi cùng chuẩn bị bản dự thảo hợp đồng, có mặt cả hai đại diện của Công ty xuất khẩu Pra-ha. Ngày Thứ Ba, quãng một giờ trưa, ông Vi-ne đến chỗ tôi, thông báo rằng nội dung bản hợp đồng dự thảo ông ta đã đánh điện về Phơ-răng-phua. Hôm Thứ Tư, chúng tôi không gặp nhau. Còn hôm nay, ông Vi-ne gọi điện, báo rằng khoảng một giờ sẽ qua chỗ chúng tôi để chào tạm biệt, vì ngày mai họ đã về nước. Nếu đồng chí còn cần thông báo chi tiết hơn, cần đến từng giờ chúng tôi đã làm gì, tôi cũng có thể cung cấp được. Vì tất cả mọi việc đều có ghi đầy đủ trong cuốn lịch của tôi.

- Cảm ơn đồng chí, chúng tôi chưa cần đến. Chỉ có điều, trong buổi sáng nay, đồng chí có nhớ, ông Vi-ne gọi điện cho đồng chí vào lúc mấy giờ không?

- Khi nào gọi điện à? Tôi đến làm việc lúc tám giờ. Tôi đã kịp uống cà-phê, xem qua báo chí rồi bắt đầu làm việc. Vậy là khoảng chín giờ, có thể là chín giờ mười lăm, thì nghe điện thoại. Nhưng, có chuyện gì xảy ra vậy? Tôi cũng chưa được rõ, tôi được mời đến đây làm gì?

- Tạm thời chúng tôi chưa thể nói gì cho đồng chí được, có điều là, cái hợp đồng ấy có lẽ không ký được đâu.

- Một tin hay ho nhỉ! Nếu vậy thì đây là một trò khiêu khích. Họ là ai? Bọn lừa đảo à, có phải thế không?

- Tốt hơn hết là đồng chí đừng vội quá bản khoản về chuyện ấy. Và cũng đừng nói gì với các bạn đồng sự của mình. Chỉ vài ngày nữa, chúng tôi sẽ giải thích rõ. Còn điều này nữa. Đồng chí có thể cho chúng tôi mượn bản dự thảo hợp đồng được chứ?

Ông giám đốc ra về, đây bối rối. Xmi-ran, người đưa ông giám đốc đến, có nói với tôi rằng, ông giám đốc đã có nói với một số người ở nhà máy về chuyện những người Đức đến mua bia này. Tất cả những ai đã gặp hai người Đức ấy đều có ấn tượng rằng họ là những thương gia đứng đắn. Theo nhận định chung, Vi-ne là người có hiểu biết về nghề bia. Tôi lại cử Xmi-ran trở lại nhà máy để anh kiểm tra lại mọi chuyện cho cẩn thận. Biết đâu có thể phát hiện được gì nữa. Ví dụ nếu như Vi-ne và Cuốc lại có quan hệ với ai ở đó? Hai người đến nhà máy bia hầu như hàng ngày, thế mà, như tôi nghĩ, việc chuẩn bị bản hợp đồng dự thảo lại kéo ra quá lâu. Làm gì cần phải lâu quá đến thế. Ngộ nhỡ, họ ngụy trang để hoạt động một việc gì khác ở đó?

Phòng khám nghiệm tử thi gọi điện đến. Những kết quả giám định y khoa, về sơ bộ đã chuẩn bị xong, có thể cho người đến lấy được. Nhưng tốt hơn là chúng tôi tự đến. Và chúng tôi mang theo Cuốc để có thể nhận diện người bị giết.

Tôi ngồi đằng trước, cạnh người lái, Cuốc ngồi ghế sau giữa hai cộng sự của tôi. Anh ta nhìn ra cửa xe, và hoàn toàn trở lại bình tĩnh. Hoặc đấy là giả vờ, hoặc cũng có thể, như thiếu tá nói, chúng ta đang chỉ tay lên trời hú họa, chưa thể biết được. Nếu như Cuốc không có một chút liên quan gì đến cái chết của Vi-ne và Pích-le thì sao? Chẳng lẽ lại không? Chẳng lẽ Cuốc, người ở cùng phòng với Vi-ne, lại không thể biết là ông ta làm gì? Những việc như thế đâu có thể giấu được?

Xác Vi-ne được đặt làm trên một chiếc bàn kim loại phủ một mảnh vải trải giường. Tôi đẩy Cuốc lên trước. Anh ta mạnh bạo đến thẳng bàn và nhìn vào mặt người chết. Sau đó, anh ta qua lại tôi, mặt xanh tái:

- Vâng, đây đúng là ông Vi-ne.

Bác sỹ khám nghiệm xác Vi-ne đã ngừng tay khi thấy chúng tôi đến, báo cho chúng tôi những kết quả sơ bộ. Vi-ne bị bắn chết bằng súng lục nòng 7,65 mi-li-mét, trong khoảng cách không quá hai mét. Ông ta chết ngay. Thời gian bị giết: từ mười giờ rưỡi đến mười một giờ. Đường đi của viên đạn xuyên từ sườn qua tim và chạm vào xương bả vai, do đó loại trừ khả năng tự sát. Thủ phạm đã lột quần áo người bị giết, xé rách bộ com-plê, áo sơ mi, cắt mặt giày, sau đó xem xét nạn nhân rất cẩn thận, hẳn tìm kiếm cái gì đó ở cả dưới nách và vùng bẹn. Có những vết xước trên thân thể chứng tỏ điều đó. Tên giết người không phải là kẻ ngu ngờ, vì hẳn lục soát tất cả những chỗ mà một kẻ ít kinh nghiệm không đời nào nghĩ đến. Và cả phương thức hẳn bối lộn, lật trái ruột đệm giường và đi-văng ra, đã khẳng định rằng kẻ hành động là một “chuyên gia”. Hẳn ta tìm thấy vật hẳn định tìm không?

Các bác sỹ và giám định viên kỹ thuật hứa rằng đến chiều họ sẽ trình bày một bản báo cáo chi tiết.

Chúng tôi về khách sạn. Nhóm kỹ thuật viên tiếp tục làm việc trong phòng của Vi-ne và Cuốc. Trung úy mở nắp va-li con và tôi nhìn vào trong. Phía trên là ba áo sơ-mi ni-lông bọc giấy nhựa trong. Dưới đó là áo mưa màu xanh sẫm. Sau đó kỹ sư lật nắp va-li thứ hai, và tôi nhìn thấy một thiết bị ra-đi-ô. Ở giữa, có một màn ảnh nhỏ, giống như màn ảnh mà các kỹ thuật viên đã chỉ cho tôi xem.

Trung úy trình bày cho tôi mọi việc trong khoảng mười lăm phút. Anh giải thích cho tôi rằng đây là một “đồ chơi” kiểu Mỹ, được sản xuất riêng cho CIA, và các nhân viên của nó chỉ được trang bị khi thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Chúng ta không có thiết bị này. Chỉ cần có bốn dây dẫn điện nhỏ, - anh chỉ cho tôi thấy - làm thành một đường cáp, rồi nối hai đầu dây trong số đó vào ca-mê-ra - hình dáng nó như một cái đĩa, có kích thước bằng một chiếc gương soi bỏ túi - chỉ như thế là có đủ một thiết bị vô tuyến truyền hình tuyệt vời. Trong va-li còn có một vài thiết bị mi-crô và tăng âm rất bé, kèm theo năm chiếc pin bé xíu nhưng rất mạnh. Với thiết bị mi-crô tí hon này có thể nghe trộm được tiếng nói trong phạm vi 200 mét! Nếu dán chiếc mi-crô áp xuống mặt dưới chiếc bàn ở phòng bên (mà kích thước của nó chỉ bằng một đồng xu) thì có thể nghe được những gì mọi người nói trong bán kính mười mét, rõ mồn một!

- Các anh lẽ ra phải tìm thấy ca-mê-ra thu hình trong phòng Pích-le từ hôm qua mới phải!

- Chắc hẳn là phải có. Nhưng ai nghĩ đến việc tìm nó trên trần nhà kia chứ? Chúng tôi đã kiểm soát rất cẩn thận tủ và đồ đạc của người bị giết. Tất nhiên, có xem xét kỹ lưỡng mọi thứ còn lại xung quanh, thậm chí ở bên ngoài cửa sổ nữa, nhưng làm như một bầy ruồi mà bò lên trần nhà, thì quả là chưa nghĩ đến.

- Các anh đừng bắt tôi phải sốt ruột lâu quá. Các anh có tìm thấy chiếc khay áo ở phòng Vi-ne không?

- Không. Chúng tôi đã lục lọi khắp chốn, sử dụng cả những thiết bị phát tia hồng ngoại và tử ngoại không bỏ qua một xăng-ti-mét nào, nhưng chiếc khay áo vẫn không tìm thấy dấu cả.

Trông vẻ mặt của trung úy thật phiền muộn!

Hồng việc mất rồi. Tên tội phạm tự biết rõ hắn cần gì, và hắn đã tìm thấy vật ấy, chính vì thế mà hắn phải lục soát, tìm kiếm khắp phòng Vi-ne và phải giết ông ta.

- Thêm một chi tiết nữa. Trên chiếc quần của Cuốc phát hiện thấy vết vôi tường. Chắc chắn là hắn ta đã đục lỗ ở sàn nhà, để thả dây dẫn xuống phòng dưới. Chúng tôi sẽ cố làm sáng tỏ đầu vào đấy cả. Có thể mời Cuốc đến để kiểm nghiệm...

- Rất cảm ơn. Các anh hãy đi ăn chiều, sau đó lại trở lại đây. Còn bây giờ, các anh hãy mở cái thiết bị kia để xem nó hoạt động thế nào. - Tôi chỉ vào va-li.

Trung úy chỉ cho tôi xem một chiếc chìa khóa.

- Rất vừa ổ khóa phòng Pích-le đấy!

Đây là một chiếc chìa khóa vạn năng - Đúng là mơ ước của những kẻ đi mở khóa trộm! Chỉ một chiếc chìa khóa đó đủ mở được hai mươi bảy loại ổ khóa cửa khác nhau!

- Chìa khóa này cũng thấy trong va-li?

- Tất nhiên rồi!

Không cần phải nói gì thêm. Với tất cả những thứ được trang bị này, đây phải là những con “Át chủ bài” của các cơ quan tình báo đến hoạt động ở nước chúng tôi. Và chúng tôi hiểu tại sao ở phòng xét nghiệm đã không thể phát hiện được gì ở ổ khóa của phòng Pích-le. Cả Vi-ne, cả Cuốc đều có thể đột nhập vào đó dễ dàng và găm chiếc kim thuốc độc vào trong mũi giày.

Nhưng tại sao lại cần phải giết Pích-le? Có gì đó chưa ổn về lô-gíc ở đây. Nếu như cần phải đánh cắp tài liệu về phát minh, mà anh ta đang cầm, anh ta cũng không thể dám đi báo cho các cơ quan an ninh Tiệp Khắc được. Anh ta buộc phải im lặng. Kẻ cắp lại đoạt của kẻ cắp: điều ấy có thể xảy ra, nhưng tại sao lại phải dẫn đến cái chết trên chĩa phạt đèn? Điều ấy xem ra quá xa xỉ?



Đầu tiên, Cuộc tự tạo ra một bộ mặt ngây thơ: không biết gì hết. Nhưng dần dần anh ta bắt đầu nói.

Ngày hôm qua, Vi-ne đã bảo Cuộc là phải vứt hết mọi thứ thiết bị mang theo mình. Nhưng Cuộc cảm thấy tiếc khi phải chìm xuống lòng sông Vôn-ga-ta “đồ chơi” quý giá đó.

Cuộc trả lời chúng tôi hơn một tiếng, lời cung của anh ta chiếm hết nửa băng cát-xét. Anh ta đổ hết tội cho Vi-ne, chỉ nhận rằng mình đóng vai trò thư ký và lái xe.

- Tất nhiên, người ta trả lương cho tôi rất hậu. Nhưng chỉ với điều kiện là tôi không tham gia gì vào việc của họ. Hoàn toàn làm ngơ. Tôi không có khái niệm gì hết về Pích-le và chỉ đến trưa ngày thứ Ba...

Ban quản trị khách sạn đã gặp họ vào chiều Thứ Hai để đề nghị họ giải phóng khỏi tầng năm, do con trai hoàng tử Cô-oét và đoàn tùy tùng bất ngờ đến thuê. Vi-ne nói với nhân viên quản trị rằng ông ta sẵn sàng chuyển phòng, nhưng xin được dọn đến phòng 316, vì cạnh đó là các thương gia Hà Lan đang ở, những người này buôn bán mạch nha, và Vi-ne có quen biết họ. Ban quản trị đồng ý. Vào buổi sáng Thứ Ba, Vi-ne đã đục lỗ và ròng dây cáp để nghe ngóng và theo dõi những gì xảy ra ở bên dưới, là phòng 216. Cuộc nói là không biết gì hết, chỉ đến trưa Thứ Ba, anh ta mới bị lôi vào chuyện này.

- Vi-ne đã vào phòng Pích-le bằng cách nào, điều ấy đến giờ tôi cũng không hề biết. Từ sáng sớm, tôi lái xe đi, còn khi tôi trở về, mọi thứ đã sắp đặt xong. Cho tới giờ phút này, tôi cũng không hề hay biết là trong chiếc va-li nhỏ kia có chứa cái gì! Tôi cứ nghĩ là chỉ có quần áo của Vi-ne. Sau đó ông ta bảo tôi phải làm gì, và theo dõi Pích-le. Khi nào Pích-le rời phòng, Vi-ne phái tôi đi theo. Để làm gì, thì tôi không biết. Tôi cho rằng Vi-ne muốn ăn trộm tiền của Pích-le. Còn về cái chết của Pích-le, mãi tới chiều tối, người ta mới kể cho tôi nghe ở trong quầy rượu. Vi-ne sai tôi đến

đấy, bảo tôi ở đó, đừng về phòng cho tới nửa đêm, vì trong thời gian ấy, ông ta bận việc riêng.

- Cứ cho rằng ông là người mới, vô can và không có gì liên quan đến cái chết của Phơ-răng Pích-le, nhưng vì sao ông không thông báo với các cơ quan an ninh của Tiệp Khắc, rằng ông Vi-ne, người mà ông đang muốn trút hết tội lỗi lên đầu, đã đặt ca-mê-ra thu hình và thiết bị nghe trộm ở phòng Pích-le? Chả lẽ, chuyện giết người là một chuyện bình thường, đến nỗi không cần phải lưu tâm gì đến nó. Ông Cuốc, chúng tôi không tin một lời nào của ông về những thứ ông vừa ngụy tạo ra. Chẳng phải là ông đã biết rõ mục đích chuyến đi ngay từ Phơ-răng-phua rồi là gì? Chả lẽ ông sẽ còn khẳng định rằng ông không hề quen biết cả Vi-ne trước chuyến đi này nữa?

- Quen thì tôi có quen, nhưng không biết ông ta là người thế nào...

Vi-ne là một thương gia. Đôi lần ông ta thực hiện các đơn đặt hàng của Ban Liên hiệp chủ khách sạn ở thành phố Phơ-răng-phua. Thỉnh thoảng ông ra nước ngoài, không những mua bia mà cả rượu vang và cá, ở Pháp thì mua sò huyết, ở I-ta-li-a thì mua dầu ô-liu. Phơ-ri-đrich Cuốc với tư cách người đi chào hàng, vẫn đi cùng với Vi-ne. Khoảng ba tháng trước đây, trước lễ phục sinh, Vi-ne đề nghị Cuốc làm thư ký riêng cho ông ta. Cuốc nhận lời. Nhưng anh ta không biết gì chi tiết hơn về Vi-ne.

- Thường thường ông ta phái tôi đến nhà băng hoặc giao cho vài nhiệm vụ cụ thể tương tự như vậy. Tôi thực sự biết rất ít về ông ta. Đi lo việc kinh doanh với ông ta trong một thời hạn dài như thế này, thì mới là lần đầu. Buổi sáng nay ông ta cảm thấy không được khỏe lắm và cho tôi đi ra ngoài thành phố ... Biết thế này thì tôi nhận làm thư ký cho ông ta làm gì! Để rồi bị liên lụy vào một chuyện như vậy!...

- Vi-ne đã vào phòng Pich-le như thế nào?

- Tôi không biết. Tôi có hỏi, nhưng ông ta không nói gì...

- Thế ông sẽ nói ra sao về chiếc chìa khóa để trong va-li? Một thứ dụng cụ mở khóa đặc biệt, được chế tạo ở Anh, đã được bằng sáng chế, có

thể mở được 27 loại khóa khác nhau lại không có ý nghĩa gì với ông sao?

- Tôi không biết đến dụng cụ mở khóa nào cả!

- Ông có biết! Ông Cuốc, ông biết rất rõ! Chính nó đấy,- và tôi vứt bộ móc chìa khóa vạn năng ra bàn.

Anh ta nhún vai:

- Chắc hẳn là các ông không tin tôi, nhưng thực tình tôi rất sợ. Tuy nhiên, Vi-ne thuyết phục tôi, rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra với Pích-le, rằng ông ta chỉ cần biết Pích-le làm gì ở Pra-ha và gặp ai ở đây? Tôi theo dõi Pích-le khi anh ta ở trong phòng, và tôi không thấy ai lạ mặt vào phòng anh ta. Trong thành phố, thì người theo dõi Pích-le là bản thân Vi-ne. Khi tôi hỏi Vi-ne, rằng ông ta cần gì, ông ta đã trả lời: “Tôi cần người mà Pích-le phải gặp”. Ông ta có nói loáng thoáng về một cô gái nào đó mà Pích-le đi cùng trong một Câu lạc bộ ban đêm, rồi sau đó nghỉ lại ở nhà cô ta, nhưng hình như không phải đây là đối tượng cần tìm...

- Vi-ne có nói với ông ta là tại sao cuộc gặp mặt giữa cô gái kia với Pích-le không có ý nghĩa gì với ông ta không?

- Ông ta không nói thẳng, chỉ nói hàm ý thế. Pích-le cần phải gặp một người Tiệp nào đó và ký kết một hợp đồng với anh ta. Tôi nghĩ rằng Vi-ne muốn ngăn trở công việc đó, hoặc muốn đoạt lấy của Pích-le một vật gì đó. Nhưng Vi-ne có là kẻ sát nhân không thì tôi không được biết. Tối hôm qua, khi từ quầy rượu trở về, tôi có kể cho ông ta về cái chết của Pích-le. Nhưng hoặc là ông ta ngủ, hoặc là giả vờ ngủ, không nói gì.

Cuốc đã nói dối, điều ấy đã rõ. Vi-ne thuê một người thư ký để làm gì, nếu như mọi việc ông đều làm lấy cả, như lời Cuốc nói. Bây giờ, khi Vi-ne đã chết, chuyện gì cũng có thể đổ lên đầu ông ta. Có điều là cần phải chứng minh được là Cuốc đã nói dối.

Những người chết thì đã im lặng.

Tất cả những điều Cuốc nói, cần phải kiểm tra kỹ lại. Ca-bi-sếch nhận làm việc đó. Dưới sự chỉ huy của anh, có hàng chục nhân viên của chúng

tôi kiểm đi kiểm tra lại những gì có liên quan đến Vi-ne và Cuốc. Hai người đã chuyển lên tầng ba như thế nào, khi nào thì họ biết các cầu thủ Cô-lô-nhơ sẽ đến sống ở “Các-lơ-tôn”, khi nào thì việc đến ở đấy được quyết định, và những phòng nào được dành riêng cho họ thuê từ trước, vân vân... Từ các chi tiết riêng lẻ Ca-bi-sếch đã lập được một bức tranh lắp ghép kiểu mê-đai-cơ. Anh vẫn có sở trường làm việc đó. Anh còn tỏ ra thích thú khi phải lần mò trong các mớ chi tiết đang rối ren như vậy.

Có một điều rõ: dù Cuốc có liên quan như nào đến vụ này, việc giết Vi-ne không phải là hành động của anh ta.

Vậy ai là người thứ ba? Ai hành hung Vi-ne?

Ai biết được rằng Vi-ne đã đánh cắp được ở Pích-le và làm chủ được một vật quý đáng giá đến mức phải giết người để đoạt lấy nó? Ý nghĩ của tôi ngày càng quay trở lại với chiếc khay áo đáng nguyên rủa kia.

Cuốc hết sức ngoan cố bảo vệ các lời mình đã khai. Chúng tôi không có hy vọng khai thác được gì thêm ở anh ta nữa.

Ở trong khách sạn, Vi-ne gặp gỡ một số người, đại thể toàn là các nhà kinh doanh cả. Nhưng có ai trong số họ cần thiết phải gây ra cái chết của Vi-ne thì Cuốc không biết.

Tôi ghi tên họ tất cả những ai Vi-ne đã gặp.

- Vi-ne đã vào phòng Pích-le mấy lần?

- Tôi không rõ, nhưng hẳn là phải từ hai lần trở lên. Khi tôi hỏi ông ta vào hôm Thứ Ba, rằng ông ta theo dõi Pích-le để làm gì, và làm thế nào ông ta có thể vào được phòng Pích-le, ông ta đã gay gắt ngắt lời tôi. Tôi buộc phải dàn hòa. Khi Pích-le ở trong phòng, tôi theo dõi anh ta. Tất nhiên tôi phải hỏi là tôi cần chú ý đến điều gì nhất, Vi-ne trả lời rằng phải lưu tâm tới mọi hành động, nhưng đặc biệt phải chú ý đến cuộc gặp gỡ giữa anh ta với một người lạ mặt. Khi các cầu thủ khác vào phòng, có thể ngừng quan sát. Pích -le cần phải gặp một người nào đấy ở địa phương kia. Để làm gì? Điều đó tôi không biết. Phải quan sát cả ban đêm nữa. Pích-le có thể trở dậy và

đi mất, và Vi-ne sẽ mất dấu về cuộc gặp gỡ kia. Tôi ngồi ở máy theo dõi suốt đêm, từ Thứ Ba sang Thứ Tư, nhưng Pích-le vẫn ngủ rất say.

Như tôi đã nói, khi Pích-le rời phòng, Vi-ne đi theo anh ta. Vào chiều Thứ Hai, ông ta đi xem ca kịch tạp kỹ, Thứ Ba đi xem phim, còn sáng hôm qua thì đi theo Pích-le và nhóm cầu thủ đi dạo phố Pra-ha. Sau bữa ăn trưa, Vi-ne đưa cho tôi vé đi xem đá bóng. Bản thân ông ta không đi, và nói rằng ông ta còn bận việc. Buổi chiều, khi tôi về phòng thì ca-mê-ra đã được tháo ra, va-li đã xếp sẵn xong. Vi-ne nằm trên giường.

Ông ta đẩy tôi đi ăn chiều và bảo rằng tôi không cần về phòng trước nửa đêm. Ông ta nói rằng là ông ta rất bận. Đêm đó ở quầy rượu, tôi nghe tin Pích-le bị đầu độc. Tôi nghĩ rằng Vi-ne có thể dính dáng đến vụ này. Khi tôi kể cho ông ta tin đó, ông ta không hề phản ứng gì. Sáng hôm sau, tôi lại nói về chuyện đó.

- Và ông ta bảo sao?

- Ông ta nhảy bổ đến trước mặt tôi, gào lên rằng tôi hãy liệu giữ mồm giữ miệng, nếu như tôi không muốn dính vào một chuyện bẩn thỉu. Tôi đi ăn sáng. Rồi ông ta cũng xuống và đã tỏ ra bình tĩnh hơn. Ông ta nói rằng tôi được tự do và có thể không cần vội về khách sạn. Ông ta sẽ chờ tôi khoảng một tiếng. Chúng tôi cùng ăn trưa và đi đến nhà máy. Còn những chuyện sau đó, các ông đã biết cả...

Có thể thấy rõ rằng Cuộc đã nghĩ ra rất cẩn thận lời cung khai của mình. Tôi không khẳng định là anh ta hoàn toàn che giấu hết cả, nhưng ngược lại, chúng tôi hoàn toàn không cần gì phải bám níu vào những lời ấy. Tôi chỉ tin chắc rằng anh ta nói dối khi đã động đến vai trò của bản thân mình trong chuyện ấy.

- Như vậy là cái khuy áo mạ vàng trên áo vét của Pích-le, ông không nhìn thấy ở Vi-ne chứ?

Anh ta nhìn tôi kinh ngạc và lắc đầu.

- Và ông không có khái niệm gì về việc Pích-le phải ký một hợp đồng nào đó ở đây chứ, việc ấy anh ta làm cho ai?

- Không. Hôm qua trong quây rượu người ta chỉ nói rằng Pích-le là con rể ông Ốp-pen-hai-mơ, chủ Công ty liên hợp sản xuất ô-tô “M.W.F”, vậy ở đây hẳn có chuyện dính líu tới ô-tô gì đấy.

- Ông có biết, Pích-le bị đầu độc bằng cách nào không?

- Không. Người ta chỉ nói là anh ta bị một mũi tiêm. Hôm qua tôi nghe thấy nói thế, trong quây rượu...

Tất cả trò cung khai này thật vô nghĩa! Tôi đề Cuốc đi ăn chiều. Nhóm công tác đặc biệt được cử đến khách sạn để lắp vào phòng 316 thiết bị “ti-vi” và nghe trộm, đúng như nó đã được lắp vào hôm Thứ Ba và Thứ Tư vừa rồi. Sau một tiếng nữa, tôi sẽ đi cùng Cuốc đến đây.

Tôi và Ca-bi-sếch nuốt vội mỗi người một cặp xúc xích phết mù-tạt và uống một cốc bia. Sau đó chúng tôi tiếp tục nghe lại lời khai của Cuốc.

Cô-mô-la đến khách sạn cùng chúng tôi.

- Tôi muốn ngó vào sân khấu của các cậu một tý. Ông nói khi ngồi vào ô-tô.

Ca-mê-ra vô tuyến và thiết bị nghe trộm đã lắp xong.

Các kỹ thuật viên không cần quá năm phút để làm việc đó.

Họ luôn xuống phòng 216 qua lỗ thủng đã đục trước bốn đầu dây dẫn, còn ca-mê-ra thì dùng hai đinh vít bắt vào gờ tường. Ở phía dưới không thể nhìn ra, tôi phải đứng lên bàn, sau đó đứng tiếp lên ghế mới quan sát được nó.

Rồi chúng tôi cùng lên tầng trên để nhìn xem kỹ sư Pan-tư-xka lắp đặt pin vào như thế nào. Vài giây sau, cảnh phòng dưới đã hiện ra trên màn ảnh. Đúng ra, là chỉ có hai phần ba phòng được thu vào tầm quan sát của ca-mê-ra, và kỹ sư phái một cộng tác viên xuống phòng dưới để chỉnh lại ống kính.

Tôi đặt mi-crô bé xíu vào tai. Từng tiếng sột soạt nhỏ từ phòng 216 đều nghe rõ, thậm chí cả tiếng vặn đinh ốc, tiếng sột soạt khi chạm vào màn che cửa. Cuốc đứng ở giữa cửa với hai nhân viên của chúng tôi, và khi chúng tôi hỏi, có phải thiết bị này hoạt động như thế không thì anh ta gật đầu. Mọi thứ được tính toán rất kỹ lưỡng. Nắp va-li con che ánh sáng đèn và cửa sổ, đáy của va-li chìm trong bóng tối. Và trên màn ảnh hiện lên rất rõ những gì xảy ra bên dưới.

Ở lối treo áo bên ngoài bỗng có tiếng động. Tôi bỏ mi-crô khỏi tai. Cửa mở, trên ngưỡng cửa xuất hiện một người lạ. Ông ta chạc năm mươi tuổi, bộ tóc bạc dày, che cả vầng trán hẹp, đôi mắt thau lướt nhanh nhìn từ người này sang người khác. Cái nhìn của ông ta dừng lại trên chiếc va-li nhỏ và chiếc mi-cro nhỏ xíu mà tôi vừa kịp tháo ra.

- Xin lỗi, pardon<sup>[3]</sup>. Hình như đây là một sự nhầm lẫn - Ông ta nói bằng tiếng Pháp với một giọng hơi lơ lớ.

- Ông cần gì? - Tôi hỏi ông ta sau khi bước lên một bước. Sê-đi-vư đứng sau ông ta, nhún vai tỏ ý khó hiểu.

- Xin lỗi, thưa các ngài. Tôi có thể được biết là các ngài đang làm chuyện gì trong phòng tôi như vậy không?

- Đây đâu phải là phòng ông, ông nhầm rồi. - Tôi nói.

Đôi mắt đen lấp lánh của ông ta như mỉm cười. Ông đưa bàn tay phải lên và xoay xoay trong ngón tay chiếc chìa khóa có đeo biển số kim loại. Rồi, y như một diễn viên xiếc, ông ta tung nó lên, tay trái bắt lấy nó mắt vẫn không cần nhìn, và chìa ngay ra cho tôi.

Trong không khí hoàn toàn toàn im lặng, tôi và thiếu tá nhìn nhau, và tôi còn kịp liếc nhìn Cuốc cũng đang đứng lẫn giữa các nhân viên của chúng tôi trong góc đằng kia, và trong giây phút ấy cũng đang nhìn tôi. Tôi quay người về phía người lạ và trả lại chìa khóa cho ông ta. Trên tấm thẻ kim loại dính vào chìa, có khắc con số 416.

Ông ta tỏ vẻ hết hoảng, nhìn khắp phòng một lần nữa và mỉm cười:

- Đầu óc tôi để đâu không biết, hỏng quá! Pardon, pardon. Xin các ngài bỏ quá cho! Tôi tên là Vít-ke, người Pháp, một manage<sup>[4]</sup>. Tôi đi khắp thế giới để tìm ra những tiệc mục ly kỳ nhất về cho gánh xiếc “Bác-num”. Tôi đi tìm những người dạy thú, người nhào lộn, diễn viên hề... Đây, tôi gửi các ngài tấm danh thiếp của tôi.

- Thưa ông Vít-ke, xin lỗi ông, lúc này chúng tôi đang...

- Ấy chết, tôi phải xin lỗi các ngài mới đúng chứ. Tôi nhầm tầng, dù rằng tôi đã chắc chắn rằng trong thang máy mình bấm đúng nút lên tầng bốn...

Sê-đi-vư nhường đường cho ông ta, và ông Vít-ke ra tới cửa, một lần nữa quay người lại, cúi chào cung kính rồi biến ra hành lang.



- Đồng chí Sê-đi-vư, tại sao lại cho ông ta và được tới đây?... - Tôi hỏi.

Sê-đi-vư cúi đầu xuống:

- Tôi đang mãi chú ý xem bộ máy vừa lắp kia hoạt động ra sao, nên hơi mất cảnh giác, không nghe thấy ông ta mở cửa và bước vào phòng...

- Để khi nào xong việc chúng ta sẽ kiểm điểm vụ này. Còn bây giờ, đồng chí ra hành lang và đảm bảo cho không còn ai vào đây được nữa.

Thiếu tá áp mi-crô vào tai và bắt đầu nhìn vào chiếc va-li con. Nhưng tôi đã không còn hứng thú xem “ti vi” nữa.

- Trung úy, - tôi nói với kỹ sư phụ trách nhóm công tác đặc biệt - đồng chí đã soát xét kỹ căn phòng này rồi chứ? Tôi biết là đồng chí đã phát hiện ra lỗ thủng trên sàn, nhưng còn có thể có ai khác lại theo dõi hành động của Vi-ne và Cuốc không? Chẳng hạn, từ tầng trên nữa? Tôi yêu cầu đồng chí một lần nữa xem kỹ lại tường và trần. Có thể còn có một kẻ nào đó trong khách sạn đi dòm trộm những kẻ cũng dòm trộm này chẳng. - Tôi hất đầu về phía Cuốc.

Các cầu thủ đang ăn chiều khi tôi đến gần bàn ăn, trên khuôn mặt họ lộ vẻ lo lắng. Tôi hiểu rằng toàn đội đang muốn hỏi tin tức. Ai là người sốt ruột nhất? Đó là huấn luyện viên Hô-li-de:

- Người ta bảo, trong khách sạn lại vừa xảy ra chuyện gì nữa. Các nhà báo nói với chúng tôi như vậy. Chuyện này nó liên quan gì tới cái chết của Pích-le không?

Các nhà báo đã kịp gặp kiểm sát viên và cán bộ có trách nhiệm của Bộ Ngoại giao.

- Cuộc điều tra đang tiến hành và rất tiếc là tôi không thể trả lời câu hỏi của ông lúc này được. Pích-le không tự tử, chuyện đó đã rõ cả. Có điều, tôi cần yêu cầu các ông giúp sức. Sau năm phút nữa sẽ có ba người được đưa tới đây. Các ông hãy cố nhớ xem có gặp ai trong số họ trên hành lang tầng các ông ở không? Có ai đã từng nói chuyện với Pích-le không?

Tôi quay lại với Cuốc và hai nhân viên an ninh chưa từng đến khách sạn này bao giờ để không ai có thể “phát hiện” ra. Chúng tôi cùng xuống phòng ăn và ba người lặng lẽ đi dọc cạnh bàn.

Cuốc thử không đem lại kết quả. Không một cầu thủ nào quen mặt Cuốc, chỉ có Lan-ghe nói rằng anh chàng tóc sáng ấy có vẻ quen quen. Hình như anh ta đã gặp ở đâu. Có thể là ở khách sạn, còn anh chàng kia có nói chuyện với Pích-le hay không, thì không biết.

Và tôi lại nảy ra một ý mới. Tôi đề nghị một trong các cầu thủ cho tôi mượn một đôi giày đá bóng và hứa là chiều nay hoặc sáng mai thôi, là sẽ trả lại.

- Ông cứ lấy đi, tôi không cần giày lúc này đâu. Buổi sáng mai tôi sẽ tập bằng giày bát-kết. Và nếu cần để tìm ra thủ phạm giết Pích-le, thì tôi sẵn sàng hy sinh đôi giày này.

Ca-bi-sếch mời bà trực tầng và hai bà quét dọn đến phòng 201. Họ được nhận diện ba người kia với câu hỏi: họ có nhìn thấy ai trong số mấy

người ấy trên tầng, vào Thứ Ba hay Thứ tư không. Một bà quét dọn phía hành lang các cầu thủ đang ở, nói rằng thấy có một người hơi quen mặt. tiếc rằng lại không phải là Cuốc, mà bà chỉ vào một nhân viên của chúng tôi.

Tôi đưa Ca-bi-sếch đôi giày, nhưng không để Cuốc nhìn thấy. Sau đó chúng tôi ra khỏi khách sạn bằng cửa sau, lên xe và về cục. Sê-đi-vu ở lại phòng 201 làm người liên lạc. Các kỹ thuật viên lại tiếp tục xem xét một lần nữa phòng 316, lần này kỹ hơn.

- Chúng tôi đem so sánh các lời khai của Cuốc một lần nữa, và trong khi anh ta ngồi đợi ở một phòng khác, chúng tôi chuẩn bị kế hoạch một cú tấn công quyết liệt. Ca-bi-sếch đặt đôi giày lau nhẵn bóng trên bàn, cạnh chiếc va-li con. Tôi lấy tờ báo phủ lên trên.

Sau đó, tôi đề nghị mang cà phê đến.

- Các anh dẫn Cuốc vào đây!

Khi bước vào, nét mặt anh ta tỏ ra dửng dưng.

- Tôi mệt lắm rồi. Các ông hãy để tôi yên!

- Ông cũng sắp được nghỉ ngơi, tuy nhiên, chúng tôi cần xác định thêm vài chi tiết thôi. Trước tiên, Vi-ne đưa cho ông vé xem đá bóng vào lúc nào, và ông đi ra sân vận động vào lúc nào?

Anh ta nghĩ ngơi một lát, sau đó ngừng đầu lên:

- Vé thì đưa cho tôi khoảng một giờ trưa. Tôi cũng không biết là ông ta có vé. Sau bữa ăn trưa, tôi đến sân Xơ-ra-hốp, khoảng hai giờ, suýt nữa thì muộn. Bên cạnh, tôi thấy có mấy thương gia buôn mạt nha người Hà lan, các ông có thể hỏi họ làm minh chứng. Chính là họ đưa vé cho Vi-ne, nhưng ông ta cảm thấy không được khỏe, nên mới cho tôi vé đi xem.

Ca-bi-sếch gọi điện cho Sê-đi-vu, nhờ kiểm tra lại các chi tiết về vé đá bóng, và có đích thực là Cuốc ngồi trên sân vận động cạnh hai người Hà lan kia không. Ngoài ra, cũng cần phải lưu ý tới mấy thương gia đi buôn

mạch nha này. Hai ngài Van Tôn-béc-ghen và Can-ken-kai cũng dính líu tới Vi-ne khá nhiều chuyện lôi thôi rồi đấy!

Tôi đề nghị Cuộc lại gần chiếc bàn. Rồi lật ngay tờ báo lên và cầm lên tay chiếc giày bên phải.

- Ông kiểm tra xem, trong này có gì không? - Tôi nói nhanh. Anh ta cầm chiếc giày lên rất cẩn thận, cầm vào dây giày, hé mắt nhìn vào trong và nhìn tôi vẻ ngờ vực.

- Ông hay nhìn sâu vào trong phía mũi giày, đấy, thấy gì không? Nếu không, ông cho tay vào sờ thử xem.

Tôi hiểu rằng những thí nghiệm kiểu này không phù hợp với các nguyên tắc tiến hành điều tra của chúng tôi, nhưng chúng tôi không còn cách nào khác. Cuối cùng, đành buộc phải dùng lối cưỡng chế này.

Anh ta đứng yên vài giây không động đậy, sau đó cầm chiếc giày bằng tay trái, còn tay phải hết sức thận trọng sờ sờ khe khẽ vào bên trong giày.

- Can đảm lên, chúng tôi có thuốc giải độc mà! Những lời của tôi có tác động giống như một tiếng sét. Anh ta vứt bịch chiếc giày xuống sàn và đứng trân trân trước mặt tôi, mắt mở trừng trừng. Mặt anh ta tái nhợt.

Tôi nhặt chiếc giày lên.

- Thế là đủ. Bây giờ, sau trò đùa dai này, ông phải thay đổi lại mọi lời khai. Đừng vỡ vĩnh nữa.

Cuốc cúi đầu rũ xuống. Nhưng chưa chịu đầu hàng

- Tôi không biết gì cả!

- Nhưng Pích-le đã bị giết như thế nào thì rõ ràng là ông biết! Ông hãy nói rõ sự thật và chúng tôi sẽ để ông yên.

- Không phải tôi, mà là Vi-ne!

Anh ta bắt đầu gào lên, nhảy lên vật vã. Và Ca-bi-sếch cùng hai người giúp sức phải vất vả mới giữ nổi anh ta. Kiệt sức, anh ta nặng nề gieo phịch người xuống ghế tựa.

- Ông ta là kẻ sát nhân, còn tôi, tôi không biết gì cả, không phải tôi, mà là ông ta...

Cuốc lặp đi lặp lại mãi một câu ấy, cho đến lúc giọng khàn hẳn. Những lời cuối cùng, anh ta lầm bầm đến nỗi không thể hiểu được rồi im lặng.

- Ông có hút thuốc không?

Anh ta khuyu xuống sàn. Không ai phá vỡ sự yên tĩnh này cả. Cuối cùng anh ta thều thào:

- Vâng cho tôi cà phê và thuốc lá, rồi để tôi ngủ. Xin các ông hãy buông tha tôi ra.

Cũng có thể là anh ta thực sự quá mệt mỏi rồi, hoặc cũng có thể là anh ta tìm cách phá ngang.

- Xin mời ông, thuốc lá đây. Còn cà phê sẽ được mang đến ngay giờ. - Tôi đưa vào tay anh ta điếu thuốc và bật lửa.

- Ông sẵn sàng thay đổi lời khai trước chứ?

- Tôi chẳng sẵn sàng gì cả, tôi cũng không làm gì cả! Tôi thừa nhận rằng, tôi có biết chuyện Vi-ne đã làm cách nào để trừ khử Pích-le, ngoài ra, tôi không biết gì hơn nữa, đó là sự thật!

Điếu thuốc rơi xuống sàn nhà và Ca-bi-sếch tắt nó đi.

Cuốc run rẩy, đầu gục xuống ngực, hai tay bỏ thõng mềm oặt, bọt mép sùi ra.

- Đưa anh ta đến trạm y tế, gọi bác sĩ. - Tôi ra lệnh - Khi nào anh ta có thể nói được hãy báo cho tôi ngay.

- Thế nào rồi? - Thiếu tá hỏi khi tôi vừa hé mở cửa phòng làm việc của ông.

- Chưa có gì nhiều lắm. Cuộc hầu như làm nhảm, không làm chủ được mình, hiện đang ở trạm y tế. Tôi hy vọng các bác sĩ sẽ đưa anh ta mau chóng trở lại trạng thái bình thường và có thể tiếp tục hỏi cung được. Bây giờ anh ta không thể nói dối nổi nữa: chiếc giày đã làm anh ta lộ mặt. Anh ta đã thú nhận rằng có biết Vi-ne giết Pích-le. Vậy là, ít ra anh ta cũng là tông phạm. Nhưng tôi chưa biết làm gì tiếp. Đồng chí có nghĩ rằng Cuộc có liên hệ với những kẻ đã hành động chống lại Vi-ne không? Hay là có một kẻ khác nữa tham dự vào nhằm theo đuổi những mục đích riêng? Điểm thứ hai: có thể giả định rằng Vi-ne và kẻ giết ông ta đều chỉ nhằm mục đích là giành lấy phát minh kia không?

Thiếu tá ngồi sau chiếc bàn, lim dim mắt như ngủ. Bất thành linh, ông đứng dậy:

- Chúng ta không còn cơ sở nào để giải thích những lời cuối cùng của Pích-le nếu không gắn nó với phát minh ở Viện nghiên cứu về ô-tô. Hầu như có thể chắc chắn rằng lý do việc giết người là nhằm tước đoạt một cuốn mi-crô phim, chụp bản vẽ phát minh đó. Phải tìm ra cái khay áo...- Ông đi đi lại lại trong phòng làm việc. Sau đó dừng lại và nhìn vào tôi.

- Cậu cần phải nhớ Pin-kéc-tơn là ai! Con người ấy đã một thời làm chủ một phòng điều tra tư nhân nổi tiếng bậc nhất ở Mỹ. Ngày nay, đó là tên gọi hãng thám tử tư nhân lớn nhất thế giới, chuyên làm gián điệp kinh tế. Gần tám mươi phần trăm các vụ đánh cắp có liên quan tới các phát minh lớn nhất ở các nước Tây Âu là có bàn tay các điệp viên của hãng Pin-kéc-tơn. Các cơ quan cảnh sát và gián điệp đều phải lưu ý đến các vụ áp-phe có trong lĩnh vực công nghiệp. Tôi nghĩ rằng, bọn Mỹ cũng không phải không có ý định chiếm đoạt loại ắc quy mới của chúng ta. Vậy là không loại trừ khả năng ở Pra-ha đang có hai nhóm điệp viên hoạt động không liên quan gì đến nhau và còn chống lại nhau.

Thiếu tá mở hé cửa sổ và lại ngồi xuống bàn.

- Đừng hy vọng, Cuộc sẽ không nói gì đâu. Hắn ta sẽ chối tất cả...

Gô-mô-la nhìn đồng hồ:

- Tôi phải đi tới sứ quán Cộng hòa Liên bang Đức. Nhưng tôi cũng e rằng ở đó không biết được gì nhiều đâu. Nếu người ta phái Vi-ne và Cuộc sang ăn cắp bằng phát minh của chúng ta thì ảnh của hai vị đó không thể có trong hồ sơ cảnh sát được. Nhưng thôi, cứ đi rồi khắc biết. Cầu cho mọi chuyện sẽ may mắn!

Tôi trở về phòng làm việc của mình. Trên bàn đặt một đống biên bản và các thông báo khác nhau. Tôi lại phải nghiền ngẫm lại mọi thứ, đọc bản liệt kê các đồ vật của Cuộc và của văn phòng khách sạn bị lục soát tan hoang kia. Tất cả các đồ vật này sẽ được xem xét cẩn thận cả rồi.

Nhưng tôi vẫn có một cảm giác canh cánh, rằng hình như mình có quên một cái gì? Nhưng quên gì? Tôi đọc lại bản liệt kê lần nữa. Ca-bi-sếch bước vào mang một tách cà phê cho tôi.

Tôi chẳng buồn nói gì, chỉ đẩy chõng biên bản lại chỗ anh, để anh cùng đọc lại.

Và bỗng nhiên tôi sực nhớ ra: chiếc xe “Méc-xê-đét”. Tôi lập tức gọi điện cho Sê-đi-vư ở khách sạn, hỏi xem anh em đã xử lý chiếc xe ra sao rồi. Anh trả lời là đã cắt cử hai người không lúc nào rời mắt khỏi chiếc xe. Cho tới giờ, chưa thấy ai lại gần chiếc xe cả.

Tôi nghĩ, phải đưa chiếc xe đến phòng xét nghiệm. Rồi tôi đứng vài giây, tay cầm chùm chìa khóa, đầu óc thì cân nhắc không biết mình làm thế có phạm sai lầm không? Hoàn toàn có thể có một người nào đó, chờ đêm tối sẽ ra mở cửa xe và tìm ở đó vật gì mà hắn không tìm được ở phòng 216. Có thể có chuyện ấy xảy ra, nhưng không chắc lắm. Xe đóng khóa và nếu tìm cách mở ngay ở chỗ đỗ cạnh khách sạn quốc tế, nơi không lúc nào vắng người, thì sẽ gây nghi ngờ ngay. Và lại, nếu có “cái gì đó” ở trong ô tô thì tốt hơn cả là để chúng tôi tìm được!

- Đây là chìa khóa xe, anh đến ngay khách sạn và đưa xe của Vi-ne đến phòng xét nghiệm. Sẽ có người đến đón anh ở đây. Nếu trong xe phát hiện được gì lạ, lập tức gọi điện cho tôi. Cái khay áo chết tiệt ấy, nó cũng phải nằm ở một nơi nào đó chứ!

Ca-bi-sếch nhăm nháp cà phê một cách bình thản, xem qua đồng biên bản.

- Cuộc ra sao rồi?

- Tình hình rất xấu. Phải ba người giữ chặt anh ta để bác sĩ khám. Thiếu chút nữa thì anh ta chửi bới cả trạm y tế. Nhưng anh ta có vẻ khỏe mạnh bình thường, không phát hiện thấy bất cứ sự rối loạn nào. Bác sĩ muốn tiêm một mũi an thần, nhưng cậu không thể tưởng tượng được là anh ta làm rùm beng lên đến thế nào! Anh ta kêu gào là chúng tôi muốn giết anh ta, chửi bới rất man rợ và còn muốn đánh nhau nữa, đến nỗi chúng tôi buộc phải còng tay anh ta lại. Bác sĩ gọi một chuyên gia tâm thần đến, cả hai người này ra sức thuyết phục anh ta để anh ta đừng giở những trò ngu xuẩn. Mang cà phê đến, anh ta hất xuống gầm bàn. Khi nào Cuộc bình tĩnh lại, họ sẽ thông báo.

Thật vừa khớp, đúng lúc ấy nghe chuông điện thoại reo: bác sĩ nói rằng, sau khi cho người bị giữ dùng thuốc a-ta-rắc-ti-cum, anh ta đã dịu lại. Họ đã cởi còng tay, và mang nước đến cho anh ta, nhưng hình như anh ta cho hai ngón tay vào mồm họng - bác sĩ không xác định được thật rõ, vì anh ta quay ngoắt lưng lại - và nôn thốc tháo. Anh ta lại gào thét. Người ta phải nhốt anh ta vào một phòng bệnh riêng. Sự yên tĩnh và êm ả là phương thuốc tốt nhất. Chẩn đoán: bị choáng thần kinh, quá hoảng sợ, và một phần nào nữa làm trò vờ vĩnh. Một anh chàng khỏe như vôn, tim lại không có vấn đề gì - vậy đây chỉ có thể là trò làm bộ làm tịch.

Cần để anh ta yên tĩnh độ hai tiếng đồng hồ, sẽ ổn cả. Sau đó có thể nói chuyện với anh ta bình thường.

Bây giờ là hơn tám giờ, vào khoảng hơn mười giờ họ sẽ gọi điện lại cho chúng tôi. Tôi và Ca-bi-sếch vùi đầu vào đồng tư liệu, sau khi đã báo



trước cho Sê-đi-vư để nhóm anh ta luôn cảnh giới. Khi nào các kỹ thuật viên đang xem xét ở hai phòng 216 và 316 về, Sê-đi-vư sẽ có trách nhiệm canh gác tiếp cả hai phòng đó nữa...

- Họ làm xong rồi đấy. Vẫn không tìm được gì cả...

- Đáng tiếc. Có thể đêm nay chúng mình sẽ tới khách sạn. Mình phải trả đôi giày cầu thủ. Thế đội bóng hiện giờ đang làm gì? Và còn các nhà báo?

Sê-đi-vư trả lời ngắn gọn rằng ở khách sạn vẫn yên tĩnh. Tôi và Ca-bi-sếch đã làm việc hai tiếng đồng hồ như vậy trong im lặng. Ca-bi-sếch thậm chí có một lúc còn ngáy khê. Nhưng rồi...

Vào mười giờ rưỡi, chúng tôi định nói chuyện với Cuộc, thì bác sĩ bảo không thể được! Tôi hỏi tại sao.

- Người bị giữ nằm trong phòng khóa kín. Chúng tôi tưởng anh ta ngủ. Nhưng khi chúng tôi vào phòng, anh ta đột nhiên chồm dậy khỏi giường và đập đầu vào tường. Mặt mày bị đập xây xát, tường dính máu y như ở lò sát sinh! Chúng tôi phải trói anh ta vào giường, băng đầu, mặt lại và cho thuốc an thần. Đồng chí thượng úy ạ, có lẽ các đồng chí không nên ép anh ta dữ quá. Anh ta quá hoảng hốt. Và hình như còn nhằm kéo dài thời gian, tránh gặp các đồng chí. Tôi không thể để các đồng chí vào với anh ta trước mười hai giờ đêm.

- Giải anh ta đi... Các đồng chí thử cho biết một người bình thường có đập đầu vào tường thế không?

- Tất nhiên, đó là một hành động không hoàn toàn bình thường. Trong số hàng ngàn người khỏe mạnh có lẽ chỉ có một người có ý định đập vỡ mặt mũi mình. Nhưng Cuộc đúng là ở số một trên một ngàn ấy. Tôi chỉ không rõ các đồng chí nghĩ sao, chứ tôi cho rằng đây là mẫu người có không ít những hành động đen tối vẫn đục lương tâm rồi. Anh ta được tập luyện quản kỹ và biết xoay xử nhiều cách. Lúc này anh ta còn đang nằm yên tĩnh, nhưng chúng tôi luôn luôn phải quan sát. Tôi hy vọng sẽ có thể sớm cho các đồng chí vào gặp được.

“Quý quái thật, hẳn y như một quả óc chó có vỏ cứng. - Tôi nghĩ - Mình thì không thể có khả năng làm thế. Ngay cả khi bị dồn đến chân tường ...”

Tôi trao đổi với Ca-bi-sếch, nhưng anh không thấy có gì đặc biệt trong hành động của Cuốc. Còn thiếu tá thì chỉ lắc đầu:

- Một hành động hiểm thấy đấy. Tôi chỉ mới gặp những trường hợp người ta tự bắn vào tay mình để cố chứng minh rằng họ làm chết người chỉ vì cần tự vệ. Còn, nếu các bác sĩ đã cho rằng Cuốc giả vờ. thì chúng ta phải rút ra kết luận! Như vậy là Cuốc có khả năng làm mọi chuyện! Và nếu anh ta được phái đến đây với nhiệm vụ đặc biệt, thì đó là một điệp viên có kinh nghiệm, được chuẩn bị hẳn hoi cho vụ này. Nhưng thôi, hãy vào việc đã. Như tôi đã nói, ở sứ quán không hi vọng gì và cũng không làm sáng tỏ thêm được gì. Ở Vi-xba-đen không trả lời, Vi-ne và Cuốc có thể đến đây dưới những cái tên giả. Cả hai tấm hộ chiếu đã được xem xét trong phòng thí nghiệm, nhưng có lẽ, theo anh em thông báo, thì đó là hộ chiếu thật.

- Ở-bla-sếch sắp tới đây bây giờ. - Ca-bi-sếch nói, đặt máy xuống. - Để hỏi ý kiến xem nên làm gì tiếp. Anh ta nói rằng anh đã bị rơi vào một vòng tròn bí hiểm, không có lối ra.

- Không được, đây là một cơn ác mộng. Hai vụ giết người, mà chúng ta thì không nhúc nhích nổi lấy một bước... - Tôi cảm thấy nóng máu.

- Tại sao lại là ác mộng? - Thiếu tá đập vào vai tôi - Chúng ta hãy nghe xem Ở-bla-sếch nói gì và đối chiếu các số liệu. Và sau đó cậu phải ngủ đi một vài tiếng. Cứ thế này thì sau đêm mất ngủ thứ hai là các cậu gục và phải đi bệnh viện thôi!

Ở-bla-sếch đến khoảng hai mươi phút thì lại phải quay trở về Viện nghiên cứu. Anh ta đi rồi và anh em lại mang đến cho tôi biên bản tổng kết cuộc khám nghiệm các phòng khách sạn. Đến mười một giờ thì Buốc-đa tới, cũng mang theo kết quả khám nghiệm, nhưng lần này là về chiếc xe “Méc-xê-đét” đen. Không thấy gì, trừ một số tấm ảnh chụp được rửa từ cuộn phim lắp trong chiếc máy ảnh để trong xe. Trên đó có hình nhóm cán

bộ nhà máy Bia đứng cùng Vi-ne, một số cảnh Pra-ha nhìn từ sân thượng khách sạn Bruych-xen. Buốc-đa giải thích dài dòng rằng các nhân viên phòng xét nghiệm lưu ý hơn cả là cuốn phim. Họ đã thử nó bằng nhiều phương pháp, nhưng cũng không đem lại kết quả gì. Không có gì để nhận định thêm cả.

Trong lúc anh đang kể là anh đã đưa xe về khách sạn và giao chìa khóa cho Sê-đi-vư, tôi cảm thấy như mình đang bị trôi tuột đi đâu. Đầu tôi gục xuống bàn. Tôi chỉ còn kịp nghĩ, là phải gọi điện về nhà, hoặc tốt hơn là ghé đến Ma-ri-a một chút. Tôi liền nhắc máy nói lên và quay sáu số - chín, bốn, bảy, ba...

Ban nhạc chơi không ngừng. Ma-ri-a cười và không chịu đi tới chỗ quầy bán vé rượu. Tôi phải phục tùng, và thế là hai chúng tôi cứ nhảy sông hoai. Mà cô nhảy mới thật duyên dáng chứ! Cứ nhẹ như bấc ấy...

Khi tiếng chuông điện thoại réo vào tai liên hồi, cảm giác thật là khó chịu. Tôi nặng nhọc cất đầu lên khỏi bàn, không mở mắt, cứ sờ tìm cho thấy ống nghe. Trên bàn có một tài liệu gì đó rơi xuống đất. Ai gọi nhỉ? Và tôi đang ở đâu?

- Sê-đi-vư gọi đây. Có phải thượng úy đấy không?

- Phải. Có chuyện gì vậy?

Sau cùng tôi hiểu ra là mình đang ngủ gục trên bàn. Trên cánh cửa có mắc chiếc loa truyền thanh thành phố. Một giọng phụ nữ chúc ngủ ngon, buổi phát thanh đã kết thúc, tôi bật chiếc đèn bàn. Đúng hai giờ sáng. Những tiết tấu âm nhạc cuối cùng trong loa còn vang lên. Tôi đã nhảy với Ma-ri-a trong mơ!

- Tôi đang gọi từ khách sạn đây. Không có chuyện gì đặc biệt. Chỉ có hai cầu thủ bỏ phòng lên quầy rượu, đó là thủ môn E-véc và một anh chàng Bruyn-nơ-phen nào đó. Chúng tôi vừa phải dẫn họ lên phòng. Cả hai đã uống nhiều. Bruyn-nơ-phen còn ngã lăn ra ngay cạnh chỗ trả tiền. Họ tiêu tiền như nước. E-véc còn tỉnh hơn, thì đếm nhầm tiền mác để trả - bản thanh toán là hơn 200. E-véc còn đưa cho người phụ trách quầy rượu ba

mười mác nữa để mua nước chè. Chúng tôi tịch thu tờ giấy thanh toán trên đó ghi 243 cua-ron và 20 xu. Làm sao bây giờ?

Chẳng sao cả. Quầy rượu không được phép giữ đồng mác, trong khách sạn sẽ có chỗ đổi ngoại tệ. Nhưng điều đó không dính gì đến việc của chúng ta. Tôi cần biết hơn đến việc hai anh chàng lêu lổng kia bây giờ đang làm gì?

- Họ đã về phòng, có lẽ bây giờ đang ngủ giấc thứ ba rồi.

- Và chỉ có thế mà anh gọi tôi à? Tôi đang cảm thấy đau như, y như người vừa mới ra khỏi năm hiệp đấu quyền Anh liền ấy.

- Xin lỗi đồng chí thượng úy - Sê-đi-vư cảm thấy không tự tin lắm sau những lời tỏ vẻ tức bực của tôi, và do đó, chuyển sang cách xưng hô chính thức - Họ rời phòng sau 11 giờ đêm, dầu rằng điều đó là không được phép. Tôi chỉ vừa mới biết tin là đã cử ngay Các-lích đến quầy rượu. Anh ta ngồi ngay cạnh, để nghe xem họ nói chuyện gì với các nhà báo Tây Đức, những người này cũng xuống quầy rượu ngay sau E-véc và người bạn của anh ta.

- Nếu thế thì lại là chuyện khác. Và họ đã nói gì vậy?

- Về Pích-le và về chuyện chúng ta đã làm khổ họ ở đây giống như thế chúng ta muốn đổ tiết mọi chuyện lên đầu người Đức, thành “chuyện nội bộ giữa người Đức” - Bruyn-nơ-phen đã bảo thế. Họ tỏ ra rất sung sướng vì Thứ Bảy này là đã được biến khỏi đây! Và sẽ không ai còn lôi họ tới đây được nữa, dù có mời họ đến để trả tới mười ngàn đô la cho mỗi người đi nữa! Họ nói rằng trong khách sạn, còn một người Đức nữa bị giết và chúng ta cố tình liên kết hai cái chết ấy vào một chuyện. Tôi cho rằng, trong câu chuyện này có gì đó khó hiểu đấy! Nếu họ đã được lệnh không rời phòng sau 10 giờ, thì họ còn đi uống rượu bí tỉ ở quầy rượu và đi nói bậy bạ làm gì? Có cần phải để mắt tới họ kỹ hơn nữa không?

- Cậu hãy tạm để cho họ yên đã. Biết làm sao được, khi họ đang ở trong tâm trạng ấy? Hãy chờ trời sáng. Và lại, nếu ngay cả cậu đi nữa, nếu bị giam trong khách sạn hai ngày liền, chỉ cho phép mỗi ngày hai giờ tập luyện và một giờ đi dạo, cậu cũng sẽ cảm thấy khó chịu. Lại còn cảm giác

hình như lúc nào cũng bị theo dõi nữa. Và ở một thành phố lạ, ở một đất nước lạ.

- Xin lỗi, nhưng tôi nghĩ, ngộ nhỡ về sau tôi sẽ bị khiển trách vì đã không báo cáo về một sự việc quan trọng thì sao? Tất nhiên bây giờ thì tôi hiểu, là có thể chờ đến sáng hãy gọi cũng được. Vì tất cả các chuyện ấy cũng không thật là nghiêm trọng gì...

Tôi ngắt lời, và nhắc anh rằng đến sáng mai sẽ có một toán khách đông rời khách sạn. Một số nhà báo chuẩn bị về, còn nhóm du lịch Mỹ thì đi Ta-tơ-ra. Nói chung, sẽ có độ ba mươi người rời khỏi “Các-lơ-tôn”. Một sự kiện đáng ngại đấy! Biết đâu trong số đó có người rất biết Cuốc.

Tôi đặt ống nghe xuống, rời khỏi bàn và làm vài động tác thể dục. Chưa thể bảo rằng đã ngủ ngon, nhưng dù sao, đầu cũng không còn đau nữa.

Gặp Ca-bi-sếch ư? Thôi hãy để cho anh ấy ngủ chút nữa, mỗi phút đều quý giá! Xung quanh đang yên tĩnh, không có một sự cố nào xảy ra. Có thể, một lần nữa cần suy nghĩ lại mọi tình huống trong cảnh tĩnh mịch và yên ắng này chẳng? Sau đó thì đến Cuốc. Hoặc, tốt hơn là đi ngay bây giờ.

Tôi chạy xuống cầu thang.

Đầu anh chàng bị giữ này bị quấn băng kín mít đến nỗi trông Cuốc như ông vua Ấn Độ. Khi tôi vào phòng, người trực nhật báo cáo nhỏ rằng người bị giữ này không ngủ, nhưng từ mười một giờ đêm thì nằm bất động.

Tôi đã sợ, nghĩ có thể có chuyện gì xảy ra chẳng, nên đã gọi bác sĩ. Bác sĩ bảo là anh ta còn chưa thật hoàn hồn.

Tôi hỏi là khi nào có thể nói chuyện với Cuốc được, bác sĩ trả lời là ông sẽ tiêm cho anh ta, và sau mười lăm phút nữa tôi hãy đến.

- Nói chuyện thì có ảnh hưởng gì đến anh ta không?

- Không. Máy điện tâm ký và các thiết bị khác chứng minh rằng anh ta không ngủ. Trên thực tế, anh ta khỏe mạnh. Có lẽ, đang nghĩ xem nên trả lời đồng chí ra sao... Anh ta đã làm sứt sạt cả trán mình.

Tôi bước lên thang máy về phòng mình. Trục nhật báo rằng không có ai gọi điện, nhưng tôi có khách đến. Từ trong phòng tôi có mùi thơm cà phê. Khi tôi bước vào, thiếu tá rót ra chén một ít nước sôi.

- Nước vừa sôi đấy, tôi biết là cậu thế nào cũng về bây giờ mà. Cà phê là thứ cậu đang cần đây.

- Xin cảm ơn. Tôi ở dưới nhà. Họ sắp tiêm cho Cuốc, và anh ta có thể nói chuyện được. Anh sẽ đi cùng tôi xuống đó chứ?

- Hai nhé!

- Cái gì hai ạ?

- Hai miếng đường, hoặc là anh không muốn uống ngọt?

Tôi chưa kịp nói là chỉ còn một miếng, thì Ca-bi-sếch đã xuất hiện ở cửa. Anh ta ngáp đến sái quai hàm, nhưng ngửi thấy mùi cà-phê, anh ta tươi tỉnh hẳn lên.

- Cậu cũng thích uống chứ?

- Nếu như các anh bắt uống!...

- Bắt uống! Ca-bi-sếch này, nếu như thủ trưởng lại phải tự tay pha cà-phê cho anh vào hai giờ rưỡi đêm thì đó là một việc vĩ đại đấy. Cà-phê kiểu Gô-mô-la mà lại! Và không nên kể với ai chuyện ấy, nếu không mọi người lại tưởng tôi quá nuông chiều anh.

Trục nhật lại mang biên bản đến - từ phòng phân tích quang phổ. Chúng tôi đưa quần áo của Vi-ne và Cuốc tới đó. Phương pháp so sánh cho thấy rằng Cuốc biết rất rõ về thiết bị nghe trộm và ca-mê-ra thu hình. Trên quần của Vi-ne và Cuốc phát hiện ra được thứ bụi đồng nhất với bụi mà các kỹ thuật viên của chúng tôi thu được trên gác cao giáp trần phòng 216. Dựa trên mọi chứng cứ, cả hai người đã cùng gắn các ca-mê-ra vào gờ tường. Cuốc không những biết tất cả mà hẳn là chính anh ta đục thủng trần nữa. Bụi trên quần anh ta bám nhiều hơn so với quần Vi-ne.

Tôi uống một cốc cà-phê và nhắc người trực luôn luôn ngồi bên điện thoại. Nhưng thiếu tá đề nghị hãy ở lại chờ một chút nữa. Ông có một tin mới cho chúng tôi.

- Có tê-lếch đánh từ Cộng hòa Liên bang Đức sang sau mười hai giờ đêm qua, do Cục trưởng cảnh sát, tiến sĩ Véc-na ký. Họ đã tiến hành điều tra và mời vợ Pích-le đến hỏi cung. Khi nào họ biết gì thêm về Vi-ne và Cuốc, họ sẽ báo ngay cho chúng ta. Véc-na nhấn mạnh rằng, cảnh sát Cộng hòa Liên bang Đứơ hết sức quan tâm đến việc điều tra cả hai trường hợp chết này. Họ đòi phải trừng phạt nặng những kẻ phạm tội.

Thiếu tá đặt bức điện tê-lếch lên bàn và châm thuốc lá.

- Xét theo nội dung bức điện, ở đây không phải tình báo Tây Đức dính vào, mà có lẽ là kẻ cạnh tranh với họ - bọn Mỹ.

- Vậy là, Cuốc chỉ muốn thoát lấy thân mình, và do anh ta chưa biết được rằng, chúng ta đã nắm được những gì nên chọn cách im lặng để cố tranh thủ thời gian. Từ đó mà xảy ra tấn bi hài kịch “đập đầu vào tường”.

- Có thể lắm. - Ca-bi-sếch nói - Khi đứng ở ngoài cửa trạm y tế, anh ta cũng hãy còn hy vọng là các cơ quan của Cộng hòa Liên bang Đức sẽ đòi phải trao trả anh ta...

Khi chúng tôi bước vào, Cuốc nhìn chúng tôi u ám và nhắm mắt lại.

- Thưa ông Cuốc, chúng tôi có thêm nhiều bằng chứng tố cáo ông. Nếu ông không nêu tên kẻ đồng lõa với ông, ông sẽ phải nhận tội một mình, và không một công tố viên nào trên thế giới chịu nghe ông giải thích rằng không phải ông đã giết Pích-le!

Anh ta mở mắt, nhìn lên trần và đề nghị mang lại một cốc nước. Bác sĩ phải kê cốc nước vào tận môi anh ta. Cuốc lại nhắm mắt.

- Tôi không biết người đồng lõa nào cả. Tất cả cái đó chỉ làm mất thời giờ. Và tôi, nói chung, không có ý định muốn nói chuyện với các ông. Tôi chẳng giết ai cả. Còn nếu cần công khai, tôi sẽ nói với điều kiện có mặt một ai đó đại diện cho Cộng hòa Liên bang Đức ở đây. Một ai đó, không quan tâm đến việc lôi tôi vào chuyện này.

- “Ông Cuốc, chúng tôi đã nhận được thông báo từ Cộng hòa Liên bang Đức. Sáng mai, chúng tôi sẽ đưa ông xem bản sao. Cần phải nói để ông rõ là ông sẽ bị xử theo pháp luật Tiệp Khắc. Các cơ quan Cộng hòa Liên bang Đức sẽ cùng chúng tôi điều tra cả hai vụ giết người, Pích-le và Vi-ne. Do vậy, ông không nên chờ đợi sự trợ giúp từ đâu tới cả. Ông phải hiểu rằng, cuối cùng ông đã thua cuộc, cũng như Vi-ne đã thua cuộc. Tội lỗi bây giờ đổ lên đầu ông. Ông cần phải suy nghĩ kỹ và kể cho chúng tôi nghe toàn bộ sự thực.

Cuốc nhìn vào mặt tôi. Trong vài phút, cả phòng ắng lặng. Anh ta chìa tay cầm bức điện tê-lếch rồi mới ngồi dậy. Nhưng bác sĩ lắc đầu phản đối.



- Cho tôi thuốc lá và cà-phê được không?

Thuốc lá lập tức có ngay. Một người bảo vệ được cử đi lấy cà-phê.

- Thế nghĩa là, bọn chó đẻ này đã bỏ rơi tôi! Tôi không ngờ điều đó. Nhưng, thưa ông chính ủy, tôi không hề giết ai. Tôi chỉ là thằng ngu. Chúng nó đã vứt bỏ tôi...

- Ai?

- À, những thằng cha ấy đấy! - Anh ta phẩy tay, uống một ngụm cà-phê nóng, rồi lại ngó vào bức điện. Sau đó lại xin một điều thuốc nữa.

- Những thằng cha nào kia? Bọn “Pin-kéc-tơn” ấy à?

Đây là một cú đánh chính diện.

- Thế ra, các ông đều đã biết cả?

- Biết khá đủ. Chỉ còn cần vài chi tiết. Chẳng hạn, chúng tôi muốn biết tên của người chỉ huy ông.

- Grê-gô-ri, trung tá Grê-gô-ri. Lão lưu manh này cũng dùng hòng lợi qua nước mà không chịu ướt được!

Lần này. Cuộc không cần phải giữ gìn mồm miệng nữa. Chuyện “buộc phải” chuyển chỗ ở “Cac-lơ-tôn” đối với Vi-ne là dịp may trời cho. Chiều tối Thứ Hai, Vi-ne “cầm nhăm” chìa khóa phòng 216, sau mười phút, ông ta trả lại và tỏ lời xin lỗi. Từ lúc các cầu thủ đi xem ca kịch tạp kỹ trở về, họ theo dõi Pích-le từng bước. Khi anh ta ở khách sạn thì Cuộc ngồi nhìn qua màn ảnh, khi đi ra, thì Vi-ne bám theo như hình với bóng.

Chuyện bất ngờ hơi khó chịu đã xảy ra với Vi-ne ở Câu lạc bộ khiêu vũ, cô bạn của Pích-le đã làm vỡ cả kế hoạch Vi-ne dự định. Vi-ne còn phát hiện thêm rằng có người chụp ảnh trộm Pích-le, ông ta hoảng hốt. Còn có kẻ đang theo dõi Pích-le ư? Ông ta muốn trở về khách sạn ngay, bằng cách nào đó mời được E-véc ra khỏi phòng và thu dọn máy móc. Nhưng, hình như sau đó ông ta hiểu ra là Pích-le chỉ bị theo dõi về chuyện yêu đương kia thôi. Cần phải làm sáng tỏ có phải cô gái kia là người có trách nhiệm trao cho Pích-le cuộn mi-crô-phim hay không! Bằng cách nào đó, Vi-ne hầu như đã biết cô gái kia làm việc ở đâu và làm gì. Vậy là rõ cả, cô ta và Pích-le chỉ có mối liên quan là cái giường ngủ mà thôi.

Tôi hỏi Cuộc khi ngắt lời anh ta lần đầu tiên trong câu chuyện:

- Ông có biết là Vi-ne nói được tiếng Tiệp không và ở đây ông ta có quen ai không?

- Ông ta nói tiếng Tiệp rất khá, hoặc chí ít, đó cũng là ý kiến của tôi, người chỉ biết có ba từ “chào”, “cảm ơn”, “xin mời”. Tôi cũng có cảm giác là Vi-ne có người đồng mưu ở đây. Nhưng ông ta không nói gì với tôi về việc đó. Thậm chí có lần tôi hỏi ông ta, nhưng ông ta bảo, về một số chuyện, tốt hơn hết là không nên nghe làm gì. Tôi nghĩ rằng, trong thời gian chiến tranh, Vi-ne hẳn đã ở Pra-ha.

- Tại sao ông lại nghĩ thế?

- Sáng hôm qua, lúc ăn sáng, ông ta nói như tình cờ: “Cuộc ạ Praha thật là một thành phố tuyệt vời! Mà cái thời xa xưa ấy đâu mất rồi nhỉ! Tất

cả đã qua rồi... Còn bây giờ thì tôi chỉ ước một điều: cuốn gói rời khỏi đây cho thật nhanh. Và mãi mãi!”.

- Vi-ne không nói gì cụ thể hơn về việc ông ta đã ở đây trong thời kỳ chiến tranh hay sao?

- Không. Hôm qua, lúc ăn sáng, ông ta rất hào hứng, và có lẽ vì thế mới thổ lộ đôi điều tình cảm. Nhưng sau đó, sự nhớ ra, và ông ta liền gọi hai ly cô-nhắc, mặt sa sầm.

Cuốc uống thêm một tách cà-phê đặc nữa, lại hút thuốc. Anh ta hút những hơi thuốc thật sâu.

Ngày Thứ Ba, chỉ tới lúc ăn sáng Vi-ne mới xuất hiện. Ông ta theo dõi Pích-le, mà Pích-le cũng mãi đến sáng mới về khách sạn. Còn Cuốc, sau khi được nghỉ ngơi đã đi ra sân vận động để theo dõi buổi tập. Vi-ne thì ở nhà ngủ bù. Họ đã gặp may mắn vào chiều Thứ Ba. Các cầu thủ vừa đi xem chiếu bóng về đang lên phòng, chỉ có Pích-le là ngồi lại dưới tiền sảnh. Vi-ne và Cuốc ngồi ở góc khuất, ngả lưng thoải mái trong chiếc ghế bành, làm bộ như đang mãi mê đọc báo. Pích-le hỏi người quản trị cuốn danh bạ điện thoại, bước vào buồng điện thoại cạnh người canh cổng, rút một cuốn sổ tay ra khỏi túi, từ trong đó, lấy ra một mảnh giấy kẹp gập bên trong, xem xét nó cẩn thận rồi mới mở danh bạ ra. Sau đó quay số, nói vài câu, và tỏ ra hài lòng, gác máy lên.

Vi-le hiểu rằng đã tới giờ phút quyết định: Pích-le hẹn gặp người cộng sự với mình.

Từ giờ phải theo dõi cẩn thận hơn nữa. Tất cả những chuyện xảy ra trước đây chỉ là chuyện mào đầu.

Pích-le lên phòng và ngủ rất say. Đây là đêm trước cuộc đấu, và lại đêm trước anh ta ở nhà cô gái kia, nên càng phải ngủ bù. Vi-ne và Cuốc trực suốt đêm ở ca-mê-ra, cứ mỗi giờ lại đổi phiên một lần. Buổi sáng, khoảng tám giờ, khi cả hai cầu thủ đã ngủ dậy, Vi-ne xuống chỗ người quản trị và giả vờ hỏi giúp, có ai nhắn gì cho Pích-le không. Vì cũng có thể là chuyện xảy ra như sau: Pích-le thông báo cho người đồng lõa rằng anh ta

sống ở khách sạn “Các-lơ-tôn” và người kia, không cần gặp Pích-le, chỉ cần nhờ chuyển giúp qua nhân viên quản trị hoặc canh cổng vật gì đó cần cho anh ta.

Nhưng không thấy ai gửi gì cả. Vi-ne bắt đầu nôn nóng. Có thể Pích-le đã nhận được rồi, mà họ lại không biết thì sao? Giả thuyết của Cuốc, rằng có cô gái kia dính dáng vào vụ này, đã bị Vi-ne gạt phắt. Vi-ne tin chắc rằng không có thể có chuyện ấy được.

Và thế là mọi sự khởi đầu từ đây. Pích-le vội vã ra khỏi khách sạn và đi dọc xuống quảng trường Vát-xláp. Tất nhiên là Vi-ne dò theo, như hình với bóng. Pích-le đi qua hành lang bán hàng ở dưới cửa hàng giày dép và khoảng năm phút sau bước vào quán cà-phê “Xla-vi-a”. Đồng hồ đã điểm mười giờ.

Quán cà-phê vắng vẻ, nhưng Pích-le vẫn đi, cố ý đi vào tận chiếc bàn nhỏ ở góc xa nhất, có lẽ để có thể nhìn rõ góc phố nhỏ trước tiệm cà-phê. Anh ta gọi nước quả ép và lấy ở bàn bên cạnh sang một tập báo đọc. Vi-ne vào ngồi cách ba bàn, và ngồi ở chiều nghiêng bên sườn Pích-le để anh ta không nhìn thấy.

Một người đàn ông có tuổi, không cao lắm đến gần Pích-le, Cuốc khẳng định là Vi-ne không biết ông ta. Người đàn ông đó hỏi mượn Pích-le xấp báo. Họ chỉ nói với nhau độ ba phút, sau đó người lạ cúi chào và trở về bàn mình, ở đầu kia quán. Nhưng Pích-le, theo như Vi-ne thấy, có bỏ một vật gì vào túi áo. Trong lúc người lạ quay lại bàn mình Vi-ne cầm chiếc bật lửa bằng bạc, bật lửa hút thuốc, thực chất là chụp ảnh ông ta. Pích-le ra khỏi quán đầu tiên rồi đến người đàn ông lạ, Vi-ne cẩn thận ra cuối cùng. Ông ta không muốn rời mắt khỏi Pích-le một giây nào. Nhưng suýt nữa ông ta chạm trán với Pích-le ở cửa. Pích-le lại vào chỗ đi tiểu rồi mới ra, có thể để kiểm tra lại vật vừa nhận được.

Thế là, Pích-le và theo sau là Vi-ne, trở về khách sạn. Vi-ne gọi điện cho Cuốc ngay từ dưới nhà để Cuốc sẵn sàng quan sát. Các cầu thủ còn đi ra phố mua hàng, không ai có thể làm phiền lúc này, nên Pích-le bình thản

giở ra xem cuốn phim rất nhỏ cuộn kỹ. Sau đó, anh ta cởi cái áo vét, vặn nút có ren của chiếc khuy áo giữa ra và giấu cuốn phim vào đó. Khi đó, Vi-ne vừa kịp lên phòng, cũng kịp trông thấy rõ hành động này. Pích-le tỏ ra hài lòng, một lần nữa đi ra phố để mua quà cáp, tặng phẩm. Lần này Cuốc đi theo.

- Vi-ne ở lại khách sạn à?

- Vâng. Tôi trở về khoảng mười một rưỡi cùng với Pích-le, Vi-ne đã chờ tôi ở dưới tiền sảnh, và việc đầu tiên là ông ta trao cho tôi chiếc vé xem đá bóng.

- Ông có biết rằng, trong lúc ông đi theo dõi Pích-le, thì Vi-ne đã vào phòng anh ta và nhét chiếc kim có tẩm thuốc độc vào giày không?

Cuốc nhắm mắt, bốn bề yên lặng. Có lẽ anh ta đang nghĩ là nên trả lời thế nào. Anh ta lấy tay chùi cằm, vẻ dờ dẩn.

- Tôi thực sự không biết là Pích-le bị đầu độc. Chỉ mãi tới sáng hôm qua, tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra.

- Vì sao lại phải giết Pích-le, nếu Vi-ne đã có thể đạt được điều ông ta mong muốn?

- Tôi không biết. Việc đó không phải tôi quyết định. Mà chính là Vi-ne. Hôm qua, lúc ăn sáng, ông ta bảo cái chết của Pích-le sẽ xóa hết mọi dấu tích...

Điều này thật thiếu lô-gíc. Có thể nói là thật vô nghĩa. Cuốc rõ ràng đã nói dối. Nhưng hãy để anh ta nói hết... Khi Cuốc xem đá bóng xong, về khách sạn, Vi-ne đang rất phấn chấn về tinh thần. Ông ta rút trong túi ra chiếc khuy áo mạ vàng, mở nắp và chỉ cho Cuốc xem cuộn phim nhỏ xíu. Sau đó đặt cuốn sổ ghi chép của Pích-le lên bàn và bắt đầu xem xét rất kỹ, từng trang một. Rồi lôi ra một tờ giấy khổ hẹp có số điện thoại.

- Các ông đã làm gì với cuốn sổ và tờ giấy đó?

- Vi-ne xé nát cuốn sổ và bảo tôi đem vứt ra thùng rác ngoài đường. Còn tờ giấy thì đốt ngay trước mặt tôi.

Thiếu tá đứng dậy và ngồi xích lại gần. Thần kinh ông, cũng như tất cả chúng tôi đều căng thẳng hết sức. Cuối cùng, chúng tôi cũng đã đi gần tới đích.

Vi-ne cất chiếc khuy áo vào đầu và trên tờ giấy có ghi gì?

- Cuốc như không hiểu nhìn tôi vẻ dò hỏi và nuốt nước bọt. Đầu anh ta ngã xuống gối. Anh ta nhắm mắt, có thể thấy anh ta đã kiệt sức. Bác sĩ giơ mấy ngón tay, ra hiệu là chúng tôi chỉ có thể trò chuyện thêm với anh ta chừng ba phút nữa.

- Tôi nghĩ rằng chiếc khuy và cuộn phim đã ở trong tay các ông. Vì rằng hồi sáng sớm nó còn trong túi Vi-ne. Vậy là rõ, sếp của chúng tôi đã thả một con linh cầu đến...

Tôi không hiểu anh ta định nói gì. Chỉ ngỡ là mình không hiểu nổi từ ấy của tiếng Đức. Nhưng từ này cả cách phát âm cũng rất giống tiếng Tiệp kia mà... Thiếu tá cúi xuống bên tôi, nói nhỏ vào tai: “Bên phía họ, - ông hát đầu về phía Cuốc - những kẻ nào đóng vai trò đi giết người thì được gọi là linh cầu!”.

À, thì ra là thế!

Cuốc lại xin một liều thuốc lá.

- May cho tôi, là sáng nay tôi không ở trong khách sạn. Nếu không hẳn tôi không còn nằm đây, trước mặt các ông nữa!

Tay anh ta giữ liều thuốc run run. Bác sĩ báo trước cho chúng tôi là Cuốc sắp phải nghỉ, không thể nói thêm nữa. Chỉ còn hai - ba câu hỏi cuối cùng, và phải thật nhanh!

- Trên tờ giấy gập vào cuộn sổ tay của Pích-le có ghi gì?

Đ liều thuốc tuột khỏi tay Cuốc. Tôi đập tắt nó. Trán Cuốc toát mồ hôi, anh ta thở rất nặng nề. Tôi lo ngại nhìn bác sĩ, ông đang bắt mạch cho anh ta. Cuốc nuốt nước bọt hai lần, nói khẽ:

- Cho tôi uống, cổ họng khô đắng.

Ca-bi-sếch nhanh nhẹn mang nước đến. Bác sĩ hòa vào trong nước một viên thuốc trắng trắng. Kiểm sát viên từ đầu đã có mặt trong cuộc hỏi cung, đứng dậy khỏi ghế và bước lại gần giường.

Cuốc uống ừng ực từng ngụm. Nếu bác sĩ không giữ lấy cốc, có lẽ anh ta dốc đổ cả nước vào người. Răng anh ta đập vào nhau lập cập. Cuối cùng, anh ta nói:

- Trên đó có tên và số điện thoại

- Ông có nhớ không?

- Có.

Chúng tôi cúi thấp xuống gần Cuốc. Mặt anh ta đã tái đi, trông thấy là anh ta đã kiệt sức. Nhưng anh ta mở mắt, ngược nhìn tôi và khó khăn lắm mới bật ra:

- Nô-vắc, 39514.

Rồi anh ta quay vào tường, không chú ý gì đến chúng tôi nữa. Nô-vắc, kỹ sư Nô-vắc! - Một trong các chuyên gia của nhóm Đa-vi-đếch!

Bác sĩ nói rằng, Cuốc sẽ có thể trả lời tiếp cuộc hỏi cung vào sáng mai. Còn bây giờ phải để anh ta hoàn toàn yên tĩnh.

Chúng tôi lên phòng, Ca-bi-sếch đưa máy ghi âm cho các thư ký đánh máy, khoảng hai tiếng nữa chúng tôi và kiểm sát viên sẽ có biên bản cuộc hỏi cung Cuốc. Rồi Ca-bi-sếch gọi cho O-bla-sếch và ra lệnh bắt ngay lập tức người có tên họ như Cuốc đã báo.

- Cậu nghĩ thế nào về việc này? - Thiếu tá hỏi tôi.

Tất cả đều xác thực. Quá mù ra mưa rồi, nên Cuốc mới phải khai ra. Tôi nghĩ, bây giờ có thể tin được ở anh nhiều điều. Còn khá nhiều sự kiện phải vỡ đầu mà tìm hiểu cho ra, và còn cả đôi điều chúng ta có thể không tìm ra được. Chẳng hạn, Cuốc rất có thể vào phòng Pích-le cầm chiếc kim vào giày và kết quả cũng tương tự. Anh ta, trên thực tế, đã trút hết lỗi cho Vi-ne, kẻ đã không còn cung khai được nữa. Hẳn là vì thế mà anh ta phải tạo ra màn kịch “đập đầu tự sát” để còn có thời gian nhằm tính kỹ lưỡng, việc gì sẽ nhận về mình, còn việc gì sẽ đổ cho Vi-ne. Nói chung, mọi thứ đều đã khớp, chỉ trừ có một việc - cái chết của Pích-le. Nếu Vi-ne và Cuốc làm điều đó chỉ để xóa mọi vết tích, thì là một sai lầm nghiêm trọng. Và không thể lại có một người khác cũng do tổ chức của họ cử đến đây để làm việc này. Nguyên nhân cái chết của Pích-le phải là chuyện khác. Biết đâu, cái chết ấy lại không gắn gì tới hộp phim tí hon kia?...

Thiếu tá hút thuốc và vẽ lên trên giấy những hình bí ẩn.

- Tôi nghĩ rằng thủ phạm gây ra cái chết của Pích-le không phải là Vi-ne mà là Cuốc. Nếu đúng là trong thời gian chiến tranh, Vi-ne đã làm việc cho các cơ quan tình báo Áp-ve hoặc Ghét-xta-pô, thì một kẻ có kinh nghiệm cỡ ấy không thể sơ xuất đến ngu ngốc như vậy được.

Ông đập mẫu thuốc vào cái gạt tàn.

- Bây giờ, không cần có tôi ở đây. Đã thấy luồng gió thẳng lợi thổi căng buồm của các cậu rồi đấy, các cậu cứ đi tiếp nhé!



Gô-mô-la chuẩn bị ra về, ông hứa là sẽ gắng tìm cho ra trung tá Grê-gô-ri, xem sếp của Cuốc và Vi-ne là ai.

- Thực ra, điều đó cũng khó mà đạt được lắm! Thà tôi phải trở thành Giáo hoàng La-mã còn dễ hơn là phải xác định cho ra, là ở Phơ-răng-phua có một thằng cha nào đó là trung tá Grê-gô-ri. Dưới cái tên ấy, có thể là một trong các kẻ cầm đầu giấu mặt của hãng “Pin-kéc-tơ”, và khi chúng ta cần tìm kiếm, thì không một ai biết cả. Cuốc biết hẳn ta dưới cái tên Grê-gô-ri, nhưng từ hôm qua chẳng hạn, hẳn đã mang một cái tên khác, không kém thơ mộng hơn, thì sao! Đây không phải là lần đầu chúng ta chạm trán với một kẻ ẩn hiện như bóng ma thế này...

Sau khi thiếu tá ra về, ở cửa phòng xuất hiện một người mà chúng tôi nóng lòng chờ đợi. O-bla-sếch và một nhân viên hộ tống đã kèm ông ta đến - đó là chuyên viên làm việc trong nhóm chế tạo thử loại ắc-quy mới phát minh, kỹ sư Ca-ren Nô-vắc.

- Đây là người mà đồng chí đề nghị đưa đến, O-bla-sếch đẩy vào lưng người đàn ông còn trẻ - Mời kỹ sư vào đi, cứ tạm coi đây cũng như ở nhà!...

Và O-bla-sếch cúi xuống, nói nhỏ cùng tôi:

- Ông ta không nhận! Không biết gì hết, không đi đâu cả.

Tôi đề nghị O-bla-sếch, anh chàng hay ba hoa ấy, hãy tạm lùi vào góc. Ca-bi-sếch mở máy ghi âm, nhưng rồi lại tắt. Người kỹ sư trẻ này im lặng một cách kiên trì. Còn nếu có trả lời thì chỉ nhát gừng “Không” “không đúng” hoặc “Không biết”.

Nhưng khi tôi nói rõ hơn, là ông ta bị nghi ngờ về chuyện gì thì ông nổi nóng:

- Các anh hành động thật điên rồ! Làm sao các anh lại có thể nghĩ như thế được! Hãy để kẻ nào dám bôi nhọ tôi nhắc lại các lời đó trước mặt tôi xem!

Khi ông ta đã dịu lại, tôi nói đến số điện thoại của ông ta và ông cười mai mỉa:

- Các anh có đầu óc để suy nghĩ không chứ! Tôi là Ca-ren Nô-vắc, mà cái họ Nô-vắc này ở Pra-ha có hàng nghìn người. Tôi sống ở khu Vơ-sô-vi-sư, điện thoại của tôi có, nhưng không phải số điện mà các anh nói. Không tin thì các anh hãy ngó vào sổ danh bạ điện thoại.

Quả thực kỹ sư Ca-ren Nô-vắc sống ở khu Pra-ha 10, phố Bai-Can số 666, còn số điện thoại bắt đầu bằng số 7. Kiểm tra lại thì thấy ông sống ở Vơ-sê-vi-sư đã năm năm nay, trước đó thì sống ở khu Xmi-khô-vô, tại nhà bố mẹ. Điện thoại trước đó không có.

Phải yêu cầu đến trung tâm điện thoại xem ai có số điện 395.14? Không quá một phút sau, có tiếng trả lời, những thời gian ấy đối với chúng tôi lâu không tưởng tượng nổi.

- Đáng tiếc, - một giọng du dương cất lên, - số điện thoại được giữ bí mật, tôi không thể nói tên họ được.

- Chúng tôi từ cơ quan An ninh quốc gia gọi đến!

- Ai mà chẳng có thể nói như vậy được. Chúng tôi không thể trả lời điều đó qua điện thoại, có thể thôi!

Chúng tôi đành phải cử Buốc-đa đến trung tâm điện thoại, và quyết định nói chuyện một lần nữa với Nô-vắc, nhưng ông ta cự tuyệt kiên quyết. Đầu tiên ông ta còn bình tĩnh, sau đó nổi nóng và chửi chúng tôi bằng mọi từ trên đời.

Chúng tôi để cho ông ta bình tĩnh lại, trong lúc đó, phải kiểm tra khả năng vắng mặt của ông khi sự việc diễn ra trước lúc Buốc-đa từ trung tâm điện thoại trở về và sẽ có những tin tức sơ bộ.

Buốc-đa nói tên người chủ số điện thoại 395.14. Đó chính là số điện công vụ, mà lại được giữ bí mật, của Bộ trưởng Bộ Y tế! Thảo nào mà họ ngạc nhiên, khi mới sáng sớm chúng tôi đã gọi điện để hỏi!

Chúng tôi mời kỹ sư Nô-vắc sang phòng bên, một phòng trống, để nghỉ. Ca-bi-sếch đề nghị phải đi ngay đến Bộ Y tế sớm nay. Hơn nữa, theo như anh biết tin qua báo chí, bản thân Bộ trưởng hiện nay đang ở nước ngoài, đang dự Hội nghị quốc tế của Hội chữ thập đỏ và Lưỡi liềm đỏ.

- Nhưng như thế không có nghĩa là không có ai trả lời điện thoại. Ngược lại là chẳng khác, thiếu gì người trực!

Đáng tiếc là sự thật lại không phải thế. Điện thoại không có ai trả lời vì phòng Bộ trưởng khóa chặt và các máy điện thoại đã rút phích cắm! Tôi quay thử, chỉ thấy “tút tut”. Máy bận.

Chúng tôi bèn cử Buốc-đa đến Bộ Y tế. Anh báo về, là quả thực hai tuần nay số máy đó đã tháo phích cắm. Chúng tôi hỏi lại, có thể có ai nói qua máy đó vào buổi chiều Thứ Ba - khi Pích-le gọi điện đi. Nhưng cả sáu cô gái ở tổng đài điện thoại Bộ Y tế và bà Gô-út-kô-va, trưởng nhóm điện thoại viên cùng khẳng định rằng vào buổi chiều ấy chỉ có hai trường hợp gọi điện đến Bộ nhưng ở chỗ khác cơ. Và vào giờ đã quá muộn ấy, không còn ai ở Bộ cả, còn việc lọt vào trong phòng làm việc đã khóa kín của Bộ trưởng thì không thể có được.

Tất cả các sự kiện ấy thật lạ lùng và tôi phải đề nghị Buốc-đa hãy ở lại Bộ Y tế để kiểm tra kỹ lưỡng thêm nữa. Có thể, có người gác đêm vào được phòng làm việc, hoặc ở đó cần sửa chữa đột xuất gì chăng? Vào lúc chín giờ, Buốc-đa gọi điện lại và báo cáo rằng, vào ngày Thứ Ba, từ sau tám giờ tối, không một ai có thể gọi điện qua số 395.14 được nữa.

Có thể, Cuốc đã quá mệt và nhầm các con số? Hoặc anh ta tự nghĩ ra số điện ấy, để đưa chúng tôi đến sự lầm lẫn? Nhưng ở đó, còn có tên Nô-vắc - tên họ của một trong số 6 người phát minh. Có thể, Cuốc đã nêu cả tên ông ta để đánh lạc hướng chúng tôi và lại tranh thủ được thời gian? Vine và Cuốc hẳn phải biết được tên những người nghiên cứu trong Viện. Nhưng Nô-vắc lại là một cái họ hết sức phổ biến. Ngay trong đội bóng Cô-lô-nhơ hậu vệ phải cũng tên là Éc-nét Nô-vắc!

Tất nhiên, Cuộc phải quan tâm để về phần anh ta sẽ chỉ còn lại những lời buộc tội ở mức ít nhất. Bây giờ, anh ta không thể còn trông cậy vào ai. Và chúng tôi đã nói thẳng rằng, chỉ có thể hy vọng bản án được giảm nhẹ, nếu anh ta khai trung thực mọi việc. Anh ta có cần nói dối nữa không?

Ơ-bla-sếch và nhóm của anh “rà lại” tất cả họ hàng và người quen của Nô-vắc, và càng làm càng thấy rõ rằng kỹ sư Ca-ren Nô-vắc không thể có quan hệ nào với Pích-le.

Cả buổi chiều tối Thứ Hai, Nô-vắc cùng vợ ngồi xem truyền hình. Họ có khách là hai ông bà hàng xóm tên là Uốc-ban. Hai ông bà này chuyển đến ở phố Bai-can từ gần một năm nay, và đã kịp kết thân với gia đình Nô-vắc. Vào tối Thứ Ba, hai gia đình Nô-vắc và Uốc-ban đi xem hát. Bà mẹ vợ Nô-vắc ở nhà trông cháu. Từ nhà hát ở phố Vi-nô-grát ra, họ đi bộ về nhà và vào khoảng mười giờ rưỡi, rồi cùng rẽ vào quán rượu vang “Ngũ giác” để kỷ niệm sinh nhật vợ Nô-vắc. Họ ra khỏi quán thì quán cũng đóng cửa, lúc đó là ba giờ sáng. Người phục vụ nhớ rất rõ hai cặp ấy, vì họ về cuối cùng.

Việc không can dự của Nô-vắc vào vụ này còn được chứng minh ở cơ quan. Chiều Thứ Hai, ông rời Viện về nhà bằng ô-tô cùng người bạn đồng sự là Pi-xa-gích, ông này ở xa hơn Nô-vắc hai khu phố. Thứ Ba cũng vậy. Và sáng Thứ Ba cũng như Thứ Tư, Nô-vắc không hề tới phòng thí nghiệm. Sau khi ăn trưa ngày Thứ Tư, ông đi xem đá bóng cùng kỹ sư Sáp-lich - cũng là bạn đồng sự trong nhóm, và cả Van-đa-xơ, - trưởng phòng thí nghiệm thử mô-tơ. Là một người rất mê bóng đá, Van-đa-xơ đã mua vé trước từ hai tuần, và họ ngồi cùng nhau trên phía khán đài không mái che của sân Xtơ-ra-hốp.

Việc vô can vì vắng mặt ở nơi sự việc xảy ra của Nô-vắc thật không ai bắt bẻ được, đến mức độ thành điều đáng ngờ! Tôi đề nghị Ơ-bla-sếch để anh kiểm tra lại cả ông Uốc-ban hàng xóm và cả ông bạn đồng sự mà Nô-vắc chở đi chở về bằng ô-tô. Biết đâu chính là Pi-xa-gích, ông già năm mươi tuổi tóc bạc ấy lại đóng vai trò liên lạc giữa Pích-le và Nô-vắc, Pích-

le gọi điện chiều tối Thứ Ba cho Nô-vắc, báo rằng anh ta đã ở Pra-ha và hẹn mười giờ sáng Thứ Tư sẽ chờ ở quán cà-phê “Xla-vi-a”. Anh ta đặt tờ báo trên bàn, và ám hiệu có thể là câu nói: “Cho phép tôi ngó qua tờ báo một chút”. Nô-vắc có thể nhờ Pi-xa-gích hay bất cứ ai tới đó. Một ông già tóc bạc, đứng đắn - không có gì đáng để lưu tâm nhận diện. Vi-ne chắc cũng chẳng lưu ý tới ông, dù rằng có chụp ảnh ông đi nữa. Nhưng cả ảnh, chúng tôi cũng không có. Vì cả cái bật lửa bằng bạc, có chiếc máy ảnh tí hon bên trong, cả cái khay áo mạ vàng, chúng tôi đều không tìm thấy ở phòng 316.

Như thế, có nghĩa là chúng tôi ở bên bờ vực thất bại. Không những chỉ có tên giết người Vi-ne đã ăn cắp mẫu phát minh tuột khỏi lưới giăng của chúng tôi, mà cả kẻ đã bán phát minh đó cho Pích-le, cũng tuột mất nốt.

Công việc điều tra bây giờ được tiến hành theo nhiều hướng. Tôi đề nghị cho tôi thêm tất cả các nhóm còn dự trữ, và chiến dịch của chúng tôi đã có tới sáu chục người tham gia. Trong đầu tôi, không dứt được khỏi cái tên Nô-vắc và số điện thoại kia.

- Có thể nó là một mật mã? - Ca-bi-sếch nói - Chúng ta hãy nhờ các chuyên viên giải mã để họ suy nghĩ giùm. Họ có nhiều kinh nghiệm, lại được trang bị cả máy giải mã điện tử nữa. Vì sao lại không đưa họ thử xem?

Anh tự mình đi đến chỗ “các vị phù thủy áo đen.” - ở chỗ chúng tôi gọi những người giải mã như vậy, nhưng khi anh trở về sau khoảng mười phút, tôi không thấy anh tỏ ra phấn khởi gì lắm.

- Họ đồng ý giải thử, nhưng không hy vọng gì nhiều vì ở đây có ít con số quá. Tóm lại, có gì họ sẽ báo lại sau...

Tôi phái Xmi-ran đến Trung tâm điện thoại Praha để ghi lại tất cả các số điện thoại nào có 5 con số, trong đó có các số 3, 9, 5, 1, 4. Số điện có khá nhiều, vì 5 con số đó thay đổi nhau theo thứ tự, thì tạo thành 120 dạng phối hợp khác nhau. Tuy vậy, vẫn cần phải thử nghiệm kỹ.

Từ khách sạn, Sê-di-vư gọi điện tới. Anh báo cáo về những khách sẽ rời Pra-ha hôm nay. Và tôi đến gặp Gô-mô-la.

Tôi thấy thiếu tá đang nói vào hai máy một lúc. Khi hai máy ngừng nói trong khoảnh khắc, ông bảo tôi rằng tất cả những ai ra khỏi biên giới hôm nay sẽ bị kiểm tra kỹ lưỡng.

- Tất nhiên, đấy không phải là thủ tục dễ chịu gì - phải bắt người ta cởi áo quần ngoài, kiểm tra ô-tô và đồ đạc bằng những máy phát sóng, nhưng trong trường hợp như thế này, cảnh sát nước nào chẳng buộc phải làm! - Biết làm sao được - đây là vấn đề lợi ích quốc gia.

Khoảng chín giờ rưỡi, chúng tôi lại tới trạm y tế. Cuộc đã thấy dễ chịu hơn hẳn. Anh ta uống nước súp béo, ăn món thịt rán và còn uống nửa cốc

rượu vang. Anh ta không nằm nữa mà ngồi trên giường, tựa lưng thoải mái vào chiếc gối. Khi chúng tôi bước vào, anh ta đang uống cà-phê.

Chúng tôi chào dè dặt, nhưng Cuộc trả lời rất to: - Chào các chính ủy!  
- Và anh ta uống cạn cốc cà-phê, hút thuốc, sửa lại cái gối. - Các ông ngồi đây không lâu chứ? Chứ không thì tôi lại buồn ngủ đấy!

- Tất cả còn phụ thuộc ở ông, ông Cuộc ạ. Phụ thuộc ở chỗ ông có nói thật hay không. - Tôi trả lời, vẻ rất ôn hòa và ra hiệu cho Ca-bi-sếch bật máy ghi âm.

- Tôi biết rằng trước mắt tôi đang có nguy cơ bị tù ở nước các ông vài năm, nhưng tôi xin cam đoan là tôi đã nói hết sự thật với các ông hồi đêm. Khi xét xử cả một nhóm, hình phạt cũng sẽ nhẹ hơn một người.

- Tôi tán thành, nhưng ta hãy vào việc đã. Ông đã bịa ra chuyện tờ giấy mà Vi-ne đã đốt đi phải không?

Anh ta nhìn tôi không hiểu, rồi nhìn Ca-bi-sếch, thờ dãi:

- Các ông lại giảng thêm cái bẫy gì thế? Và để làm gì? Những gì tôi biết, tôi đều đã kể. Và kể thật. Các ông còn muốn gì ở tôi nữa?

- Chúng tôi muốn biết trên giấy tờ mà Vi-ne tìm được trong sổ tay của Pích-le và đốt trước mặt ông, có ghi những gì?

- Thì tôi đã nói rồi. Nô-vắc và số điện 395.14.

- Vâng, ông đã nói. Nhưng hoặc là ông bịa, hoặc là ông nhớ nhầm. Pích-le không thể gọi số điện ấy vì nó đã bị cắt từ hai tuần nay. Chúng tôi cũng có tìm ra một ông Nô-vắc, nhưng ông ta có số điện thoại hoàn toàn khác. Có đúng là ông đã nói thật không?

Cuộc ngồi thẳng dậy, vứt điếu thuốc lá hút dở vào gạt tàn và nói:

- Tôi không thể nhầm được. Các con số, tôi nhớ rất chính xác. Các ông có thể tin tôi điều đó. Vi-ne cũng nhờ tôi nhớ họ tên và số điện thoại ấy, vì giữ lại tờ giấy là rất nguy hiểm. Còn người gặp trong quán cà-phê, trong tương lai sẽ có thể có ích. Chẳng hạn, nếu như trên cuốn mi-crô-phim

không có đủ các bản vẽ, khi đó còn có thể mang dao đến kề vào cổ hăn mà đòi! Phần tôi thì không hề có ý định giết ai cả, tôi chẳng biết ông Nô-vắc nào bên các ông cả! Tôi chỉ nhắc lại những gì ghi trên giấy. Còn nếu các ông không đủ khả năng tìm bắt được hăn, thì lỗi đâu phải tại tôi?

- Ông thừa biết là Pích-le có khả năng gọi điện cho Nô-vắc, nhưng có thể, vai trò liên lạc ở tiệm cà-phê là do một người khác làm.

- Chuyện đó tôi không biết. Tôi không ở trong quán cà-phê. Đối với Vi-ne, thì điều quan trọng là cuốn phim mi-crô-phim phải lọt vào tay ông ta, còn Pích-le thì phải chết. Và lại ở trong bật lửa, còn có tấm ảnh chụp ké đồng lữa kia, trong trường hợp cần thiết, có thể dùng nó để đe dọa tổ giác. Vào hôm Thứ Tư, sau bữa trưa, trong khi tôi đi xem bóng đá, Vi-ne ở nhà xem xét lại cái khay và phim và hình như tất cả đều tuyệt hảo. Nhưng mọi sự lại không trôi chảy thế! Nếu không, Vi-ne chẳng phải nằm trong phòng mổ xác, và tôi đã chẳng phải vào đây...

- Vậy là, ông vẫn khẳng định rằng trên tờ giấy đúng là có ghi tên Nô-vắc và số 395-14? Nhưng ông có thể nhớ, dòng chữ đó được viết như thế nào không?

Tôi đưa cho Cuộc một tờ giấy xé trong sổ tay và cái bút bi. Anh viết rất nhanh: “Nô-vắc”, rồi tiếp “395-14”.

- Trong đó có để một gạch ngang giữa con số thứ ba và con số thứ tư như vậy à?

Anh ta nhìn tôi đòi hỏi và nghĩ ngợi:

- Tôi nhớ là có cái gạch ấy, nhưng có đúng là ở giữa con số thứ ba và thứ tư không thì còn phải nghĩ. Để xem nào...

Anh ta lại nghĩ ngợi.

- Đúng là có cái gạch ấy, nhưng tôi không để ý kỹ là ở đâu. Cái chính là nhớ con số....

Cuộc nói chuyện kéo dài nửa giờ, tôi hỏi, anh ta trả lời.



Đến mười giờ, chúng tôi bèn kiểm tra một khâu khác nữa. Tôi đề nghị Ở-bla-sếch đến phòng tổ chức Viện nghiên cứu về ô tô và tìm ra hết những ai có họ là Nô-vắc. Có thể có một người trong số họ có khả năng lọt được tới tủ để tài liệu phát minh kia.

Đồng thời, tôi cũng nảy ra một ý mới. Tôi gọi điện đến “Các-lơ-tôn” cho Sê-di-vư và yêu cầu anh tìm hộ tôi cầu thủ Éc-nét- Nô-vắc, sống ở phòng 212.

Sĩ quan trực nhật đem lại cho tôi mẫu giấy của Gô-mô-la ghi, trong đó liệt kê tất cả những lần sang Tiệp Khắc chính thức của Vi-ne. Sau chiến tranh, ông đã sang nước chúng tôi ít nhất ba lần. Hai lần sang thương lượng với Ban giám đốc Nhà máy Bia Pên-đen về việc bán bia “Pra-dơ-drôi” sang Cộng hòa Liên bang Đức. Còn lần cuối cùng - vào hai năm trước đây - thì sang thăm dò tình hình ở Xlô-va-ki-a về việc cung ứng loại bia “Tô-kai” sang Đức. Nhưng không đạt được kết quả vì hai bên không thỏa thuận được về giá cả. Dầu sao, đây cũng là những sự kiện đáng lưu ý. Có lẽ, nên tìm lại người nào trước đây đã gặp Vi-ne? Tôi bảo Ca-bi-sếch:

- Phran-ta, mình phải đến khách sạn ngay, mình muốn nói chuyện với Éc-nét Nô-vắc. Độ hai giờ nữa, mình sẽ về. Còn cậu hãy nghe lại đoạn băng khi Cuốc nói rằng Vi-ne hoàn toàn khẳng định sự vô can của cô gái kia trong vụ này. Hãy suy nghĩ kỹ, nếu cần thì xuống thẳng chỗ Cuốc hỏi lại. Có gì đó làm mình chưa thấy ổn.. Gọi điện cho Béc-na-sếch, để anh ta dẫn Gô-li-kô-va đến, cả ông anh láu cá và ông bạn chụp ảnh nữa. Có thể, họ cũng biết đôi điều gì đó... Cậu gặp Cuốc trước, và sau đó hãy nói chuyện lại với “ba ngôi thánh thần” này!

... Hậu vệ Éc-nét Nô-vắc tỏ ra kinh ngạc khi biết rằng tôi muốn trò chuyện với anh. Anh ngồi thoải mái trong ghế bành và nhìn tôi vẻ dò hỏi.

Anh biết Pích-le rất rõ, vì cả hai đều đã chơi cho đội Cô-lô-nhơ năm mùa bóng rỗi. Nô-vắc sống ở Cô-lô-nhơ, là chủ một trạm tiếp xăng. Có vợ và hai con, định còn chơi bóng ít ra là 5 năm nữa. Lương bổng khá, lại còn thêm thu nhập ở trạm tiếp xăng và tiệm giải khát cũng không phải là ít. Tất

nhiên, ở nhà, anh ta có điện thoại riêng cũng như ở trạm xăng và tiệm giải khát: Nhưng các số điện thoại này đều không có gì giống với số mà Cuốc đã cung khai. Anh nói:

- Ông nói gì lạ! Ở Cô-lô-nhơ chúng tôi không thể có số điện thoại gồm 5 số. Thành phố chia ra các quận, tối thiểu thì điện thoại cũng phải có 6 số. Ngoài ra, ở mỗi phường lại có một ký hiệu riêng. Chẳng hạn, điện thoại nhà tôi là K.F. 227.823, còn các số điện thoại ở trạm xăng, kho chứa và tiệm giải khát thì đều bắt đầu bằng các chữ S.T.

- Tôi lại hỏi số xe của Nô-vắc, nhưng lần này cũng thất vọng. Nô-vắc bình tĩnh kể về Pích-le, nhưng những điều này tôi đều đã biết, họ không hẳn kết thân, chỉ gặp nhau khi đi tập và khi thi đấu. Hai người không bao giờ xích mích, cũng không gán bó gì với nhau về công việc làm ăn. Con số 395-14 không có ý nghĩa gì với Éc-nét Nô-vắc cả.

Không còn cách gì hơn là phải tin vào lời anh ta! Buốc-đa, sau khi gặp bộ Bưu điện và Thông tin, cũng xác nhận rằng, ở tất cả các thành phố lớn của Tây Đức các số điện thoại bao giờ cũng nhiều số như vậy.

Tôi quyết định đến gặp các cầu thủ một lần nữa, nhưng chưa kịp rời phòng 201, thì Sê-di-vư đã gọi tôi trở lại. Ca-bi-sếch gọi điện về và đang ở đầu dây bên kia:

- Chuyện gì vậy? Mình vừa có mặt ở khách sạn mà cậu đã gọi rồi! Có gì mới không đấy!

- Có. - Anh trả lời ngắn gọn. - Nhưng tốt hơn hết là không nên nói qua điện thoại. Béc-na-sếch đã gọi điện báo rằng anh ta cùng “ba ngôi thánh thần” sẽ đến chỗ chúng ta. Sau khi anh ta đã dọa Gô-rắc và người chụp ảnh, hai người này đã kể được vài điều lý thú. Vậy nếu cậu xong việc ở đấy rồi thì trở về đây ngay.

Tôi gác máy.

Ở khách sạn không có việc gì cần nữa, và tôi trở về Cục. Ngay trước cửa, tôi chạm trán với cán bộ Viện kiểm sát.

- Anh tìm tôi chắc?

- Không. Tôi vừa ở chỗ thiếu tá Gô-mô-la để ký lệnh bắt một người mới nữa, người này vừa xuất hiện trong vụ của anh.

Thiếu tá và Ca-bi-sếch đang hỏi cung Gô-rắc. Trước mặt họ là một tập ảnh đặt trên bàn. Gô-mô-la nói với tôi:

- Cậu làm đúng, nhưng Béc-na-sếch còn đi trước cả cậu! Cậu thấy không, Gô-rắc và bạn anh ta không những e ngại riêng cậu mà thôi, vì thế họ đã định bụng ngậm miệng trước bất kỳ ai...

Béc-na-sếch chờ cho Gô-rắc xem xong những tấm ảnh chân dung của Vi-ne rồi hỏi:

- Anh có nhớ người này không, ông ta cũng có mặt ở Câu lạc bộ khiêu vũ chứ? Vào đúng cái hôm anh chụp ảnh cô em gái đi với Pích-le ấy.

Gô-rắc liền nhớ ra Vi-ne ngay: anh ta đã không thích Vi-ne ngay từ đầu, vì cứ thấy lão ngăm nghĩa Iếc-gi-na mãi.

- Tôi biết là lão ta phải rửa nước bọt ra mà thèm khát! Có gì là khó hiểu. Một cô gái xinh đẹp ở ngay cạnh một lão già hay chơi bời, túi đầy căng đô-la và đồng mác mà lại!

Vi-ne còn ngồi với một người nữa ở đó, mà Gô-rắc hình như có gặp ở đâu rồi. Dù rằng anh ta không thể nhớ là đã quen ở đâu, hoặc đã gặp ở đâu và khi nào.

Người chụp ảnh là Clô-u-sếch thì lại không lưu ý chuyện đó. Anh ta phải chụp trộm trong chỗ đông người, nên phải rất cảnh giác để không ai biết. Do đó, không thể lưu tâm đến chuyện gì khác.

Vậy ai là người ngồi cạnh Vi-ne?

Gô-rắc tả khá chi tiết về người lạ. Tuổi độ 50, hói đầu, mồm đầy răng vàng, tầm vóc trung bình, trông đậm người có một vết sẹo nhỏ gần môi. Nhưng anh ta không nhớ là mình đã biết người ấy trong trường hợp nào.

Thử tìm ảnh lưu trữ xem chẳng? Ca-bi-sếch đề nghị mang ảnh những người có hình dạng giống như lời miêu tả trong số những người được lưu trữ ảnh ở cơ quan lại. Chỗ dễ nhận nhất là cái sẹo. Biết đâu người đi cùng Vi-ne ở câu lạc bộ là người đã từng bị cơ quan công an để ý?

Ca-bi-sếch gọi điện đến kho lưu trữ miêu tả tỉ mỉ con người có vết sẹo, mười phút sau một tập ảnh đã được gửi đến cho anh.

Chúng tôi đã gặp may: Gô-rắc nhận diện ra người lạ lẹ.

Người ấy tên là Ya-rô-xláp Đơ-vô-giắc, người sửa bài ở một nhà tu Pra-ha. Điều quan trọng nữa là chúng tôi đã từng có dịp tiếp xúc với Đơ-vô-giắc.

- Mà tôi cũng sức nhớ ra rồi! - Gô-rắc kêu lên khi nghe đến tên hăn. Hình như tôi đã trông thấy hăn đến Câu lạc bộ khiêu vũ này với chính Iéc-gi-na.

Còn Iéc-gi-na Gô-li-kô-va thì nhớ rõ ông Đơ-vô-giắc. Cô ta nhận ra ngay qua tấm ảnh, nhưng đứng trước câu hỏi là cô ta có thấy Đơ-vô-giắc hôm Thứ Hai ở quầy rượu không, thì lại trả lời với vẻ vô can:

- Tôi ở đó chỉ biết có Pích-le, còn ngoài ra không nhìn ai nữa...

Giống như cô ta cố chứng minh tình yêu của mình đối với Pích-le, quên hăn rằng chúng tôi đã biết rõ cô ta cần gì ở anh ta! Rồi mọi chuyện cũng vỡ ra cả. Hai năm trước, Gô-li-kô-va bắt đầu có quan hệ mật thiết với Đơ-vô-giắc và đặt vấn đề với người tình đã luống tuổi nhưng giàu có này để ông ta cưới cô. Đó chính là nguyên nhân tan vỡ quan hệ của hai người.

- Cô vẫn đưa ông ta về nhà chứ?

- Tôi phải trả lời cả câu hỏi này à?

- Chỉ cần cô nói: “Có” là đủ, chúng tôi không quan tâm đến chi tiết, Cô khẳng định rằng Đơ-vô-giắc bao giờ cũng có nhiều tiền. Thường thường trên người ông ta có độ bao nhiêu, có đến năm trăm cua-ron không, hay còn hơn?

- Ông ta bao giờ cũng có nhiều tiền. Tôi chẳng biết ông ấy lấy từ nguồn nào, chỉ nhớ có vài lần kéo cả bạn bè đi chơi, ông ấy phải chi rất nhiều tiền. Có lần chúng tôi kéo đi rất đông, đi chơi và chè chén ở Klô-vi-sti mãi đến sáng.

Chúng tôi cũng biết rõ Đơ-vô-giắc. Hăn ta làm người sửa bản in khoảng ba năm nay. Trước đó, hăn giữ một chức vụ cao trong một Công ty liên hợp ngoại thương. Người ta phát hiện thấy hăn đã có phạm tội trong

chiến tranh. Hãn giấu điều này rất kín, nhưng ở Cộng hòa dân chủ Đức đã phát hiện được những tài liệu liên quan đến hoạt động của bọn Ghét-xta-pô ở Pra-ha, ở đó có ba lần nêu rõ tên hãn. Đơ-vô-giắc bị bắt, nhưng sau một tháng lại được thả. Dù bị tình nghi, nhưng chúng tôi không chứng minh được rằng hãn là nhân viên Ghét-xta-pô.

Trong khi hỏi cung, hãn còn khai rằng hãn bị Ghét-xta-pô bắt, dù chỉ sau vài ngày đã được trả tự do. Cuối cùng, Đơ-vô-giắc chỉ bị một mẻ sợ không đáng kể. Không có người buộc tội, cũng không có tòa xử.

Nhưng dù sao Đơ-vô-giắc cũng đã chủ động giấu giếm chuyện đó, nên cơ quan cũ không tin hãn nữa và hãn phải chuyển sang công tác khác. Hãn ly dị vợ, sống ở một căn hộ riêng biệt. Người vợ cũ lại đã đi lấy chồng rồi và có vẻ hạnh phúc. Nhưng như vậy là lại phải làm phiền bà ta về những hoạt động không ai biết của người chồng cũ! Thiếu tá ra lệnh tạm giữ Ya-rô-xiáp Đơ-vô-giắc về tội bị tình nghi tiết lộ bí mật quốc gia và có dính líu đến cái chết của công dân Cộng hòa Liên bang Đức Vi-ne.

Trong vòng nửa giờ, chúng tôi phân tích lại toàn bộ những gì có liên quan đến thời gian và địa điểm của Vi-ne và Đơ-vô-giắc. Chúng tôi rút ra được những kết luận khá lý thú, mà trước đó, không hiểu sao, chúng tôi không nghĩ ra.

Tôi phái Xmi-ran đến Trung tâm điện thoại quốc tế, để anh mượn hộ tất cả các quyển danh bạ ghi điện thoại của các thành phố lớn ở Tây Đức và cả Châu Âu. Tôi muốn thử lại xem lời khai của Éc-nét Nô-vắc có đúng không.

Xmi-ran chưa đi thì Bo-rơ-giếch Giắc bước vào cùng ba người nữa. Tôi biết hai người, còn người thứ ba rất giống tấm ảnh đang nằm trên bàn tôi. Còn người “mới dự báo việc” của chúng tôi đây có một vết sẹo rất rõ ở bên phải cằm. Tôi nhìn Bo-rơ-giếch có vẻ dò hỏi. Anh gật đầu khẳng định:

- Chúng tôi tưởng đi bắt một chú cá tép. Vậy mà lại được một con cá măng khá to!

Anh ra hiệu để mọi người khác ra hành lang và nói:

- Trong căn hộ của ông ta chúng tôi tiến hành khám xét sơ bộ. Còn bây giờ là nhóm kỹ thuật đang làm việc ở đó. Ông ta không ở nhà, nhưng cũng không đi làm. Chúng tôi đang muốn đi tìm khắp thành phố thì bỗng ông ta xuất hiện, đi xe tắc-xi về, có vẻ chuẩn choáng hơi men và bắt đầu hét to, rằng chúng tôi còn tệ hơn đồ chó ghê. Khi lục ví, chúng tôi thấy 100 đô la và nhiều ngoại tệ khác nữa. Trong chiếc va-li con ở đáy tủ còn tìm thấy nhiều thư từ Cộng hòa Liên bang Đức. Tôi đưa đến phòng xét nghiệm ngay và gọi đội công tác đặc biệt đến kiểm tra nhà.

Bo-rơ-giếch về phòng. Tôi cùng Ca-bi-sếch bắt đầu nghĩ ngợi sẽ tiến hành công việc với Đơ-vô-giắc theo cách nào. Đơ-vô-giắc có dính vào chuyện giết Vi-ne không, hay ở Câu lạc bộ chỉ là cuộc gặp mặt giữa hai kẻ đồng lõa? Hoặc biết đâu đây là sự làm quen tình cờ. Nhưng nếu thế thì tại sao Vi-ne phải giấu Cuốc đến cả tên tuổi anh ta? Chúng tôi bắt giữ Đơ-vô-giắc vì hai người kia đã bị bắt. - là các ngài Vi-ne và Cuốc - đã đổ hết tội lên đầu ông ta. Và chúng tôi yêu cầu Đơ-vô-giắc kể hết những gì ông ta biết. Chúng tôi định sẽ tiến hành việc đó trong vòng một giờ.

Cuộc nói chuyện bắt đầu từ bốn giờ. Khi Ca-bi-sếch mở máy ghi, trời đã tối. Chúng tôi phải nghỉ giữa chừng vài lần để gặp bà Bê-dơ-tê-khô-va, vợ cũ của Đơ-vô-giắc, cũng như gặp Cuốc, Gô-li-kô-va Gô-rắc và người chụp ảnh Glô-lô-sếch thêm nữa. Đến chín giờ rưỡi, Đơ-vô-giắc được giải đến phòng tạm giam.

Đơ-vô-giắc không hề có một ấn tượng nào là Vi-ne đã chết. Lần cuối cùng, hắn gặp Vi-ne vào chiều tối Thứ Tư ở quán cà phê “Prahá”. Họ cùng ngồi, uống mỗi người bốn trăm gam rượu vang Giê-bôp-ca nổi tiếng. Vi-ne đưa một khoản tiền, trả công phục vụ cho hắn và nói rằng, có lẽ sẽ không bao giờ Vi-ne đến gặp hắn nữa. Vi-ne nói thoáng qua, rằng đang chuẩn bị kết thúc doanh nghiệp và sẽ chỉ đi đánh cá, đi săn thôi. Máy ghi âm lại toàn bộ câu chuyện của Đơ-vô-giắc. Trước chiến tranh Ya-rô-xláp Đơ-vô-giắc đỡ cử nhân luật và đang chờ đợi một tương lai rực rỡ. Ông ta lấy vợ, thừa hưởng của bố một phòng luật sư với những khách hàng có vai vế. Cô vợ lại mang về làm của hồi môn nửa triệu cua-ron và một chiếc ô-tô. Còn ao ước gì hơn nữa? Tất cả kế hoạch tuyệt vời của ông ta đã bị quân Đức đến chiếm đóng làm hỏng cả! Tai họa xảy đến khi một người bạn học cũ xuất hiện trong phòng luật sư và đề nghị một việc khác thường: giấu giếm ít ngày hai người bạn không được đăng ký ở cảnh sát.

Ông cử nhân luật đồng ý giúp đỡ và ngay buổi tối ấy người bạn học kia đưa hai người bí mật lại. Họ đúng là đã ở tạm trong nhà một đôi ngày, rồi đi mất. Đi đâu, Đơ-vô-giắc không biết. Nhưng chỉ độ một tuần sau, bọn Ghét-xta-pô đã khủng bố. Chúng dẫn ông ta về Sở, và ông ta nhìn thấy hai người bị đánh đập khủng khiếp, chính là hai người đã ngủ trọ tại nhà ông ta, Đơ-vô-giắc từ chối không quen họ, nhưng hình như chính họ đã vạch mặt ông là nói dối!

Đơ-vô-giắc có nguy cơ bị giải đi trại tập trung. Nhưng có một dịp may tới, và để thoát thân ông ta đồng ý thực hiện việc được bọn phát xít, giao một việc mà trước đó, có lẽ ông ta đã thẳng thừng từ chối: Đơ-vô-giắc bắt đầu theo dõi để chỉ điểm cho Ghét-xta-pô những người đang bị truy nã.

Không chịu nổi sự căng thẳng thần kinh, ông ta đóng cửa phòng luật sư và chuyển sang ở tại Đô-bri-khô-vít-xa, nơi có vi-la, do vợ ông ta được bố mẹ cho thừa kế. Ở đó Ghét-xta-pô cũng còn vài lần hỏi đến nữa, nhưng sau cùng chúng cũng đã để cho ông ta yên.



Sau chiến tranh, ông ta được nhận vào làm một công việc thật may mắn, cứ thế leo dần lên theo thang lương, và chiến tranh dần dần bị lãng quên. Bất thành hình, một ngày rủi ro kia, một người lạ xuất hiện đem đến cho ông ta những tấm ảnh đang nghĩ ngợi: đó là các bản phô-tô-cop-py những báo chỉ điểm của Đơ-vô-giắc cho Ghét-xta-pô! Hẳn ta dọa rằng những tấm ảnh đó có thể lọt vào tay cơ quan An ninh. Dần dần, người lạ kia cứ đến thăm hoặc gọi điện buộc Đơ-vô-giắc thực hiện những việc giúp đỡ lặt vặt. Cũng không có gì lớn, nhưng do Đơ-vô-giắc được phép xem một số tài liệu quan trọng, ông ta buộc phải thông báo chúng cho người lạ hay đòi hỏi kia. Người đó tự xưng là Đa-ni-en, nhưng một lần Đơ-vô-giắc quyết định kiểm tra vì tò mò và phát hiện ra, hẳn tên là Bri-nic.

Đó, vậy là có một nhân vật như thế xen vào: Ca-ren Bri-nic, mà chúng tôi biết rất rõ là người của thế giới tư bản, hẳn ta đã bị đầu độc và chết rồi. “Vụ án Bri-nic” đã lãng đi từ lâu.

Nhưng cơ quan có thẩm quyền muốn biết, Đơ-vô-giắc đã làm gì trong thời gian tạm chiếm, và ông ta tỏ ra quá hèn nhát. Nhưng dù sao vạch mặt ông ta có liên lạc với Ghét-xta-pô cũng không có chứng cứ! Sự việc là tên tuổi Đơ-vô-giắc được ghi trong tư liệu hiến binh phát xít, tự nó chưa đủ làm bằng chứng! Đơ-vô-giắc khai rằng chính mình cũng bị bắt vì các bản khai kia, vì ở nhà ông ta có một chiếc đài rất mạnh và nghe được đài Luân-đôn. Bọn Đức thấy ra là ông ta nói không đúng sự thật, và bỏ rơi luôn.

Còn sau này, Đơ-vô-giắc không bị mất việc. Sau sáu tháng tìm việc, ông ta lại xin được chân sửa bài. Trong thời gian này Bri-nic đã biến đâu mất. Đơ-vô-giắc không biết hẳn đã bị bắt hay chuồn ra nước ngoài. Cái chính là Bri-nic không đến ép buộc Đơ-vô-giắc nữa. Rồi hẳn ta mất tích hẳn - điều đó làm Đơ-vô-giắc yên lòng hơn. Nhưng khoảng hai năm trước đây lại có người gọi điện thoại đến chỗ làm việc và dọa trước: Đơ-vô-giắc phải đến quán cà phê “Pra-ha” vào một giờ sẽ hẹn sau vì lợi ích của chính mình. Ông ta không muốn đi, nhưng hoảng sợ, nên lại đành phải tới. Ngồi vào một bàn riêng xong, thì thấy một người hầu bàn đến nói: “Có người mời ông vào chiếc bàn ở góc kia” Đơ-vô-giắc nhìn thấy một người lạ -

cũng không hẳn là lạ, họ đã gặp nhau ở đâu đó rồi. Nhưng ở đâu và khi nào? Đơ-vô-giắc lo lắng chững lại. Người kia, trong lúc Đơ-vô-giắc vẫn không nhớ ra, đã cười nhếch mép:

- Chào ông, công việc ra sao rồi?

Đơ-vô-giắc bắt bàn tay chìa sẵn, nhưng khi người kia nói đến bốn chữ bí ẩn: “hai người đến nhà” thì ông ta cảm thấy như có kim châm, và biết rằng sắp tới lại là những ngày hoảng sợ và nghi hoặc.

- Tôi tên là Vi-ne. Có thể ông nhớ tôi? Chúng ta đều đã già cả. Chiến tranh đã điếm mặt đến chúng ta, và cả hai mươi năm vừa qua cũng cho người ta nhận thức thêm được những điều về nó.

Người lạ nói tiếng Tiệp giỏi, nhưng Đơ-vô-giắc nhận thấy là các âm gió ông ta phát ra không đúng cũng như tìm các thành ngữ biểu hiện chính xác hơi chậm.

- Đây là tiền mà chúng tôi trao cho ông. Mối liên hệ giữa chúng ta đã đứt đoạn, nhưng bây giờ điều đó cũng không quan trọng. Tôi chẳng cần gì, nhưng nếu hôm nay, buổi tối ông rỗi, tôi xin mời ông đến ăn cơm tại nhà hàng “An-krô”. Chỉ có một người ăn thì dễ bị người ta chú ý. Và lại, tiếng Tiệp tôi nói không hoàn hảo. Ông nghĩ sao, cho phép tôi được tiếp kiến buổi chiều nay nhé. Xin cảm ơn trước, tôi sẽ rất vui đấy...

... Chỉ mãi tới lúc ăn, Đơ-vô-giắc mới nhớ ra là đã biết con người kia ở đâu. Vi-ne đã xuất hiện vài lần ngay ở phòng bọn Ghét-xta-pô hồi cung ngày ấy. Hẳn ta là một trong số ít người không hò hét và không đánh Đơ-vô-giắc. Bọn Ghét-xta-pô cư xử với Vi-ne có vẻ kính trọng. Sau này Đơ-vô-giắc mới biết rằng hẳn tên là Soi-man và hẳn là người phụ trách bộ phận đặc biệt của công tác tình báo. Hình như là bộ phận “Phương Đông”. Soi-man trực tiếp phục tùng Ca-ni-ri-xơ hoặc Sen-len-béc.

Vi-ne đưa thêm tiền cho Đơ-vô-giắc. Hai người ăn chiều ở nhà hàng “An-krô”, rồi chuyển sang tiệm rượu, và Vi-ne thì thầm nói với Đơ-vô-giắc là hẳn cần rời bàn ra chỗ quầy bán vé ít phút để gặp một người quen nào đó trong Công ty. Rồi Vi-ne dẫn cả người kia lại làm quen với Đơ-vô-giắc, họ

cùng uống rượu, rồi cùng lên ép người kia, đó là một kỹ sư quê ở Lai-pơ-xích. Trong phòng ông này Đơ-vô-giắc còn thấy có hai cán bộ của Bộ Công nghệ hóa học Tiệp Khắc. Đơ-vô-giắc chỉ nhớ là Vi-ne giả vờ say và ra hiệu là hẳn không thể nói gì được. Cả hai rời khách sạn khi trời sáng. Chia tay với Đơ-vô-giắc, Vi-ne lại đưa thêm tiền và vỗ vào lưng hẳn tỏ ý thân mật.

(VẬY LÀ, CHÚNG TÔI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC LỜI KHAI VỀ MỘT CÂU CHUYỆN CŨ: HÓA RA, CHÍNH LÀ ĐƠ-VÔ-GIẮC VÀ VI-NE - TỨC SOI MAN - ĐÃ DÍNH LÍU VÀO VỤ ĂN CẮP MẪU MỘT LOẠI TƯ NHÂN TẠO, ĐƯỢC TỔNG HỢP Ở CỘNG HÒA DÂN CHỦ ĐỨC, VÀ TỰ DỪNG BỔNG XUẤT HIỆN Ở THỊ TRƯỜNG TÂY ĐỨC NHAN NHẢN VÀO MỘT NĂM TRƯỚC ĐÂY! VI-NE QUẢ LÀ MỘT TAY LÁU CÁ! NHƯNG ĐÂY LÀ VIỆC CỦA PHÒNG 5 TRONG CỤC CHÚNG TÔI).

Rồi tiếp đó không thấy ai đả động gì đến Đơ-vô-giắc trong một vài năm. Và chỉ đến hai tuần trước đây, Đơ-vô-giắc nhận được thư. Tiếp đó, cách đây một tuần lại có thư nữa, thư trước từ Viên, thư sau từ Hăm-bua gửi tới. Vẫn là ông bạn cũ Vi-ne viết, ông ta bảo rằng sẽ lại sắp sang Pra-ha và muốn gặp Đơ-vô-giắc vào thứ sáu, 13 tháng Ba, và lúc 11 giờ ở chỗ gặp cũ.

Đơ-vô-giắc đến quán cà-phê “Pra-ha” và Vi-ne lập tức bước vào. Sau đó hai người đi cách nhau một quãng, ra quảng trường Vát-xláp, họ vào ngồi ở quán “Con ngỗng vàng”. Vi-ne đề nghị Đơ-vô-giắc cất hộ mình vào một chiếc va-li. Đơ-vô-giắc từ chối - vì hẳn ta không phải chỉ sống một mình trong căn hộ, nên việc cất va-li kia là không thể làm được! Nửa giờ sau họ chia tay, và Vi-ne hẹn chính xác với Đơ-vô-giắc sẽ gặp hẳn lần sau, khi nào và ở đâu.

Vào chiều tối Thứ Hai, hai người gặp nhau dưới tiền sảnh khách sạn “Các-lơ-tôn” Và vào mười giờ rưỡi đêm, cùng đi đến Câu lạc bộ khiêu vũ, Đơ-vô-giắc vô cùng kinh ngạc khi phát hiện ra Gô-li-kô-va lại đi cùng với anh chàng Đức đẹp trai đến đó, chả là vì Đơ-vô-giắc đã rất quen cô ả, thường ngủ ở nhà cô ả, và cũng biết rõ người anh họ của cô ả cứ thường bày trò để đến vòi tiền. Chính Đơ-vô-giắc đã giải thích cho Vi-ne yên tâm.

Khi Vi-ne thấy có người chụp ảnh Pích-le với Gô-li-kô-va. Hẳn bảo chuyện ấy không liên quan gì đến cơ quan An ninh đâu, chỉ đơn giản là cô Gô-li-kô-va và ông anh Gô-rắc đang tiến hành một vụ áp-phe nho nhỏ, thế thôi. Và hẳn kể lại tất cả những gì hẳn biết về Gô-li-kô-va. Từ Thứ Hai đến Thứ Tư, Đơ-vô-giắc thường xuyên ở tư thế “sẵn sàng chiến đấu”. Các giờ buổi sáng, hẳn không rời chỗ làm việc một chút nào. Sau bữa ăn trưa, hẳn xin nghỉ một lúc và vào ngồi ở tiệm cà-phê “Pra-ha”, cho đến bốn giờ. Sau đó tới đợi ở tiền sảnh khách sạn “Các-lơ-tôn”. Nhưng Vi-ne không nhờ gì đến hẳn. Chỉ mãi đến chiều tối Thứ Tư - và đó là lần gặp cuối cùng. - Vi-ne mới đề nghị Đơ-vô-giắc ra ngoài quảng trường Vát-xláp.

Hai người tới quảng trường, đi hết quảng trường, mỗi người vẫn đi ở phía đường của mình, rồi quay vào quán cà-phê “Pra-ha” và làm như ngẫu nhiên, gặp nhau ở đấy.

Vi-ne gọi cho mỗi người hai trăm gam rượu vang, rồi đưa cho Đơ-vô-giắc ba trăm mác và một nghìn cua-ron. Họ còn uống thêm mỗi người hai trăm gam rượu nữa, rồi chia tay nhau.

Vi-ne làm gì ở đây, đến đây có nhiệm vụ gì, căn cứ trên mọi yếu tố đã khai thác thì hình như Đơ-vô-giắc không biết, Vi-ne cũng không nói gì với hẳn vì, như lão ta nói, lão không phải ở đây có một mình, còn về mối liên hệ giữa hai người, thì lão không muốn một ai biết cả. Ở Câu lạc bộ khiêu vũ, tuy họ cùng ngồi ở một bàn, nhưng làm ra vẻ như ngẫu nhiên mà thôi. Đơ-vô-giắc biết rằng Vi-ne đang theo dõi người Đức có dáng cao cao kia. Nhưng theo dõi để làm gì, thì Vi-ne không hề nói cho hẳn biết.

Rõ ràng là trong các giờ buổi sáng Thứ Tư và Thứ Năm, Đơ-vô-giắc không thể can dự vào công việc được - hẳn ta không hề rời khỏi phòng sửa bài chút nào. Do vậy “mẻ cá” bắt được cũng rất giá trị, nhưng dù sao vẫn không thật trực tiếp có ích cho công việc trước mắt của chúng tôi. Xét trên mọi phương diện, Đơ-vô-giắc quả thực không biết gì hơn nữa.

Chúng tôi vẫn không phải là những kẻ mới tập sự trong nghề, và Đơ-vô-giắc thì lại rơi vào trúng bẫy đã vây bủa của chúng tôi, nhưng khai

không có gì không khớp, vậy có xác suất cao là hẳn ta đã nói đúng sự thật. Lúc bắt đầu cuộc hỏi cung, chúng tôi đã nói với hẳn rằng, ngài Vi-ne và người thư ký riêng của lão ta là Cuộc đều đã bị bắt, rằng vụ áp-phe đã bị khám phá; chúng tôi chỉ cần xác nhận lại một vài chi tiết, Đơ-vô-giắc không hề biết rằng Vi-ne đã nằm trong phòng giải phẫu, và vì thế muốn thú nhận chân thực để nhẹ tội.

Khi Đơ-vô-giắc đã bị dẫn đi, chúng tôi không còn sức pha nổi lấy một cốc cà-phê nữa. Cơn mệt mỏi rã rời như chết đã ập đến. Các bác sĩ vẫn khẳng định rất đúng rằng một người khỏe mạnh không thể nào ngủ gục hai ngày đêm liền được. Và thế là tôi gục ngay xuống bàn, ngủ thiếp đi.

Có ai lay mạnh vai tôi. Mất vài giây, tôi mới nhớ ra rằng mình đang ở đâu. Một vành trăng đang chiếu vào khuôn cửa sổ trông như con mắt của loài cá nào đó. Ca-bi-sếch đang đứng cạnh tôi. Anh ta đặt tách cà-phê lên mép bàn.

- Dậy thôi, đã một giờ đêm rồi. - Tôi nghe giọng của Gô-mô-la. Để đến phiên tôi ngủ thay cậu chứ! Dậy đi, tôi đang có một tin hay cho cậu đây.

Mí mắt Gô-mô-la cũng díp lại. Hai này nay ông cũng ít ngủ, giỏi lắm, chỉ ngủ hơn tôi độ một tiếng là cùng.

Hai ngụm cà-phê nóng làm tôi tỉnh táo lại. Tôi lại bồn rửa mặt và gội đầu dưới vòi nước lạnh.

Gô-mô-la đưa lại mấy trang giấy đánh máy và ảnh chụp.

- Vi-ne quả là một con cá mập. Tôi đã đề nghị để anh em tìm kiếm, lục lọi hết mọi thứ trong hồ sơ lưu trữ mật những gì cần cho cậu. Tôi chắc cậu sẽ nhận ra hãn trên bức ảnh này.

Quả thực, chính đó là Vi-ne, trẻ hơn nhiều nhưng chính là hãn. Bảnh bao trong bộ quần áo dân sự, đứng khiêm tốn bên cạnh một nhóm người. Toàn là sĩ quan S.S., chỉ trừ có hãn đứng đằng sau.

Lúc ấy hãn mang tên là gì, không ai biết, Đơ-vô-giắc bảo là Soi-man. Hãn là hãn có không ít tên họ khác nhau. Và cũng không ai biết gì thật rõ ràng, đầy đủ về hãn, đến bây giờ chắc ai vẫn còn nhớ thì chỉ có thể dự đoán rằng, hãn vốn là một viên chức cỡ bự của cơ quan tình báo phát-xít.

Gô-lô-man nhìn vào trang đánh máy và chỉ tay lên một đoạn đáng lưu ý:

- Không loại trừ khả năng là Vi-ne đến đây không chỉ vì cuốn mi-crô-phim do Pích-le đánh cắp kia đâu. Có thể hãn còn những công việc khác ở đây nữa. Vì thế, cậu hãy khai thác thêm ở Cuốc. Hãn là Vi-ne không những chỉ làm việc cho cơ quan tình báo Tây Đức, mà còn cả cho bọn Mỹ nữa. Và

cũng có khả năng cộng tác với nhiều tổ chức chuyên môn khác. Rất tiếc là hẳn lại bị giết mất... Dù đó là kết cục tất yếu của một kẻ như hẳn. Bây giờ đi ngủ đã. Nếu có gì cần cứ đánh thức, đừng ngại...

Chỉ còn lại tôi và Ca-bi-sếch. Tôi bảo:

- Ta đi thôi!

Và hai chúng tôi cùng xuống cầu thang đi đến y xá chỗ Cuốc. Chúng tôi ở đó độ một giờ, nhưng cũng không phát hiện được gì thêm. Cuốc không biết gì về những việc khác của Vi-ne và không giấu điều đó. Anh ta cũng không cung cấp được gì khác hơn là tên người và số điện thoại đã được ghi trên mẫu giấy bị đốt cháy mất.

- Ông Cuốc, xin hỏi ông câu cuối cùng: Pích-le có gọi điện đúng theo số đã ghi trên đây không? Ông có nhớ chính xác là Vi-ne đã nói với ông như vậy không?

- Tôi nhớ chính xác. Vi-ne rút nó từ trong sổ ghi của Pích-le. Sau đó giờ cẩn thận từng tờ, xem có phát hiện thêm được gì đáng lưu ý nữa không. Mảnh giấy thì ông ta tìm thấy ngay, vì ông ta nhớ rõ Pích-le đã giấu vào đâu. Vì thế, ông ta phải lấy ngay cuốn sổ, vì sợ khi khám xét đồ đạc của Pích-le các ông phát hiện ra và sẽ săn đuổi theo dấu vết.

- Vi-ne có thể nhầm lẫn?

- Tôi nghĩ là không. Vi-ne gây cho tôi một ấn tượng rằng, ông ta là một người nắm rất vững việc mình làm và không bao giờ bị mất phương hướng. Khi cầm mảnh giấy có số điện thoại, ông ta nói: “Phơ-ri-đrich, cậu nhớ hộ những gì được ghi trên này. Đây chính là kẻ bán phim cho Pích-le. Theo số điện này, Pích-le đã gọi điện cho người mà anh ta phải gặp trong quán cà-phê.” Tôi rất nhớ những lời của ông ta.

Sau đó, chúng tôi lại cho dẫn Đơ-vô-giắc tới. Hẳn ta không ngủ, và lo lắng, cứ đi đi lại lại mãi trong phòng tạm giam. Hẳn gọi xin một cốc sữa và chiếc bánh sừng bò, ngoài ra không muốn ăn gì nữa. Mặt hẳn tái xám. Tôi nghĩ, ngay cả tôi và Ca-bi-sếch chắc trông cũng tiều tụy thế.

Hắn có thể nói được gì thêm không? Chưa quá nửa giờ sau, chúng tôi đã hoàn toàn tin chắc rằng hắn không biết gì hơn so với những điều đã kể.

Khoảng ba giờ rưỡi sáng, chúng tôi lại mời Gô-li-kô-va, ông anh họ và Clô-vi-sếch, người chụp ảnh, lên hỏi. Trước tiên, chúng tôi hỏi chuyện từng người biệt lập, rồi sau đó mới để ngồi cùng. Cuối cùng chúng tôi cho cả Đơ-vô-giắc tới. Nhưng tất cả đều vô ích. Đưa họ trở lại chỗ tạm giam xong, tôi ra lệnh chuyển vụ án của họ sang Viện kiểm sát. Ca-bi-sếch kiếm đâu được một chai bia Pli-đen. Từ sáng, cơn mệt đã giảm bớt, và sau khi uống cốc bia, kể cũng lạ, tôi lại thấy người phấn chấn hẳn lên.

“Khoảng năm giờ, tôi gọi điện đến khách sạn “Các-lơ-tôn”. Sê-đi-vư lập tức nhắc ống nghe lên, như thể đang chờ tôi. Ở khách sạn yên tĩnh, không có gì đặc biệt. Nếu anh ta không được đổi phiên, anh ta sẽ buồn ngủ chết mất! Tôi đã định bảo anh ta rằng anh ta phải sẵn sàng ngồi ở đó vô hạn định, không khéo đến già mới xong việc, nhưng thấy anh có vẻ nản quá, nên tôi lại hứa là sẽ đến trực vào sáu giờ sáng.

Anh ta còn muốn nói điều gì nữa, nhưng tôi cắt ngang:

- Hôm nay có mấy người đi khỏi khách sạn?

Sê-đi-vư trả lời là khoảng ba chục người, và bắt đầu đọc danh sách những ai đi đâu, vào giờ nào, v.v... Nhưng tôi một lần nữa lại ngắt lời và bảo anh, thôi để đến sáng khi anh về đây, mang theo danh sách cũng được. Mỗi người này sẽ bị khám xét cá nhân - một thủ tục không được thích thú lắm - ở biên giới. Các chiến sĩ hải quan và công an biên phòng đã sẵn sàng. Gô-mô-la quan tâm đến việc ấy từ hôm kia.

Nhưng tôi đã nhầm to: Xmi-ran té ra không ngủ. Cả đêm, anh ta ngồi nghiên cứu các tập danh bạ điện thoại, và đúng sáu giờ, anh đến phòng tôi, mang theo tập sách dày cộp:

- Tôi đã nghiên cứu và tin rằng cầu thủ Nô-vắc nói đúng. Không có số danh bạ điện thoại nào của các thành phố lớn Tây Đức lại có điện thoại năm chữ số cả. Ban đêm, tôi còn đến trung tâm điện thoại quốc tế, xem cả danh bạ điện thoại các thành phố lớn của các nước khác. Tôi bỏ hai tiếng ra



thử nói chuyện và hỏi những người có quan hệ ở Luân Đôn, Pa-ri, Mi-an, Duy-rích, Xtốc-khôm. Tôi nhìn thấy cả số ở Cô-lô-nhơ của Pích-le và của Éc-nét Nô-vắc. Tôi kiểm tất cả các tên Nô-vắc ở tất cả các quyển danh bạ. Thật điên đầu! Chỉ riêng ở các thành phố lớn Tây Đức đã có hơn 300 người cùng họ là Nô-vắc! Và không một người nào trong số đó có điện thoại 5 chữ số!

Ca-bi-sếch cũng lật lật các cuốn danh bạ dày ra, và gật gật đầu khi nghe Xmi-ran nói. Tôi cầm lấy cuốn số điện thoại ở Cô-lô-nhơ, lật ra vần “N”, có hai mươi bảy người có họ là Nô-vắc hoặc Nốp-vắc. Nhưng chưa phải là nhiều, nếu so với số điện thoại “Pra-ha”, ở đó có 648 người họ Nô-vắc và còn thêm 165 người họ Nô-va-kốp nữa!

- Biết làm gì bây giờ với đống danh bạ này? Hay cứ để tạm ở đây đã nhé?

- Phải gọi đến trung tâm điện thoại bảo rằng chúng ta sẽ trả đống số sách này vào đầu giờ chiều nay.

Xmi-ran đi ăn sáng. Sau đó anh đến thay cho Sê-đi-vư ở khách sạn “Các-lơ-tôn”.

Tôi rút từ trong ngăn kéo bàn cuốn danh bạ điện thoại Pra-ha. Có 648 Nô-vắc, trong số ấy một phần tư là có điện thoại năm chữ số. Có ai trong số người này đã bán cuốn mi-crô-phim có các bản vẽ kỹ thuật cho Pích-le hay không? Khoảng mười lăm phút, trong phòng làm việc hoàn toàn im lặng, chỉ có tiếng giờ giấy sột soạt. Khi Gô-mô-la xuất hiện ở ngưỡng cửa, trong đầu tôi đã hoa lên vì các con số.

- Có gì mới không, các cậu?

- Không. Chúng tôi đang mù mịt vì đống danh bạ điện thoại này đây!

Thiếu tá quay ra và bỏ đi, còn tôi lại cắm cúi vào với các con số điện thoại: Nô-vắc A-dôn-phơ, Nô-vắc An-tô-ni. Khoan đã, hãy hỏi chỗ Ban giải mã xem họ có thông báo gì mới không nhỉ?

- Không có gì thêm, đồng chí thượng úy ạ. Chúng tôi đã đề nghị vài phương án để họ tìm cách giải. Họ cũng cho vào máy điện tử, nhưng những câu trả lời là vô ý nghĩa. Chúng tôi sẽ còn thử, nhưng có vẻ như hướng này không có kết quả. Đến lúc đó, chúng tôi sẽ báo ngay để đồng chí rõ.

Quý quái thật, vậy những con số kia có ý nghĩa gì? Ở Ban giải mã có máy điện tử hiện đại nhất, cái máy chiếm gần hết gian phòng, vậy mà nó cũng chẳng giúp được gì! Hoặc là các con số này được nghĩ ra, hoặc là Cuộc nhâm, hoặc các cách giải mã hãy còn đơn giản, và nếu bằng cách tính toán phức tạp hơn nữa thì máy cũng chịu chẳng?

Mắt tôi lại bắt đầu muốn díp lại.

- Đừng ngủ! - Ca-bi-sếch lay vai tôi. - Mình đã để ý cậu được năm phút. Cứ tưởng cậu đang nghiên cứu danh bạ, té ra là cậu bắt đầu ngáy ngon lành rồi!

Tôi lại ra rửa mặt dưới vòi nước lạnh. Sau đó mở toang cửa sổ, và thở hít vài cái thật sâu.

- Có cà-phê chưa? Mình cũng biết là mình trông buồn cười lắm, nhưng chỉ vì các con số cứ quay đảo trước mắt như những vòng đua ngựa ấy! Lúc chưa sờ vào đồng danh bạ này, mình vẫn ngồi đúng tư thế lắm! Nhưng bây giờ thì hỏng quá. Giống như cái việc đuổi mèo mà chỉ nắm lấy đuôi! Nhưng dù sao cũng rõ như ban ngày, rằng các con số ấy sẽ như một đường dây dẫn đến người đã bán phát mình kia...

- Được rồi, bây giờ hãy uống cà-phê đã, rồi sau hãy hay...

Cà-phê cũng chẳng giúp gì được tôi. Có lẽ phải uống một viên. Tôi ngồi vào bàn, thò tay lục lọt ở ngăn kéo dưới. Thuốc để mãi ở sâu bên trong, phía phải. Có lẽ lần tìm ra được. Tôi có trí nhớ rất tốt, và tôi nhớ rõ là mình đã để ở đâu. Tôi cúi xuống bàn, nheo mắt và lục kỹ trong ngăn kéo. Đây rồi, à không phải, hộp khác... Chính nó đây rồi...

Nhưng tôi không tìm thuốc uống nữa! Vì khi cúi người xuống, mắt tôi cách mặt bàn khoảng mười phân, trên đó có đặt bản danh bạ điện thoại Pra-

ha và có một ý nghĩ vụt lóe sáng trong đầu tôi, y như tỉnh thức: “Xong rồi! Bí mật đã được khám phá ra!”

Đầu tiên, tôi không tin ở mắt mình. Rồi tôi vụt đứng lên. Chiếc ghế sau tôi đổ kèn.

- Phran-ta, mình hiểu ra rồi! Danh sách những người làm việc ở Viện ô-tô đầu? Cái bản O-bla-sếch mang về ấy?

Ca-bi-sếch lúc ấy đang đổ nước nóng từ ấm đun sôi vào các tách đặt trên chiếc bàn con, nghe tôi nói, anh há hốc mồm kinh ngạc, đứng lạng như một pho tượng thánh. Đến nỗi lần đầu tiên tôi mới nhìn rõ ở hàm răng trên anh có một chiếc răng bịt vàng. Nước sôi đổ cả ra tay và anh giẫy nảy người lên. Anh đặt ấm xuống và nói khàn khàn:

- Danh sách trên tấm bảng gấp có bản lẽ.

Tôi lấy xuống, giở ra, trang một, hai, ba... Đúng rồi. Hẳn đây!

- Nhanh lên, gọi điện đến Viện, số mấy? O-bla-sếch ngồi đâu? Nhanh lên kẻo lỡ mất.

Quyển danh bạ rơi xuống bàn, chúng tôi cùng cúi xuống nhặt nó và, y như trong một vở hài kịch vụng về, chúng tôi đập trán vào nhau. Ca-bi-sếch nhanh nhẹn hơn, anh đã kịp quay số và đưa ống nghe cho tôi.

Chỉ cần O-bla-sếch đừng đi vắng đâu lúc này! Tiếng chuông réo khoảng mười giây, tôi bắt đầu nóng ruột. Vậy là cuối cùng đã tìm ra!... O-bla-sếch đã cầm máy lên.

- Không còn thì giờ để nói gì thừa nữa. Cậu đọc thật nhanh tên và địa chỉ tất cả những Nô-vắc làm việc trong Viện. Tất cả! - Tôi nói với O-bla-sếch.

Tôi chờ. Ca-bi-sếch chưa hỏi gì tôi cả, vẫn cứ mang một tách cà phê đến cho tôi.

- Cảm ơn, để khoan đã, mình còn kiểm tra... Đúng cả rồi! Cậu chú ý nhé! Cậu hãy đi tìm ngay lập tức tên người cuối cùng cậu đọc này và báo

cho mình những gì cần biết ngay. Mình chờ nhé!

Trong lúc tôi ghi lại địa chỉ, tên họ người kia từ sổ danh bạ ra. Ca-bi-sếch lại gần tôi.

Một tay vẫn giữ ống điện thoại, tay kia tôi đẩy cho Ca-bi-sếch nhìn sổ danh bạ và lấy tay ra hiệu là dấu hiệu gì đã bắt thần đẩy tôi đến ý nghĩ mới mẻ này.

Cuối cùng O-bla-sếch đã quay lại. Anh gọi cho tôi, thông báo ngắn nhưng rất có ích: người kia tóc bạc, khoảng 54 tuổi.

- Tuyệt lắm! Chúng ta sẽ lại nhà hăn, đưa hăn về đây...

Và, trong lúc tôi đã bình tĩnh lấy ngón tay lần lượt dò theo danh sách những người cùng tên là Nô-vắc trên sổ danh bạ, Ca-bi-sếch đã phát lệnh:

- Sĩ quan trực nhật đâu? Nhóm của thượng úy Pa-tốt-xky đây. Gọi ngay một xe ô-tô có bộ đàm, ba phút nữa chúng tôi cần đi. Mời cả kiểm sát viên Ben-đu tới Cục, khoảng một tiếng đồng hồ nữa, còn thiếu tá Gô-mô-la à, để chúng tôi tự thông báo lấy.

Sô-đi-vơ xuất hiện trước cửa. Anh báo cáo là đã tạo râu, ăn sáng và sẵn sàng làm nhiệm vụ.

- Rất tốt. Cậu đi với chúng mình: Có súng đấy chứ?

Anh mở to mắt:

- Sẽ chạm trán đấy à?

- Phải. Nhưng cậu nhanh lên!

Thiếu tá nghe tôi báo cáo chỉ nửa câu đã hiểu ngay.

- Các cậu đi ngay. Tôi sẽ đi theo. Cẩn thận nhé!

Lúc ấy, chúng tôi chưa hình dung được rằng thành công của chúng tôi chỉ phụ thuộc vào yếu tố tốc độ.

Một người đàn bà tầm vóc nhỏ, mời chúng tôi vào nhà. Trong mắt bà ta lộ rõ nỗi hoảng hốt. Trả lời câu hỏi chồng bà đâu, bà nói là ông ta đi lĩnh tiền. Ngày hôm nay là ngày lĩnh lương, ông ta đã đi khoảng một giờ trước đây, sắp đến lúc phải về nhà.

Chờ đợi hay đi đón bắt? Ở Viện đã có nhóm O-bla-sếch rồi. Chúng tôi nên chờ ở đây.

Chúng tôi trao đổi với bà Nô-vắc vài câu và thấy rõ là bà rất sợ, như đã mừng tượng thấy có chuyện gì đó vẫn nghi ngờ từ trước. Nhưng bà ta chỉ trả lời được đôi câu thì vừa nghe tiếng vạn khóa cửa. Tôi ra hiệu cho bà im lặng.

Nghe rõ ở phòng ngoài có ai đó cởi áo bành tô và giầy. Sau đó cửa vào bếp mở ra. Nô-vắc chưa kịp có một hành động gì, thì Ca-bi-sếch và Se-đi-vư đã nắm lấy hai tay. Đó là một người có tuổi, tóc đã bạc nhiều, lại hơi thọt chân. Ông ta không kịp chống cự gì, ngồi xuống ghế và buông thõng hai tay xuống. Chúng tôi khám xét nhanh chóng trên người ông ta, không có vũ khí. Đầu cúi gục xuống, hầu như ông ta cam chịu với tai họa đang ập xuống đời mình. Vậy là tôi đã không lầm: đây chính là người đã bán bằng sáng chế cho Pích-le!

Chúng tôi chưa hỏi một câu nào thì có chuông gọi cửa. Tôi lập tức quay lại phía bà vợ Nô-vắc.

Bà ta ngồi trên đi-văng, hai tay khép vào trong hai đầu gối, mặt đầy nước mắt. Bà nhún vai, tỏ ý không hiểu.

- Có thể đấy là bà Gơ-rây-sa, hàng xóm...

- Bà cứ ra mở cửa. Và nói là trong nhà có khách.

Chúng tôi ra phòng ngoài. Bà Nô-vắc ra mở cửa và tôi bước đến gần chiếc mắc áo, làm ra bộ như vừa mới đến.

Không phải là bà hàng xóm. Cũng không phải O'-bla-sếch. Một người đàn ông đứng ở cửa. Ông ta lầm bầm cái gì đó và hỏi ông Nô-vắc.

Và ngay lúc đó, trong bóng tối của Phòng ngoài ông ta nhìn thấy tôi. Ông ta cúi đầu chào, xin lỗi và nói rằng để lúc khác sẽ đến, khi nào nhà không bận khách.

Bà Nô-vắc đóng cửa lại sau lưng ông ta.

- Ai đấy? - Tôi hỏi nhỏ và có một cảm giác lo lắng, hình như mình vừa phạm phải sai lầm.

Ba ta nhìn tôi hoảng sợ, rồi nhìn lại ra phía cửa đã đóng và trả lời thì thào:

- Tôi cũng không biết, tôi chưa từng gặp người này bao giờ.

Nhưng tôi hình như đã gặp rồi! Dù ở ngoài hành lang khá tối, tôi tin chắc là mình đã gặp người kia ở đâu đó! Khuôn mặt có nhiều nếp nhăn, cái cách nói độc đáo - đó là âm "ta" phát ra rất điển hình,

- Sê-đi-vư! Cậu lấy đầu mà chịu trách nhiệm về Nô-vắc nhé! Đừng cho ông ta cựa quậy đi đâu. Và không được để ông ta trao đổi với vợ cậu nào. Chúng tôi sẽ quay lại ngay. Phranta, chạy mau!

Chúng tôi nhón chân chạy xuống từ tầng bốn. Trong đầu vẫn nung nấu câu hỏi: Ai nhỉ? Chính Ca-bi-sếch cũng hỏi lên thành lời câu ấy, khi chúng tôi xuống đến tầng hai. Tôi nghiêng đầu về phía anh, vừa chạy vừa nói khẽ:

- Mình cũng chưa nhớ, nhưng rõ ràng là đã có gặp. Đừng để hấn ta chạy thoát!

Ngoài hành lang yên tĩnh. Cái yên tĩnh chỉ có ở những ngôi nhà gạch cũ kỹ. Chúng tôi chạy vọt ra phía cổng ra vào của khu nhà. Người lạ chưa thể đi đâu xa được. Cẩn thận, có thể hấn cũng đang theo dõi để phòng với mình. Tôi cúi người, hơi đẩy hé cửa. Đột ngột đúng lúc ấy như có ai đó giáng vào giữa cửa một que sắt. Ở ngang tầm đầu người, một mảnh gỗ vỡ từ dầm cửa rơi xuống đất: một viên đạn bay vèo, rơi ngay ở cầu thang thông xuống tầng hầm, rít lên một tiếng.

Ca-bi-sếch huýt sáo một tiếng, quay lại phía tôi.

- Đừng ló ra vội nhé! để mình lên tầng hai, xem hắn ở đâu.

Tôi chờ dấu hiệu của Ca-bi-sếch, trong khi đứng nép vào bên cửa. Từng giây trôi qua chậm chạp như hàng thế kỷ. Trong nhà và ngoài cửa đều lạnh như tờ. Hắn chạy rồi sao? Phải xông ra! Tôi cúi thật thấp, lại hé cửa. Một phát đạn nữa vẩy vào đúng tầm người, và rơi xuống cầu thang. Tôi lạnh sống lưng, giá không cẩn thận, thì vừa rồi đã là cử động cuối cùng của tôi!

Từ trên gác có tiếng huýt sáo, nhưng tôi chưa kịp trả lời Ca-bi-sếch, thì đã thấy tiếng súng nổ. Ca-bi-sếch bắn một, hai, rồi ba phát. Trong ngôi nhà cũ, tiếng súng nghe như sấm nổ.

Từ bên ngoài có tiếng bánh xe rít. Và Ca-bi-sếch kêu:

- Hắn lên xe rồi!

Phải nhảy ngay ra phố, đường phố rộng mở, ngập ánh mặt trời kia!

Tôi đẩy cửa bằng vai, cúi rất thấp, nhảy vọt ra và lao tiếp ra mặt đường nhựa, nằm ẹp ngay xuống.

Ở phía sau cửa một chiếc xe “xim-ca” xanh, cách tôi khoảng trên ba mươi thước, có ánh lửa lóe lên một cái, và tôi cũng lập tức bắn trả vào xe. Trên đầu tôi, khẩu súng của Ca-bi-sếch vẫn tiếp tục nhả đạn. Tôi trườn ra sau cột đèn, bắn thêm hai phát nữa, và thấy xung quanh yên lặng.

Ca-bi-sếch hất cái gì đó trên cửa sổ. Chiếc xe xanh, té ra đã ngoắt ngay sang một phố phụ. Bắn bây giờ nữa là vô ích, khoảng cách đã quá xa. Tôi chạy đuổi theo.

Từ góc phố, một chiếc xe “Ta-tơ-ra” đen phóng ra, lao vào chiếc “Xim-ca”. Chiếc “Xim-ca” cố gắng xoay tay lái, tránh chiếc “Ta-tơ-ra” kia. Một tràng súng trường tự động nổ vang, tiếng kính vỡ loảng xoảng, tiếng sắt xiết vào nhau nghe chói tai. Những âm thanh ấy đã đánh thức cả căn phố yên tĩnh. Ở phía trên cao, một giọng phụ nữ lạnh lạnh thét lên trong ô cửa sổ. Đằng sau tôi, những tiếng ồn ào cất lên.

Tôi thay ổ đạn mới, lăm lăm khẩu súng trong tay, chạy lại chỗ xảy ra va chạm.

Ca-bia-sếch và hai nhân viên khác mở cửa xe “Xim-ca”

- Hẳn có sao không? - Tôi cố gắng điều hòa lại hơi thở. Đầu người ngồi trong chiếc “Xim ca” vỡ và gục xuống, hai tay vẫn nắm chặt vô-lăng. Bên cạnh là khẩu súng lục có nòng dài. Hẳn lại cố ngẩng lên và nói một câu gì đó. Chúng tôi lôi hẳn ra khỏi xe và đặt nằm xuống hè đường. Hẳn ta mở mắt. Một nụ cười mai mĩa thoáng qua trên khuôn mặt xám, nhiều vết nhăn. Và, trong giây phút ấy, tôi đi kịp nhận ra hẳn!

- Dù sao thì các ông cũng đã bắt được tôi, bọn đều! Thế là... Grand J. est parti<sup>[5]</sup>!

Cơ thể hẳn ta bị co giật ghê gớm. Đầu ngật sang một bên, mép sùi bọt. Những ngón tay bên phải cào cào xuống mặt đường.

- Hẳn nói gì? - Tôi kéo áo Ở-bla-sếch hỏi.

- Hẳn bảo là chúng ta đã bắt được hẳn, thế là J. vĩ đại đã đi mất rồi.

Ca-bi-sếch hỗn hển chạy lại. Hai nhân viên của Ở-bla-sếch và người lái xe “Ta-tơ-ra” yêu cầu mọi người tò mò hãy giải tán. Có hai xe nữa vừa kịp tới, một chiếc là của Gô-mô-la.

Bác sĩ do Gô-mô-la dẫn tới, đẩy tôi ra và nắm lấy tay người đang nằm trên đường, sau đó nhắc đầu hẳn lên:

- Trời ơi, giống như hẳn ta bị ngộ độc.

- Ai vậy? - Gô-mô-la hỏi tôi khe khẽ.

Ca-bi-sếch và Ở-bla-sếch đứng sau lưng thiếu tá, cũng cùng nhìn tôi và dò hỏi.

- Chính là một người ở trong khách sạn! Rất đáng tiếc là hẳn ta không thể nói được nữa. Xin giới thiệu với các vị, thương gia Gioóc-giơ Vít-ke. Chính là nhân vật chủ gánh xiếc, sống ở ngay phòng trên đầu Vi-ne và



Cuốc ở “Các-lơ-tôn”. Tôi tin rằng chính hắn đã giết Vi-ne và chút nữa thì đã cho cả tôi đi châu trời!

Xác Vit-ke được cho lên xe và đưa về phòng giải phẫu. Trong khi công an giao cảnh làm biên bản về vụ tai nạn xe cộ, tôi và Ca-bi-sếch phải chạy về lo việc vợ chồng Nô-vắc. Tôi ra lệnh cho Sê-đi-vư ngay lập tức lục soát phòng Vit-ke trước khi đưa nhóm kỹ thuật đến.

Sau đó tôi hỏi O-bla-sếch, vì sao anh đến xử trí được kịp thời. Thì ra, ngay sau khi nhận điện của tôi, anh đến viện tìm Lê-ô-pôn Nô-vắc ngay. Ở viện, người ta trả lời là Nô-vắc vừa ở đó, và đã trở về nhà rồi. O-bla-sếch lên xe và cho xe chạy dọc theo phố Vư-xô-tra-nư, tức là con đường mà Nô-vắc thường đi về nhà.

Trên phố Nô-vắc ở, lúc đó rất yên tĩnh và vắng vẻ. O-bla-sếch bật điện đài để liên lạc và nắm tình hình, vì không nhìn thấy chiếc xe của chúng tôi. Người lái cẩn thận đã đưa nó vào giữa hai khối nhà ở đầu kia dãy phố. Người lái xe chúng tôi thông báo cho O-bla-sếch rằng hai chúng tôi đã vào nhà khoảng 5 phút rồi. Sau đó ở Cục báo về, rằng Gô-mô-la đang trên đường đến đây.

- Rất tốt. Vậy ta dừng xe tại chỗ đã. Chúng ta canh chừng ở đầu phố đằng này. Hãy tạm chờ ba phút nữa. Sau đó, chúng ta sẽ tiến đến trước ngôi nhà số 43 kia.

O-bla-sếch chưa kịp tắt điện đài thì trong im lặng đã thấy có tiếng súng vang lên. Hai nhân viên đi cùng O-bla-sếch định nhảy ra khỏi xe, nhưng anh ngăn họ lại, và ngay lúc ấy, họ nhìn thấy chiếc “Xim-ca” đang tăng tốc bỏ trốn. Người lái xe “Xim-ca” cũng bắn lại đằng sau, về từ đằng sau cũng vang lên tiếng súng.

- Không cho nó chạy thoát! - O-bla-sếch ra lệnh - Chặn đường nó, tất cả năm ẹp xuống!

Anh mở cửa bên và gương khẩu súng trường tự động lên. Người lái “Ta-tơ-ra” bóp cò inh ỏi. Người chủ chiếc xe “Xim-ca”, sợ đâm phải chiếc “Ta-tơ-ra” đã cố gắng ngoặt tay lái sang bên, cho xe lên vỉa hè. Khẩu súng

trường tự động khạc đạn, chiếc “Xim-ca” quay nghiêng, chiếc “Ta-tơ-ra” đâm vào nó. Và tất cả kết thúc ở đây.

Người trực nhật mang cà-phê lại, nhưng tôi không còn tay để cầm tách: hai tay đang nhấc hai máy điện thoại.

Tôi chuyển một ống nghe cho Ca-bi-sếch, còn tay kia áp tai nghe báo cáo sơ bộ về cuộc khám xét nhà Lê-ô-pôn Nô-vắc. Anh em tìm được ở đây một nghìn đồng mác Tây Đức, một tập ngân phiếu, mỗi ngân phiếu mười đô-la, một chiếc máy ảnh “Kô-đắc” và hai cuộn phim có độ nhạy rất cao. Cuộc khám xét vẫn đang tiếp tục.

Một nhóm khác làm việc ở phòng 416 của khách sạn “Các-lơ-tôn”. Thông báo của họ cũng rất đáng chú ý. Họ đã tìm thấy một thiết bị cực nhỏ nhưng có công suất rất mạnh. Chỉ cần áp nó vào tường hoặc sàn nhà là có thể nghe thấy hết những tiếng nói ở phòng bên hoặc ở phòng dưới.

Vậy là Vi-ne và Cuốc đã đến đây để ăn cắp cuộn mi-crô-phim ở Pích-le, còn Vít-ke cũng vì cuộn phim ấy, đã từ Vác-sa-va sang đây.

Không một ai trong số họ gặp may! Ba cái xác, và cả ba chết đều không phải lỗi của chúng tôi. Từ phòng giải phẫu điện đến: trên đùi phải của Vít-ke phát hiện được hai vết đạn, đó là vết đạn của O-bla-sếch. Nhưng không thể dẫn tới tử vong. Vít-ke đã chết vì một chất độc, mà trong chiếc ca-vát của hắn ta còn lại chiếc ăm-pun pun chứa chất độc ấy, được khâu kỹ ở bên trong. Khi hiểu rằng mình bị bại lộ, Vít-ke đã cắn vỡ đầu ăm-pun ấy.

Trong chiếc “Xim-ca” chúng tôi còn tìm thấy một chiếc máy ảnh nhỏ xíu, trông giống như chiếc bật lửa. Cuộn phim tí hon đã được rửa sẵn, trên hai tấm ảnh chúng tôi nhìn thấy rất rõ hình Pích-le và Lê-ô-pôn Nô-vắc trong quán cà-phê “Xla-vi-a”. Đó là chứng cứ rõ ràng về việc Vít-ke đã giết Vi-ne và đoạt chiếc máy ảnh, - bật lửa kia.

- Hãy tìm kỹ, cả ở trong xe, cả ở trên phòng. Cần phải tìm cho ra một cuộn mi-crô-phim nữa, hoặc một chiếc khuy áo.

Vậy là đã rõ, vì sao Vít-ke “vào nhằm” phòng Vi-ne. Ông ta biết chúng tôi tiến hành điều tra và đã đến để nhìn tận mắt, nắm tình hình, nhận mặt chúng tôi, và tìm xem, ai là người phải đề phòng nhất. Một nước đi liều lĩnh, nhưng tôi cũng không thể không đánh giá lòng can đảm của Vít-ke! Nếu không có cuộc gặp ấy, chắc hẳn cuộc chạm súng đã xảy ra ngay trong nhà Lê-ô-pôn Nô-vắc hôm nay! Nhưng vì Vít-ke nhìn thấy tôi, nhận ra ngay và nghĩ rằng rút lui là thượng sách!

Chúng tôi ra sân bay vào buổi sớm đẹp trời để tìm các cầu thủ Cô-lô-nhơ.

Các cầu thủ chờ giờ lên máy bay ở một phòng riêng. Các nhà báo cũng ngồi cùng với họ ở đó. Đầu tiên, tôi phát biểu ngắn gọn, sau đó là Véc-na, mới sáng sớm nay bay từ Phơ-răng-phua đến cùng với Brao, viên chánh cảnh sát Tây Đức, để thông báo cho chúng tôi kết quả điều tra ở Cô-lô-nhơ.

Hai cầu thủ vắng mặt trong đội: Phơ-răng Pích-le và thủ môn Han-xơ E-véc.

... Vạch vôi trắng hình chữ nhật ở khu phạt đền đã qui định rõ ranh giới của khoảng sân mà mỗi vi phạm thô bạo ở đó đều bị xử phạt bằng quả phạt đền 11 mét. Trong cuộc sống, hình phạt đối với tội lỗi gây ra còn nghiêm khắc hơn. Sự việc xảy ra với thủ môn E-véc sẽ do tòa án Cộng hòa Liên bang Đức xét xử. Nguyên cơ của việc giết người là ghen tị, Han-xơ E-véc ghen tị không những với cách sống của Pích-le, mà với cả việc kết hôn của anh ta. E-véc đã làm quen với vợ Pích-le, hai người vẫn thường hay gặp nhau và hay đi chơi cùng với nhau.

Khi Cuốc được lệnh theo dõi Pích-le ngay từ Cô-lô-nhơ, hắn đã phát hiện ra ngay quan hệ giữa vợ Pích-le và E-véc. Đối với vợ Pích-le, Cuốc không cần để ý, nhưng với E-véc thì hắn đã có một cuộc trò chuyện thẳng thắn. E-véc đã trả mười ngàn mác cho tên “chuyên viên có bàn tay vàng” kia, để Cuốc khử Pích-le. Và hắn hứa sẽ trả thêm gấp bốn, nếu hắn trở thành người trong gia đình Ôp-pen-hai-mơ.

Do vậy, Cuốc đã nhận hoàn thành một nhiệm vụ phụ đi kèm bên cạnh việc chính. Từ đó mà xuất hiện chiếc kim tẩm thuốc độc trong giày Pích-le.

Nhưng việc giết Pích-le hoàn toàn không nằm trong kế hoạch của các ông chủ! Vì việc ăn cắp sáng chế kia phải hoàn toàn bí mật, và không bị ai

đề ý. Chính Vi-ne đã phải trả giá đắt do việc làm vỡ kế hoạch bí mật kia. Và Grê-gô-ri đã cử sang Pra-ha một con “linh cầu”!

Khu phạt đền đã trở thành sai lầm không cứu chữa nổi cho cả hai người: E-véc và Cuốc! Trong lúc đối chứng về sau này, có mặt đại diện của cảnh sát Cộng hòa Liên bang Đức, Cuốc đã phải thú nhận rằng hãn giết Pích-le là do E-véc xúi giục, bố trí. Cuốc cũng muốn đổ hết tội cho E-véc, nhưng việc hãn ta hoảng hốt đến mất thăng bằng trong lần thổi “gí điện” hãn với chiếc giày, đã là bằng chứng không bác bỏ nổi về tội lỗi của hãn. Chính hãn đã găm kim. Chánh cảnh Brao đã tiến hành điều tra kỹ lưỡng và nhanh chóng ở Cô-lô-nhơ và đã xác nhận rằng E-véc và Cuốc đã có gặp nhau mấy lần trước hôm đến Pra-ha.

E-véc trở cứng ra, tỏ vẻ dửng dưng trước mọi sự, chỉ sau khi hỏi cung xong, anh ta mới nói:

“Tôi chẳng hối tiếc điều gì! Cái chính là Phơ-răng Pích-le đã kết thúc cuộc sống chung kinh khủng với cô ta rồi!”.

Kiểm sát viên chờ chúng tôi trong phòng thiếu tá. Tôi có nhiệm vụ phác lên một bức tranh toàn cảnh, tổng hợp toàn bộ vụ án vừa điều tra ra.

Từ khi Lê-ô-pôn Nô-vắc được biết về công việc của nhóm kỹ sư Đa-vi-đếch đương tiến hành, hẳn ta tính toán được ngay “giá trị” của một phát minh cỡ như thế là bao nhiêu.

Trên tính cách, Nô-vắc là một kẻ phiêu lưu. Trước chiến tranh, hẳn ta đã đi khắp các tỉnh nước Pháp làm người chào hàng cho một hãng huôn, đã đăng lính ở mặt trận miền Tây, đi đánh nhau và trở về Tiệp với quân hàm đại úy quân nhu.

Sau chiến tranh, hẳn tiếp tục phục vụ trong quân đội Tiệp, tuy nhiên, cuộc sống này không nhẹ nhõm và sung túc như cuộc sống thời trước, mà hẳn đã quen. Năm 1949, sau một cơn say rượu hẳn lái xe về nhà và trên đường đi đã cán phải một người thợ máy đi làm về, người này bị gãy chân và bị chấn thương sọ não. Nô-vắc bị đuổi khỏi quân ngũ, tước quyền được hưởng lương hưu trí. Tiền vốn hẳn vẫn đủ tiêu, vì hẳn lấy được cô vợ có của. Nhưng từ nay, lại phải trả tiền bồi thường thương tật cho nạn nhân mà hẳn cán phải, nên tiêu pha cũng bị kiểm chế. Mấy năm liền hẳn không làm gì, tiền tích lũy được dần dần cũng cạn. Thời kỳ này lại tiến hành cải cách tiền tệ, và Nô-vắc buộc phải đi kiếm việc để đỡ khó khăn hơn. Cuối cùng hẳn xin được việc làm chân gác đêm ở Viện nghiên cứu ô-tô. Cứ chiều tối hẳn đến Viện làm việc, đến sáng lại về nhà. Hẳn ít gặp mặt ai, hàng xóm cũng ít biết gì về hẳn. Dần dần, mọi người quên đi chuyện rủi ro đã xảy ra với hẳn. Cuộc đời cứ như vậy trôi qua bên cạnh hẳn...

Cho đến lúc Nô-vắc nghe nói đến chuyện ắc-quy mới. Hẳn tự thấy mình gặp may hai lần. Lần đầu, vào một năm trước đây, người ta chở chiếc két sắt cho nhóm Đa-vi-đếch về Viện. Trên đường, động cơ xe vận tải bị trục trặc, và mãi đến đêm, cái két mới được đưa về đến Viện. Người ta dỡ xuống để ở phòng người gác đêm và đành để tạm đó cho tới sáng mai. Cả chìa khóa của két, người ta cũng giao luôn cho Nô-vắc cho tiện. Nô-vắc

bền tô lại thật khớp mẫu chìa khóa ấy với kích thước chính xác, và sau đó nhờ một người bạn có nghề cơ khí làm cho mình một chiếc chìa khóa giống hệt thế.

Lần gặp may thứ hai là vào mùa hè năm ngoái. Hãn đã mấy lần đề nghị được đi phép thăm bà chị đang sống ở Viên, thủ đô Áo. Cuối cùng, hãn được toại nguyện. Hãn đã sang thành phố nằm trên sông Đa-nuýp kia hai tuần, và khi về nhà thì dặt theo rất nhiều tiền cùng với một chiếc máy ảnh “Ko-đắc” cỡ nhỏ.

Hãn vẫn cứ chiều chiều đến Viện làm việc như cũ, và sáng sớm vừa rõ mặt người là trở về nhà.

Vào tháng Hai, kế hoạch đã dự định được thực hiện. Hãn có rất nhiều thì giờ thuận lợi và đã bình tĩnh mở két, chụp lại tất cả tài liệu miêu tả ắc-quy và các bản vẽ. San đó, hãn gửi thư cho bà chị ở Viên, thông báo rằng mọi việc ở gia đình hãn cũng như sức khỏe vợ hãn rất tốt. Đó chính là ám hiệu quy ước là tài liệu đã chuẩn bị xong. Hãn đã hợp đồng như vậy ở Viên, với đại diện của Công ty hỗn hợp “M.W.F.”.

Mọi chuyện xảy ra đúng như dự tính. Nô-vắc đem phim cắt trong chiếc phong bì đến quán “Xla-vi-a”. Đúng mười giờ, một người đàn ông còn trẻ, đẹp trai, khỏe mạnh, vào quán cà-phê. Nô-vắc đến gần anh ta, và nói một câu đã hẹn trước qua điện thoại, để hỏi mượn tờ báo. Người kia trả lời đúng ám hiệu: “Xin mời ông, chẳng nào thì tôi cũng sẽ rời khỏi đây trong năm phút nữa thôi mà!”. Nô-vắc đặt cái phong bì xuống dưới xấp báo, nhưng lại cầm theo ở xấp báo ruột phong bì khác để sẵn: trong đó 5.000 đồng mác Tây Đức và 3.000 đô-la Mỹ.

- Thế ngộ nhờ không phải là anh ta? Anh không sợ là cuốn phim có thể rơi vào tay kẻ khác à?

- Không. - Lê-ô-pôn Nô-vắc trả lời. Chúng tôi đã hẹn rất chi tiết. Người gọi điện cho tôi đã nói đúng tên ông anh rể tôi và nói: “Đúng 10 giờ đây. Tôi sẽ mặc một cái áo vét xanh da trời quần màu ghi, trên ca-vạt xanh



có dấu hiệu một chiếc ghim có hình quả bóng đá. Tiền nong sẽ được trao lại cho ông tức khắc, trong chiếc phong bì dưới xấp báo...”.

Khi tôi hỏi Nô-vắc, hẳn có biết rằng trong lúc chụp ảnh, hẳn đã làm rơi một trang tư liệu và chính từ đó mà chúng tôi nghi ngờ không, hẳn tái người đi, sa sầm lại.

- À, thì ra nguyên nhân là từ đây. Giá như không có trang giấy ác hại ấy, tôi đã thoát, hoàn toàn vô can...

- Không đâu! Sự việc còn kết thúc đáng buồn hơn! Vì ngay tận lúc chúng tôi đến bắt anh, hãy còn có một “vị khách” rất chiếu cố đến anh và đến tận nhà nữa đấy, mà hẳn cũng rất cần phát minh kia. Chắc hẳn không phải hẳn đến để chào anh theo kiểu khách khí lịch sự đâu!

Tôi kể lại cho hẳn nghe tình huống đã xảy ra.

Ở quán cà-phê “Xla-vi-a” anh đã bị chụp ảnh đúng lúc anh nhận tiền. Còn kẻ đến nhà anh sau này cũng muốn đoạt lấy cuốn mi-crô-phim kia nữa. Anh phải cảm ơn trời đã dun dủi cho chúng tôi đến cùng lúc ấy.

Nhưng tại sao lại có một trang giấy rơi ra dưới tủ? Hẳn giải thích: trong lúc đang say xưa công việc khoảng 5 giờ sáng, đột nhiên có chuông điện thoại. Có thể có ai đó nhầm số. Ai lại có thể gọi đến Viện nghiên cứu vào giờ sớm thế, khi chưa có một ai đến cả? Nhưng Nô-vắc hoảng hốt quay lại, tập tài liệu rơi xuống sàn, và từng trang giấy bay tung ra. Hẳn phải chạy ra cửa ngó xem có ai đến Viện không... Nhưng xung quanh vẫn yên tĩnh, đến chó cũng còn ngủ, chưa thấy sủa! Tuy nhiên, cảm giác lo sợ vẫn không rời hẳn. Hẳn vội vã, và tất nhiên không được cẩn thận lắm, thu thập lại các tờ tài liệu, kết thúc việc chụp, đặt lại tập tài liệu vào tủ và khóa lại. Nô-vắc cũng rất lo, nhờ bị phát hiện, nhưng nhiều ngày trôi qua yên tĩnh, và hẳn dần bình tâm lại.

Chìa khóa kết sắt, hẳn vứt đi ngay xuống nhánh sông gần đó. Còn việc sau đó có toàn cán bộ công an hình sự đến Viện làm việc, rồi đến nhóm của tôi, thì hẳn không biết. Chỉ hôm kia, hẳn cảm thấy có gì không ổn, khi O-bla-sếch xuất hiện ở Viện.

Vậy là vụ án Nô-vắc kết thúc, chúng tôi chuyển sang cho Viện kiểm sát làm tiếp. Tất nhiên, sẽ còn phải hỏi cung thêm hẳn nữa, nhưng không phải bộ phận chúng tôi làm.

Chúng tôi cũng được biết thêm một số điều về người đã chết trong chiếc xe “Xim-ca” xanh: Gióc-giơ Vít-ke đã có một tiểu sử thật “phong phú”. Ông ta sinh ở Ba-Lan, rồi lấy quốc tịch Pháp. Khi chiến tranh nổ ra, ông ta ở Pa-ri. Sau đó ông ta sang Anh, được tập luyện trong đội lính công-măng-đô, rồi làm việc ở phòng tình báo quân đoàn An-đéc-xơ, với chức vụ sĩ quan đặc nhiệm. Sau chiến tranh, một thời kỳ ông ta mất tích. Có lẽ, theo một số tang chứng, ông ta sang Nam Mỹ sinh sống. Ở đâu và bao nhiêu lâu, không ai biết. Chỉ biết E-gơ Vít-kốp-xky - tên thật ông ta - đã kết thúc đời mình trên một quãng đường lát đá lạnh lẽo ở ngoại ô Pra-ha như vậy đó! Vít-ke tức Vít-kốp-xky đã đến Pra-ha, rồi sang Vác-sa-va trên chiếc “Xim-ca” xanh của mình. Ở Vác-sa-va. Ông ta nhận được một bức điện từ Pa-ri. Gọi điện về “văn phòng” của hãng, ông ta được lệnh quay trở lại Pra-ha ngay, ở đó có một nhiệm vụ quan trọng đang đợi. Tất cả các chi tiết đó, các cơ quan An ninh Ba Lan đã cung cấp cho chúng tôi.

Vậy là ngài Vít-kốp-xky trở lại Pra-ha, kéo dài thời hạn “công tác”. Vào chiều Thứ Hai, ông ta đến ở khách sạn “Các-lơ-tôn”. Phòng 416, ông ta tự chọn, vì theo ông ta nói, một tuần trước đó, đi qua Pra-ha, ông ta hình như đã sống ở đây, và căn phòng này rất hợp ý ông. Ông ta đã gặp may: phòng này chưa có ai ở. Cũng vào Thứ Hai, Vi-ke đến chỗ mấy đoàn xiếc đang “nghỉ đông” ở Đôn-nhi Pôt-se-nhit-xơ, nhưng sau, không một lần nào quay lại đây nữa.

Vít-ke theo dõi Vi-ne và Cuốc, còn hai người kia thì lại không rời mắt khỏi Pích-le. Và những gì đã xảy ra sáng Thứ Năm trong phòng Vi-ne, thì chỉ còn có thể phỏng đoán được. Cuốc không biết gì về sự tồn tại của Vít-ke cạnh mình. Trong phòng giải phẫu, anh ta nói rằng mới trông thấy Vít-ke lần đầu tiên. Và chỉ mãi sau, anh ta mới nhớ đến con người đã xuất hiện ở phòng 316, khi chúng tôi kiểm tra thiết bị “ti- vi” của Vi-ne.

Vi-ne có quen với Vít-ke không, điều đó, chúng tôi không thể nào biết được. Chắc chắn hơn cả là khi Vit-ke thấy Cuốc đi rồi, bèn lên vào phòng Vi-ne và đòi đưa cuốn phim. Đầu tiên là đòi hỏi, rồi sau là đe dọa, và cuối cùng thực hiện điều đe dọa!

Hắn tìm cuốn phim, và có lẽ không thấy, chỉ phát hiện được chiếc bật lửa - máy ảnh của Vi-ne. Và Vit-ke tưởng rằng cuốn phim để trong đó. Nhưng, khi về tráng phim ra, chỉ thấy Pích-le với một người lạ mặt. Cũng có thể là Vít-ke trong giây lát ấy cũng có mặt ở quán “Xla-vi-a” nữa chẳng?

Điều quan trọng khác: Vít-ke đã biết người bán cho Pích-le cuốn phim kia rồi. Vậy tìm hắn ở đâu? Chắc chắn là ở Viện. Vậy là Vít-ke, hắn đã phải theo dõi hết những người ra vào Viện. Nhưng hắn đã không phát hiện được Nô-vắc, vì không thể ngờ rằng kẻ đó lại làm nghề gác đêm. Chỉ có ngày hôm nay, khi Nô-vắc đến lĩnh lương ban ngày, hắn mới nhìn thấy và theo đến nhà.

Vậy còn chiếc khay mạ vàng kia nữa, thì ở đâu?

Chiếc khuy mạ vàng của Pích-le với cuộn mi-crô-phim tí xíu kia, có thể ở đâu được nhỉ?

Không thể có nó ở Vit-ke, nếu không, hẳn đã không phải đi tìm Nô-vắc, còn nếu như Vi-ne giấu nó ở đâu đó trong phòng, thì các chuyên viên của chúng tôi hẳn đã tìm ra được. Không phải chỉ một nhóm, mà là ba nhóm chuyên viên đã lục soát các phòng 316 và 416 của khách sạn, lật tung hết mọi thứ từ dưới lên trên. Chiếc khuy mạ vàng có cuộn phim quý giá hình như đã bốc hơi mất!

Chúng tôi lại gọi Cuốc đến, nhưng anh ta không thể hình dung ra được phải tìm nó ở đâu. Nhờ Vi-ne đã trao nó cho ai rồi? Chẳng hạn ngoài Đơ-vô-giác, hẳn còn có những người đồng lõa khác nữa? Hoặc là nhận ra Vít-ke và hoảng sợ, Vi-ne đã phải trao nó cho một người lạ nào khác nữa? Còn nếu hẳn giấu, thì ở đâu? Có ở khách sạn không?

Chúng tôi cố nghĩ xem hòm thư bí mật có thể được đặt ở đâu? Các chuyên viên tìm nó cho tới chiều tối.

Và chúng tôi lại hỏi Cuốc, nhưng đều vô ích. Không ở đâu có chiếc khuy ấy, cả các phòng khách sạn, lẫn nhà riêng Đơ-vô-giác. Cuốc chỉ nhắc lại, là vào sáng Thứ Năm, trước khi xuống ăn sáng, Vi-ne có ngắm nghía cái khuy ấy, rồi sau đó cất vào túi áo gi-lê.

Dù chúng tôi cố vắt óc nghĩ, lật đi lật lại các sự kiện, kết quả vẫn không thể tìm được. Ai nấy đều mệt lử, vì hầu như từ hôm Thứ Tư đến giờ, lúc nào cũng phải chạy. Tôi cố uống một ít viên thuốc tăng lực, nhưng đến chiều thì cảm thấy, là ngay cả thứ thuốc “đô-pinh” ấy cũng không còn tác dụng nữa! Chỉ khát nước, và tôi uống một hơi liền hai cốc bia vại, còn cái khoản thuốc lá thì tôi đã bỏ từ lâu. Nhưng đầu vẫn đau không chịu nổi, và tôi hiểu: phải nghỉ đã! Gô-mô-la bước vào phòng, mắt ông cũng xừng đỏ tấy. Ông nói quả quyết:

- Đủ rồi, các cậu nghỉ đã! Dưới cửa có hai chiếc xe, để chở các cậu về nhà đấy. Ngủ đi. Cả tôi cũng phải thế. Chúng ta đã làm tới giới hạn cuối cùng rồi, không còn năng lực làm gì thêm nữa đâu! Hãy để Be-rơ-giếch và nhóm cậu ta làm nốt. Mọi việc chuyển giao cho cậu ấy hết. Ngày mai, vào đúng 18 giờ, chúng ta sẽ lại gặp nhau ở đây.

Tôi chỉ nhớ là tôi gần như thiếp đi trong xe, và người lái xe có lẽ phải công tôi lên tận phòng. Xóm giềng quanh nhà tôi tùm tùm, tưởng tôi bị xay rượu đến bất tỉnh. Nhưng lúc ấy tôi đâu còn sức để ý gì đến ai xung quanh...

Tôi ngủ say như chết mười tám tiếng liền. Khi tỉnh dậy, đầu óc trở lại tỉnh táo, và tôi khoan khoái đi tắm. Tôi đứng xả nước dưới vòi hương sen khá lâu, rồi vội vã đi cạo râu, nhưng mẹ tôi nhìn tôi và nói:

- Đừng vội, ở cơ quan gọi điện đến, báo rằng sẽ có xe đến đón con sau nửa tiếng nữa. Và còn một cô nào gọi điện đến nữa. Mẹ không biết trả lời thế nào, nếu một lần nữa cô ta lại hỏi con?

Đúng Ma-ri-a rồi! Phải giải thích cho cô thông cảm...

Phòng làm việc của thiếu tá đã đông đặc người. Hai cô đánh máy đang gõ càn cạch.

- Sao rồi? Các cậu đã tìm được cái khuy áo chết tiệt ấy chưa? - Đây là câu đầu tiên tôi hỏi Bo-rơ-giếch khi anh đi cùng O-bla-sếch vào phòng, cả hai cùng cười cái gì đó.

- Chờ tí đã. Ông bạn hàng của nhóm!...

Nhưng họ chưa kịp nói thêm thì thiếu tá đã gõ gõ cái bút:

- Chiều nay và sáng mai, các đồng chí hãy tiến hành nốt các cuộc hỏi cung, hoàn thành các biên bản đi, để Thứ Ba là ta phải đưa hết sang Viện kiểm sát rồi đấy...

Ông nói độ năm phút, thâu tóm ngắn gọn kết quả công việc của nhóm chúng tôi. Sau đó nhường lời cho Bo-rơ-giếch.

Chiếc khuy mạ vàng, vậy là cuối cùng đã tìm ra! Bo-rơ-giếch và nhóm của anh ta đã nghiên cứu một đêm biên bản các cuộc hỏi cung. Họ đối chiếu các sự kiện và đi đến kết luận rằng chiếc khuy đó phải còn trong khách sạn.

Họ đưa ra và gạt đi từng giả thuyết khác nhau, rồi họ hỏi cung Cuốc, Đơ-vô-giắc, và đến sáng thì bí mật đã được khám phá!

Vấn đề là họ rất chú ý đến một chi tiết, mới đầu tưởng không có gì đáng kể, đã có ghi trong biên bản giám định pháp y. Trong biên bản khám

nghiệm thi thể Vi-ne có nói rằng, dưới móng tay ngón cái và ngón trỏ bàn tay phải phát hiện thấy một chút dấu vết đất, khi soi kính hiển vi. Tay đã được rửa rất sạch, nhưng khi qua kính hiển vi có thể phát hiện được dấu vết ấy. Bo-rơ-giếch còn ra lệnh phân chất thử đất còn sót lại thành một vệt rất mỏng ấy. Phòng thí nghiệm trả lời rằng đây là thứ đất người ta thường giồng các cây cảnh mọc quanh nhà.

Vào lúc tám giờ sáng, Bo-rơ-giếch cùng hai người cộng sự kèm Phri-đrich Cuốc đến khách sạn. Họ vào phòng ăn, và Cuốc chỉ cái bàn, nơi hẳn ta cùng Vi-ne đã ngồi ăn sáng.

Trong góc phòng, cạnh cái bàn con, thấy một bông hoa lớn. Bo-rơ-giếch hành động chớp nhoáng và chỉ độ năm giây sau trong tay anh đã lấp lánh chiếc khuy mạ vàng ở áo vét Pích-le, cùng với “cái nhân” quý hóa chứa trong nó: cuộn mi-cô-phim.

Chuyện gì đã xảy ra với Vi-ne vào cái buổi sáng trở thành thật bất hạnh với hẳn ấy?

Hẳn gọi trứng trắng trộn xúc xích và rượu cô-nhắc. Khi Cuốc đi khỏi, phòng ăn vắng hẳn, gần như trống rỗng. Vi-ne vẫn ngồi một mình. Theo như Cuốc nhớ lại, những bàn ăn bên cạnh cũng không có ai. Và đột nhiên có một người nào đấy bước vào, người ấy Vi-ne phải biết rõ và có đủ cơ sở để thấy sợ hãi. Người đó chỉ có thể là Vít-ke.

Vi-ne uống hết cô-nhắc, gọi thêm nữa. Các nhân viên phục vụ khai như vậy. Che mặt sau tờ báo, Vi-ne suy nghĩ rất hung, Vít-ke đến đây chỉ vì hẳn, hay còn vì một mục đích gì khác mà Trung tâm phải cử ngài J. vĩ đại sang đây?

Hẳn cẩn thận lấy chiếc khuy từ túi áo gi-lê ra và đem ấn nó lút vào bồn sứ trồng một bông hoa hồng nhung cực lớn. Ngày mai, trước lúc lên đường, hẳn sẽ lấy ra giấu vào xe hơi. Hầy còn cả một ngày dự trữ, để nghĩ xem giấu chỗ nào ở trong xe cho bí mật.

Trả tiền xong, hẳn lên phòng và có tâm trạng chờ đợi khách đến. Hẳn đã phải chờ không lâu.

Nhưng Vít-ke không hề biết là Vi-ne đã giấu cuộn phim. Khi sáng, nghe trộm được mẩu đối thoại giữa Vi-ne và Cuộc, hẳn đã hoàn toàn tin chắc rằng cuộn phim do Vi-ne giữ. Và giết Vi-ne xong, hẳn ra sức tìm, lục soát, phá phách ghê gớm trong phòng. Không tìm đâu thấy phim, hẳn lấy được chiếc bật lửa - máy ảnh, dự đoán rằng phim phải bỏ ở trong đó. Ngoài ra Vít-ke không thể còn tìm được gì đặc biệt hơn ở Vi-ne nữa. Có thể hình dung ra sự thất vọng của Vít-ke, khi hẳn ta hiểu ra rằng hẳn chỉ lấy được một vật không cần! Và biết rằng chúng ta đã tham dự vào vụ này, hẳn phải lao theo một dấu vết khác để đi tới đích; phải tìm cho ra người đã chụp ảnh cùng với Pích-le trong quán cà-phê, tức Lê-ô-pôn Nô-vắc!

Vì sao Vít-ke phải giết Vi-ne? Việc này chỉ có thể dự đoán. Cuộc nói rằng, loại người như Vít-ke là loại “linh cầu” đi ăn thịt kẻ khác, nghĩa là đi khử kẻ nào không còn có tác dụng gì, thậm chí còn có hại cho công việc.

Vi-ne ở đây đã thành kẻ không thích hợp nữa, vì hẳn không tiến hành nổi chiến dịch một cách êm thấm, hẳn đã giết Pích-le và do đó, thế nào cũng bị lộ ra.

Cũng không loại trừ khả năng có một phương án khác: Vít-ke không phải do Grê-gô-ri cử đi (đây cũng là một nhân vật rất mập mờ! Chúng tôi có điện hỏi Phơ-răng-phua và được trả lời rằng, người có tên họ như vậy không tìm thấy ở Phơ-răng-phua) mà lại do một tổ chức khác điều khiển, cũng là một tổ chức gián điệp kinh tế và đã được thông báo về phát minh mới của các kỹ sư Tiệp Khắc. Lại cũng còn khả năng, là ở khách sạn “Các-lơ-tôn” cùng một lúc có nhiều nhóm hoạt động tách rời nhau, và đây là họ thanh toán với nhau do những thù hằn cũ v.v... và v.v... Đó là những việc không bao giờ chúng tôi biết hết được.

Dù sao, điều cốt yếu là trong cuộc đấu trí này, chúng tôi đã giơ cao tấm mộc che chắn, bảo vệ được lợi ích của đất nước.

Ngồi cạnh thiếu tá kiểm sát viên. Lúc này ông mới kịp hỏi tôi:

- Thượng úy có thể giải thích rõ, là đồng chí đã tìm ra được bí mật của con số điện thoại ấy như thế nào không?



- Vâng, chính tôi cũng chưa kịp giải thích cho mọi người nghe điều ấy. Có gì đâu. Sáng Thứ Bảy ấy, đầu tôi nhức như búa bổ, và tôi cúi xuống, luồn tay tìm thuốc uống ở trong ngăn bàn. Cái nhìn của tôi vừa cúi sát tới ngang tầm trang danh bạ điện thoại đang mở rộng. Số trang ấy là 395 - đúng cái trang có hàng loạt tên họ Nô-vắc mà chúng tôi đang cân nhắc ấy - Trên trang ấy, mỗi tên họ Nô-vắc lại có một số thứ tự nữa: số 14, là Lê-ô-pôn Nô-vắc, chấp lại, đáng cái số đang làm tôi điên đầu: 395 - 14! Thật là đơn giản! Tiếp đó là địa chỉ: Pra-ha, phố Prô-xếch v.v...

Tất nhiên, trong phút ấy tôi gặp may, và bất kỳ ai khác, cũng có thể đoán ra trong hoàn cảnh tương tự.

... Cũng y như Bo-rơ-giếch, sau khi được ngủ sáng khoái, đã phát hiện ra cái khay áo trong bồn trồng hoa hồng kia khá dễ dàng.

Thứ Tư sau, tôi và thiếu tá lại xem đá bóng. Cuộc đấu giữa hai đội “Xpác-ta” và “Xla-vi-a” hòa 0-0, nhưng cả hai đều thấy thỏa mãn. Tôi muốn về nhà, vì tôi vẫn chưa có dịp ngủ bù cho thật bõ, những Gô-mô-la mời tôi về nhà ông uống cà-phê.

Ông đặt lên bàn một chai cô-nhắc. Tôi vẫn có ý chờ xem ông muốn nói gì. Cuối cùng, không kiên nhẫn nổi, tôi đành hỏi trước. Ông nói:

- Tôi có ba lý do để chúc mừng cậu! Thứ nhất các bạn cùng nhóm, sau khi đã tỏ ra rất bí mật, đã thông báo cho tôi biết rằng mùa thu này cậu sẽ lấy vợ! thứ hai là: ngày hôm nay tôi nhận được quyết định của Bộ thăng cấp cho cậu trước thời hạn. Và, cuối cùng, điều thứ ba, cũng đáng để uống mừng: tôi muốn giao cho cậu một vụ án mới. Sáng mai, anh em ở phòng điều tra hình sự sẽ đến. Việc xảy ra là, ở trong rừng Mơ-krô-vrat, ngày hôm kia mới tìm thấy một xác đàn ông không có một giấy tờ tùy thân nào. Chỉ có một chi tiết dưới lớp chì hàn răng bị sâu, lại phát hiện được mấy tấm ảnh cực bé, nhét rất khéo vào đó... Lại phải đến cậu ra tay thôi...

Tôi uống rượu, mà cảm thấy vị cô-nhắc sao mà đắng và lợ quá, cứ y như vị xà-phòng!

**HẾT**

## Chú thích

- [1] Xin lỗi ông. Thế là thế nào?
- [2] “Chờ cho nửa tiếng nữa” (N.D).
- [3] Xin lỗi, tiếng Pháp (N.D).
- [4] Quản lý.
- [5] J. vĩ đại đã đi rồi (tiếng Pháp)

# Table of Contents

<a href="#">1</a>
<a href="#">2</a>
<a href="#">3</a>
<a href="#">4</a>
<a href="#">5</a>
<a href="#">6</a>
<a href="#">7</a>
<a href="#">8</a>
<a href="#">9</a>
<a href="#">10</a>
<a href="#">11</a>
<a href="#">12</a>
<a href="#">13</a>
<a href="#">14</a>
<a href="#">15</a>
<a href="#">16</a>
<a href="#">17</a>
<a href="#">18</a>
<a href="#">19</a>
<a href="#">20</a>
<a href="#">21</a>
<a href="#">22</a>
<a href="#">23</a>
<a href="#">24</a>
<a href="#">25</a>
<a href="#">26</a>
<a href="#">27</a>
<a href="#">28</a>
<a href="#">29</a>

30

31

32

33

34

Chú thích